BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

NGUYỄN THỊ NGA

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

LUẬN VĂN THẠC SỸ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hà Nội – Năm 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

NGUYỄN THỊ NGA

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

LUẬN VĂN THẠC SỸ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. Hoàng Thị Hồng Lê

Hà Nội – Năm 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn "**Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc** " là kết quả nghiên cứu trung thực của riêng tôi.

Các tài liệu, số liệu sử dụng trong luận văn, các trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc từ Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc cung cấp và do cá nhân tôi thu thập từ các văn bản Luật, sách, báo, tạp chí Thuế, các báo cáo của ngành Thuế và các kết quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã được công bố.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Nga

LỜI CẢM ƠN

Trước hết tác giả xin được bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả các tập thể và các cá nhân đã tạo điều kiện giúp đỡ trong học tập và trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận văn với đề tài: *"Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc"*.

Luận văn này được hoàn thành dưới sự hướng dẫn nhiệt tình và nghiêm khắc của TS. Hoàng Thị Hồng Lê. Tác giả xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới Cô.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, các giảng viên chuyên ngành Quản tri kinh doanh Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải đã giảng dạy và tạo điều kiện giúp đỡ tác giả trong khóa học và trong quá trình thực hiện luận văn.

Tác giả cũng xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo và các bạn đồng nghiệp trong Cục Thuế, Các phòng Văn phòng Cục, các Chi cục Thuế thuộc Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc nơi tác giả công tác, các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đã tạo điều kiện về mặt thời gian cũng như cung cấp số liệu để bản luận văn được hoàn thành tốt.

Xin chân thành cám ơn!

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2020

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Nga

DANH MỤC CÁC TỪ, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	CQT	Cơ quan thuế
2	MST	Mã số thuế
3	NNT	Người nộp thuế
4	NSNN	Ngân sách nhà nước
5	TNCN	Thu nhập cá nhân
6	TCL	Tổng cục thuế
7	DN	Doanh nghiệp

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CẢM ƠN ii
DANH MỤC CÁC TỪ, CHỮ VIẾT TẮT iii
MỤC LỤC iv
DANH MỤC SƠ ĐỒ vii
DANH MỤC BẢNG BIỂU viii
TRÍCH YẾU LUẬN VĂN THẠC SĨ ix
MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Mục đính nghiên cứu của đề tài. 3
3. Phương pháp nghiên cứu 3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 6
5. Kết cấu của luận văn 6
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN 7
1.1. Tổng quan về Thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công. 7
1.1.1 Khái quát về thuế thu nhập cá nhân 7
1.1.2. Vai trò của thuế thu nhập cá nhân 19
1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thiết lập thuế TNCN 21
1.2. Quản lý thu thuế TNCN 25
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý thuế thu nhập cá nhân 25
1.2.2. Nội dung công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân 29
1.2.3. Yêu cầu và các biện pháp quản lý thu thuế TNCN 35
1.3. Các yếu tố ảnh hướng đến công tác quản lý thuế TNCN 39
1.3.1. Các nhân tố ảnh hưởng chủ quan đến công tác quản lý thuế TNCN 40
1.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng khách quan đến công tác quản lý thuế TNCN 42

1.4. Bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý thuế TNCN cho Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. 42
1.4.1. Kinh nghiệm quản lý thuế TNCN ở Cục Thuế tỉnh Phú Thọ. 42
1.4.2. Một số bài học kinh nghiệm đối với Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong công tác quản lý thuế TNCN. 44
KẾT LUẬN CHƯƠNG I 46
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC 47
2.1 Tổng quan về Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 47
2.1.1 Đặc điểm kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc 47
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 48
2.1.3 Kết quả thu NSNN, thu thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc 51
2.2 Thực trạng công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. 56
2.2.1 Tổ chức bộ máy quản lý thuế TNCN 56
2.2.2.Thực trạng công tác tuyên truyền hỗ trợ về thuế thu nhập cá nhân..... 58
2.2.3. Thực trạng công tác quản lý Đăng ký thuế, Kê khai, Nộp thuế TNCN. 61
2.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập cá nhân 68
2.2.5. Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế 71
2.2.6 Thực trạng công tác quyết toán thuế và hoàn thuế TNCN 74
2.2.7 Công tác miễn, giảm thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. 76
2.3. Đánh giá công tác quản lý thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 77
2.3.1. Những thành tựu đạt được 77
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân 80
KẾT LUẬN CHƯƠNG II 90

Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC 91

3.1 Quan điểm, định hướng, mục tiêu trong công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. 91

3.1.1 Quan điểm, định hướng trong công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân của ngành Thuế. 91

3.1.2 Mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân 92

3.2 Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công đối với những cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. 93

3.2.1 Giải pháp về công tác đăng ký thuế và quản lý MST, kê khai nộp quyết toán thuế, hỗ trợ công tác thanh kiểm tra. 93

3.2.2. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thuế 99

3.2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức thuế thu nhập cá nhân đến người nộp thuế 101

3.2.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế TNCN 104

3.3 Kiến nghị 106

3.3.1 Kiến nghị với Tổng cục Thuế 106

3.3.2 Kiến nghị với Bộ Tài chính 109

3.3.3 Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc 112

KẾT LUẬN CHƯƠNG III 113

KẾT LUẬN 114

TÀI LIỆU THAM KHẢO 116

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Thủ tục đăng ký cấp mã số thuế cá nhân 16
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ quy trình quản lý thuế thu nhập cá nhân 30
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc 50
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ Quy trình quản lý thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 57

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 1.1: Biểu thuế suất Thuế TNCN lũy tiến từng phần. 14
Bảng 2.1. Tổng số thu nội địa của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 52
Bảng 2.2. Kết quả thu thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 54
Biểu đồ 2.1. Thực hiện dự toán thu thuế TNCN tại Cục thuế Vĩnh Phúc 54
Bảng 2.3. Kết quả thu thuế TNCN từ TLTC tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 55
Bảng 2.4. Kết quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 59
Bảng 2.5: Bảng tổng hợp mã số thuế của NNT tại tỉnh Vĩnh Phúc đến 31/12/2019 62
Biểu đồ 2.2: MST đang hoạt động chia theo khu vực kinh tế đến 31/12/2019 63
Bảng 2.6: Thống kê tình trạng chấp hành kê khai thuế TNCN đối với các doanh nghiệp Cục thuế quản lý năm 2019 65
Bảng 2.7. Thống kê lỗi trong kê khai thuế tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 66
Bảng 2.8: Công tác kê khai thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 67
Bảng 2.9. Tình hình công tác thanh, kiểm tra thuế TNCN 69
Bảng 2.10. Tình hình công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNCN 72
Bảng 2.11. Tình hình hoàn thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc 74
Bảng 2.12 Tình hình giảm thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc 77

TRÍCH YẾU LUẬN VĂN THẠC SĨ

Tên đề tài: "Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc".

Họ và tên học viên: **Nguyễn Thị Nga**

Mã Học viên: K4CH4QT21191 Lớp: K4CH1QT22 Khoá: K4

Từ khóa: Thuế Thu nhập cá nhân, tiền lương tiền công

Nội dung tóm tắt:

1. Tính cấp thiết của đề tài

- Thuế TNCN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong số thu ngân sách nhà nước ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vì vậy làm tốt công tác quản lý thuế thu nhập nói chung và thuế TNCN nói riêng sẽ có tác dụng lớn trong việc huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho ngân sách nhà nước. Thuế Thu nhập cá nhân điều tiết thu nhập cá nhân, thể hiện rõ nghĩa vụ của công dân đối với đất nước và được căn cứ trên các nguyên tắc: lợi ích, công bằng và khả năng nộp thuế và đây cũng là nghĩa vụ của tất cả những người lao động trên lãnh thổ Việt Nam.

- Công tác quản lý thuế TNCN ở Vĩnh Phúc còn nhiều bất cập, vướng mặc cả trong cụ thể hóa cơ chế chính sách lẫn trong tổ chức thực hiện. Tồn tại cơ bản là ở chỗ, hiện chưa bao quát được hết đối tượng nộp thuế. Một số cá nhân có nhều nguồn thu nhập nhưng không thực hiện kê khai đầy đủ các nguồn thu nhập đó, kê khai trùng người phụ thuộc, những người có 02 nguồn thu nhập trở lên đều ngại tự mình đi quyết toán hoặc chưa năm rõ thủ tục nộp hồ sơ quyết toán nên ủy quyền cho đơn vị chi trả thu nhập thực hiện quyết toán thay dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước, gây thiệt hại cho quyền lợi chính đáng của NNT.

- Lựa chọn đề tài nghiên cứu "**Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**" là cần thiết nhằm các giải pháp hoàn thiện, góp phần tăng cường hiệu lực hiệu quả của công tác quản lý thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Phân tích, đánh giá được thực trạng công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Tìm ra một số giải pháp nhằm tăng cường công tác công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Phạm vi nghiên cứu**:** Nghiên cứu lý luận, thực trạng, giải pháp về công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công đối với những cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công đối với những cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

Về thời gian: Nghiên cứu được giới hạn trong khoảng thời gian từ năm 2017-2019.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Tác giả sử dụng các phương pháp cụ thể sau:

+ Phương pháp thu thập thông tin

+ Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

+ Phương pháp tổng hợp dữ liệu

5. Đóng góp về khoa học của luận văn

- Góp phần hệ thống hóa lý luận hệ thống hóa một số vấn đề cơ sở lý luận về thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đưa ra một số giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 2021

Giáo viên hướng dẫn	**Học viên**
TS. Hoàng Thị Hồng Lê	**Nguyễn Thị Nga**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bất kì một chế độ xã hội nào, thuế luôn luôn là một công cụ thể hiện quyền lực của Nhà nước và là nguồn tài chính chủ yếu. Thuế vừa tạo ra và đảm bảo nguồn thu chủ yếu cho ngân sách Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho bộ máy Nhà nước về an ninh, quốc phòng, khu vực hành chính công, vừa là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Ở Việt nam hiện nay, hệ thống các sắc thuế đang áp dụng gồm 2 loại cơ bản: thuế gián thu và thuế trực thu; thuế gián thu gồm các sắc thuế như thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, nhập khẩu và thuế trực thu như thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

Thuế TNCN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong số thu ngân sách nhà nước ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Hiện nay, ở các nước phát triển tỷ trọng thu ngân sách của thuế TNCN rất cao từ 30- 40%, có những nước lên đến 50% như Mỹ, Nhật…, ở các nước đang phát triển chiếm từ 15- 30% như Thái Lan, Malaixia… Vì vậy làm tốt công tác quản lý thuế thu nhập nói chung và thuế TNCN nói riêng sẽ có tác dụng lớn trong việc huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho ngân sách nhà nước. Việc đảm bảo nguồn thu từ thuế là mục tiêu quan trọng hàng đầu của công tác quản lý thuế. Thuế Thu nhập cá nhân điều tiết thu nhập cá nhân, thể hiện rõ nghĩa vụ của công dân đối với đất nước và được căn cứ trên các nguyên tắc: lợi ích, công bằng và khả năng nộp thuế và đây cũng là nghĩa vụ của tất cả những người lao động trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong thời gian qua cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, thu nhập của các tầng lớp dân cư cũng tăng lên đáng kể, đồng thời đối tượng nộp thuế TNCN và hình thức thu nhập của các bộ phận dân cư và người lao động cũng rất đa dạng. Theo lộ trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn

2010-2020, thị trường tài chính, tiền tệ, vốn, lao động sẽ có sự phát triển mạnh mẽ hơn. Nền kinh tế sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có cơ hội đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, có thêm nguồn thu nhập khác nhau. Bên cạnh đó, cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, một số người nước ngoài làm ăn sinh sống tại Việt Nam và số người Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài cũng tăng lên. Thu nhập giữa nhóm người có thu nhập cao và nhóm người có thu nhập thấp có xu hướng ngày càng tăng. Sự đa dạng và gia tăng thu nhập của các cá nhân trong xã hội sẽ làm cho khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư ngày càng lớn. Chính sự chênh lệch phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt dẫn đến những hệ lụy về kinh tế, xã hội, chính trị đòi hỏi phải điều tiết thu nhập, giảm khoảng cách giàu nghèo. Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết đó sắc thuế Thu nhập cá nhân ra đời.

Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được đưa vào áp dụng ở Việt Nam từ năm 1991. Để phù hợp với sự phát triển của từng thời kỳ, từ đó đến nay Pháp lệnh đã nhiều lần được sửa đổi, bổ sung. Tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XII, ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật thuế thu nhập cá nhân đã được thông qua, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Ngày 22 tháng 11 năm 2012, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIII, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân đã được thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2013.

Tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, số thu về thuế TNCN có xu hướng tăng cao qua từng năm. Số thu về thuế TNCN bao gồm số thuế được phát sinh từ các khoản thu nhập: từ kinh doanh, từ tiền lương tiền công, từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng vốn…….Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Công tác quản lý thuế TNCN ở Vĩnh Phúc còn nhiều bất cập, vướng mặc cả trong cụ thể hóa cơ chế chính sách lẫn trong tổ chức thực hiện. Tồn tại cơ bản là ở chỗ, hiện chưa bao quát được hết đối tượng nộp thuế. Trong thực hiện, trình độ năng lực công chức Thuế chưa đáp ưng yêu cầu, ý

thức chấp hành nghĩa vụ của NNT. Một số cá nhân có nhều nguồn thu nhập nhưng không thực hiện kê khai đầy đủ các nguồn thu nhập đó, kê khai trùng người phụ thuộc, những người có 02 nguồn thu nhập trở lên đều ngại tự mình đi quyết toán hoặc chưa năm rõ thủ tục nọp hồ sơ quyết toán nên ủy quyền cho đơn vị chi trả thu nhập thực hiện quyết toán thay dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước, gây thiệt hại cho quyền lợi chính đáng của NNT.

Từ những thực tế, khó khăn vướng mắc nêu trên đòi hỏi phải được nghiên cứu, phân tích, làm rõ thực trạng và đặc biệt tìm ra nguyên nhân, trên cơ sở đó để kiến nghị đưa ra các giải pháp hoàn thiện, góp phần tăng cường hiệu lực hiệu quả của công tác quản lý thuế TNCN, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài ***"Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc"*** là cần thiết, có ý nghĩa lý luận khoa học và tính thực tiễn cao.

2. Mục đính nghiên cứu của đề tài.

- Góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác công tác quản lý Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Phân tích, đánh giá được thực trạng công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Phương pháp thu thập thông tin

Mục đích của thu thập dữ liệu (là các tài liệu nghiên cứu khoa học có trước từ quan sát và thực hiện) làm cơ sở lý luận khoa học hay luận cứ chứng minh giả thuyết hay tìm ra vấn đề nghiên cứu. Thu thập dữ liệu là một công việc quan trọng trong nghiên cứu khoa học.

Nguồn dữ liệu được sử dụng trong luận văn là nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập, tổng hợp từ:

* Dữ liệu tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

- Bước 1: Tiến hành thu thập các tài liệu bao gồm hệ thống các báo cáo hàng tháng, hàng quý, tổng kết năm của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2017-2019
- Bước 2: Rà soát, liểm tra dữ liệu : tính chính xác, tính hợp lý
- Bước 3: Xử lý dữ liệu theo mục đích và yêu cầu của luận văn

* Các số liệu, dữ liệu liên quan đến tình hình quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc được thu thập từ các trang web điện tử có liên quan.

3.2 Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

3.2.1. Nguồn thông tin bên ngoài

Nguồn thông tin bên ngoài: được thu thập từ các loại, từ phiếu điều tra được gửi đến Người nộp thuế, từ sách báo, tạp chí, từ trang web ngành Tài chính như thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

3.2.2 Nguồn thông tin bên trong

Nguồn thông tin bên trong Cục Thuế: là các số liệu và tài liệu được lấy từ báo cáo hàng tháng, hàng quý, tổng kết năm, các báo cáo tổng kết công tác thu thuế, báo cáo tổng hợp thu thuế nội địa trong năm 2017-2019.

Các số liệu liên quan đến dự toán pháp lệnh, đến số thu ngân sách nhà nước; Các bản tin nội bộ ngành Thuế.

Thông tin về quá trình hình thành và phát triển của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Các quy định, chính sách về Luật thuế TNCN; Quy trình đăng ký thuế, quy trình hoàn thuế, quy trình kê khai thuế.

Phương pháp phân tổ thống kê theo các tiêu thức; thống kê mô tả, tổng hợp, so sánh đối chiếu, số bình quân, số tuyệt đối và số tương đối được sử dụng chủ yếu ở Chương 2 nhằm khái quát công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Qua đó phân tích tổng hợp thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình quản lý thuế TNCN, thống kê số liệu từ năm 2017 - 2019 so sánh, đối chiếu, đánh giá thực trạng quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc có những mặt mạnh, mặt tồn tại nào từ đó đề xuất các biện pháp hoàn thiện quản lý thuế TNCN đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương.

3.2.3. Cách xử lý số liệu

Căn cứ kết quả thu NSNN từ thuế TNCN trên địa bàn so với thực tế kế hoạch giao để phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNCN

Căn cứ kết quả số lượng người lao động trong các DN đã được cấp Mã số thuế, kết quả kê khai thuế và thu nộp từ thuế TNCN hàng năm theo nguồn Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ chỉ tiêu đánh giá chi tiết từng loại thuế TNCN theo tính chất để so sánh với tổng số thuế TNCN thu được hàng năm, từ đó rút ra tỷ trọng của từng loại để phân tích.

Đánh giá thực trạng về mô hình tổ chức của lực lượng làm Công tác Quản lý thuế TNCN và công tác quản lý thuế nói chung,

Đánh giá thực trạng về Công tác Tuyên truyền hỗ trợ NNT,

Đánh giá thực trạng về Công tác Đăng ký thuế; Kê khai và kế toán thuế.

Đánh giá thực trạng về Công tác thanh kiểm tra thuế,

Đánh giá thực trạng về hạ tầng công nghệ thông tin ngành Thuế

Đánh giá thực trạng về các mức độ hài lòng của NNT, quy trình thực hiện công tác quản lý thuế của cán bộ thuế

Thống kê, tổng hợp, so sánh trên cơ sở số liệu thực tế được cung cấp tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Đề tài có xây dựng các bảng và biểu đồ để thấy rõ hơn tỷ trọng thu thuế TNCN, phân tích quy mô, xu hướng, tốc độ phát triển và hiệu quả quản lý thuế trên địa bàn giai đoạn 2017-2019. Từ đó rút ra những ưu điểm, những mặt còn hạn chế đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

3.3. Phương pháp tổng hợp dữ liệu

Đối với thông tin thu thập được tác giả tổng hợp bằng hệ thống bảng biểu, đồ thị để so sánh đánh giá, phân tích tác động ảnh hưởng của từng yếu tố đến việc quản lý thu thuế TNCN như thế nào. Trên cơ sở các Phiếu điều tra thu thập được, tác giả tổng hợp mức độ hài lòng của Người nộp thuế đối với cơ quan thuế để đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN; tìm ra

những tồn tại, yếu kém, chỉ ra những nguyên nhân để có các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn thu từ thuế TNCN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công đối với những cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

-*Về nội dung:* Nghiên cứu lý luận, thực trạng, giải pháp về công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công đối với những cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

-*Về không gian:* công tác quản lý thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công đối với những cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

-*Về thời gian: Số liệu* nghiên cứu công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công tại Cục thuế tỉnh Vĩnh phúc từ năm 2017 đến năm 2019 .

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục từ viết tắt, danh mục bảng biểu và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chương 3: Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1.1. Tổng quan về Thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công.

1.1.1 Khái quát về thuế thu nhập cá nhân

1.1.1.1 Khái niệm về thuế Thu nhập cá nhân

Thuế vừa là phạm trù kinh tế, vừa là phạm trù lịch sử. Lịch sử xã hội loài người đã chứng minh rằng thuế ra đời là một tất yếu khách quan, gắn với sự hình thành và phát triển của nhà nước. Để duy trì sự tồn tại đồng thời với việc thực hiện các chức năng của mình, Nhà nước cần có nguồn vật chất để thực hiện những chỉ tiêu có tính chất xã hội. Bằng quyền lực chính trị, Nhà nước thu một bộ phận của cải xã hội để có được nguồn vật chất đó. Quan hệ thu, nộp những nguồn vật chất này chính là thuế.

Mặc dù có nhiều cách định nghĩa về Thuế khác nhau nhưng chúng ta cũng nhận thấy những điểm tương đồng sau: Thuế là khoản thu mang tính bắt buộc mà các tổ chức, cá nhân phải nộp cho Nhà nước khi có những điều kiện nhất định. Thuế mang tính bắt buộc và không mang tính hoàn trả trực tiếp, ngang giá. Một phần thuế nộp vào ngân sách Nhà nước được trả về với người dân một cách gián tiếp dưới nhiều hình thức khác nhau như trợ cấp xã hội, phúc lợi xã hội và quỹ tiêu dùng khác.

- Căn cứ theo đối tượng đánh thuế, nghĩa là thuế đánh trên cái gì, thuế được chia thành:

+ Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp …

+ Thuế tài sản như thuế sử dụng tài sản nhà nước (thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên …), thuế chuyển nhượng tài sản (thuế chuyển giao quyền sử dụng đất, thuê mua, bán các tài sản như nhà, xe cộ …).

+ Thuế tiêu dùng đánh vào hàng hóa, dịch vụ lưu thông trên thị trường trong nước và xuất nhập khẩu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt…

- Căn cứ theo tính chất chuyển giao của thuế thì thuế được chia thành hai loại là thuế trực thu và thuế gián thu:

+ Thuế gián thu là các thứ thuế mà người nộp thế gián tiếp nộp thuế cho người tiêu dùng, họ không phải là người chịu thuế. Đặc điểm cơ bản của thuế gián thu là được cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ để bán ra. Ở đây có sự chuyển giao gánh nặng thuế từ người nộp thuế theo luật định sang người tiêu dùng qua cơ chế giá cả. Ở nước ta, đó là các thứ thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu …

+ Thuế trực thu là các thứ thuế trực tiếp huy động một phần thu nhập của các đối tượng có nghĩa vụ nộp thuế. Đặc điểm cơ bản của thuế trực thu là đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế là một. Nó đánh trực tiếp vào người nộp thuế, tức là người có thu nhập chịu thuế làm giảm phần thu nhập của họ. Ở đây không có hiện tượng chuyển giao gánh nặng thuế cho người khác chịu. ở nước ta, đó là các thứ thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trong các loại thuế trực thu, thuế thu nhập cá nhân ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn thu đối với ngân sách nhà nước.

Khái niệm thuế thu nhập cá nhân:

Thuế thu nhập cá nhân trên thế giới thông thường đánh vào cả cá nhân kinh doanh và cá nhân không kinh doanh. Thuế này được coi là loại thuế đặc biệt vì có lưu ý đến hoàn cảnh của các cá nhân có thu nhập phải nộp thuế thông qua việc xác định miễn, giảm thuế hoặc khoản miễn trừ đặc biệt và đều coi thuế thu nhập cá nhân là một sắc thuế có tầm quan trọng lớn trong việc huy động nguồn thu cho ngân sách và thực hiện công bằng xã hội.

Do vậy ta có khái niệm về thuế Thu nhập cá nhân như sau: "*Thuế thu nhập cá nhân là thuế trực thu đánh vào thu nhập thực nhận của các cá nhân trong một kỳ tính thuế nhất định thường một năm, từng tháng hoặc từng lần, không phân biệt nguồn gốc phát sinh thu nhập*".

1.1.1.2. Đặc điểm của thuế Thu nhập cá nhân

Xét về phương diện lý luận, việc nộp thuế cho Nhà nước vừa là nghĩa vụ vừa là quyền lợi của mỗi công dân. Xét về phương diện thực tiễn, việc nộp thuế cho Nhà nước khi có thu nhập đã và đang được các cá nhân ở hầu hết các quốc gia trên thế giới thực hiện. Thuế thu nhập cá nhân không bóp méo giá cả hàng hoá, dịch vụ. Thuế thu nhập cá nhân không cấu thành trong giá bán (giá thanh toán) hàng hoá, dịch vụ nên nó không tạo ra sự sai lệch giá cả hàng hoá, dịch vụ. Tuy nhiên, dù có ở khía cạnh nào đi chăng nữa thuế TNCN về mặt lý thuyết vẫn mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất là: Thuế thu nhập cá nhân là thuế trực thu. Do vậy, người nộp thuế cũng là người chịu thuế.

Thứ hai là: Thuế thu nhập cá nhân luôn gắn với chính sách xã hội (như phúc lợi công cộng, giáo dục, chăm sóc sức khỏe…).của mỗi quốc gia.

Thứ ba là: Thuế thu nhập cá nhân là một hình thức động viên mang tính bắt buộc trên nguyên tắc theo luật định. Phân phối khoản thu nhập qua thuế thu nhập cá nhân gắn với quyền lực, sức mạnh của Nhà nước.

Thứ tư là: Xét về góc độ kinh tế, thuế thu nhập cá nhân có tính trung lập cao hơn so với các loại thuế khác vì việc tăng hay giảm thuế thu nhập cá nhân hầu như không kéo theo những biến đổi về cơ cấu kinh tế.

Thứ năm là: Thuế thu nhập cá nhân là khoản đóng góp không hoàn trả trực tiếp cho người nộp. Nó vận động một chiều, không phải là khoản thù lao mà người nộp thuế phải trả cho Nhà nước do được hưởng các dịch vụ Nhà nước cung cấp.

Thứ sáu là: Thuế thu nhập cá nhân có diện thu thuế rất rộng, tất cả các cá nhân có thu nhập bao gồm: công dân nước sở tại và người nước ngoài cư trú thường xuyên hay không thường xuyên tại nước đó và hầu như tất cả số thu nhập có được của các cá nhân đều phải tính thuế không kể nguồn thu nhập phát sinh trong nước hay ngoài nước. Chính vì vậy, khả năng tạo nguồn thu cho ngân sách của thuế thu nhập cá nhân rất cao.

Thứ bảy là: Việc đánh thuế thu nhập cá nhân thường áp dụng theo nguyên tắc thuế suất lũy tiến. Đặc điểm này xuất phát từ vai trò chủ yếu của thuế thu nhập cá nhân là điều tiết mạnh người có thu nhập cao, góp phần thực hiện công bằng xã hội. Do vậy, việc sử dụng thuế suất lũy tiến sẽ đáp ứng được nhu cầu đó vì phần thu nhập tăng thêm càng cao thì sẽ phải tính thuế suất càng cao.

1.1.1.3 Những nội dung cơ bản của Luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành.

Các văn bản luật về thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực thi hành trong giai đoạn 2017-2019 bao gồm:

Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2013.

Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCNsố 04/2007/QH12đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật 26/2012/QH13 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015.

Người nộp thuế

Đối tượng nộp thuế TNCN bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế.

Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của hợp đồng thuê từ 90 ngày trở lên trong năm tính thuế.

Các khoản thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế TNCN gồm các khoản sau đây:

Thu nhập từ kinh doanh: Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ (riêng đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôitrồng, đánh bắt thủy sản chỉ áp dụng đối với trường hợp không đủ điều kiện được miễn thuế); thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ tiền lương, tiền công: là các khoản thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền: Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công; các khoản phụ cấp, trợ cấp; tiền thù lao dưới các hình thức; tiền nhận được từ tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hội đồng quản lý và các tổ chức; các khoản lợi ích khác mà NNT nhận được bằng tiền hoặc không bằng tiền; tiền thưởng.

Thu nhập từ đầu tư: lãi cổ phần, lãi cho vay, thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác.

Thu nhập khác: lãi từ chuyển nhượng tài sản (chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản), thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại; Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặnglà chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng.

Căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân là thu nhập tính thuế và thuế suất.

Đối với cá nhân cư trú

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản giảm trừ

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế:

Thu nhập chịu thuế đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công là các khoản thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền, bao gồm:

Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công.

Các khoản phụ cấp, trợ cấp kể cả sinh hoạt phí mà người lao động nhận được, trừ một số khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật như: phụ cấp độc hại, phụ cấp thu hút, phụ cấp nghề nghiệp theo quy định của pháp luật,...

Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng môi giới, tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút do viết sách, báo, dịch tài liệu; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền thu được từ các dịch vụ quảng cáo và từ các dịch vụ khác.

Tiền nhận được do tham gia vào các hội, hiệp hội nghề nghiệp, hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị doanh nghiệp, ban kiểm soát doanh nghiệp, ban quản lý dự án, hội đồng quản lý, hội đồng doanh nghiệp và các tổ chức khác.

Các khoản lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền mà người lao động được hưởng ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả hoặc trả hộ cho người lao động.

Các khoản thưởng như tháng, quý, năm, thưởng đột xuất, thưởng tháng lương thứ 13 bằng tiền hoặc không bằng tiền (kể cả thưởng bằng chứng khoán). Trường hợp người lao động được thưởng bằng cổ phiếu thì giá trị thưởng được xác định theo mức thưởng ghi trên sổ sách kế toán của đơn vị trả thưởng, trừ các khoản tiền thưởng được trừ theo quy định của pháp luật như: tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng, tiền thưởng kèm theo các giải thưởng quốc gia, giải thưởng quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận, tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận,...

Các khoản thu nhập nêu trên làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế là thu nhập trước thuế khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (thu nhập trước thuế). Trường hợp thu nhập thực nhận không bao gồm thuế thu nhập cá nhân (thu nhập sau thuế) thì phải quy đổi thành thu nhập trước thuế theo quy định của của Bộ Tài chính.

Các khoản giảm trừ:

Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc và các khoản bảo hiểm bắt buộc khác theo quy định của pháp luật.

Các khoản giảm trừ gia cảnh: Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú.

Mức giảm trừ gia cảnh áp dụng trong giai đoạn từ 01/07/2013 trở đi như sau:

Đối với bản thân người nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng, tức là 108 triệu đồng/năm.

Đối với mỗi người phụ thuộc mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng là 3,6 triệu đồng/tháng kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Người phụ thuộc được giảm trừ bao gồm:

Con dưới 18 tuổi; con bị tàn tật, không có khả năng lao động;

Con từ 18 tuổi trở lên đang học đại học, cao đẳng hoặc học nghề không có thu nhập hoặc thu nhập không quá mức quy định của Chính phủ.

Một số đối tượng phụ thuộc khác không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức quy định của Chính phủ, bao gồm vợ hoặc chồng ngoài độ tuổi lao động; vợ hoặc chồng trong độ tuổi lao động bị tàn tật không có khả năng lao động; bố, mẹ đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động; ông bà nội, ngoại, cô, dì, chú, bác, cậu, cháu ruột không nơi nương tựa và những người phụ thuộc khác mà người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng.

Để được giảm trừ, tùy theo trường hợp cụ thể, người nộp thuế phải đăng ký và nộp cho cơ quan chi trả thu nhập những hồ sơ, giấy tờ theo quy định để chứng minh về người phụ thuộc mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với người nước ngoài cũng phải chấp hành quy định này và phải nộp cho cơ quan chi trả thu nhập các giấy tờ tương đương với hồ sơ của công dân Việt Nam như: Giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn,...

Nguyên tắc giảm trừ gia cảnh là: Mỗi người phụ thuộc chỉ được giảm trừ một lần cho một người nộp thuế trong năm tính thuế; chỉ áp dụng giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế đã đăng ký thuế và được cấp MST.

Giảm trừ đối với đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học: Người nộp thuế có các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học và có đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định của Bộ Tài chính được giảm trừ khi xác định thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và kinh doanh.

Thuế suất

Thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công được áp dụng theo biểu thuế luỹ tiến từng phần theo quy định tại Điều 22 Luật Thuế TNCN, cụ thể như sau:

Biểu 1.1: Biểu thuế suất Thuế TNCN lũy tiến từng phần.

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

(Nguồn: Luật thuế thu nhập cá nhân số04/2007/QH12)

Đối với cá nhân không cư trú

Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là tổng số tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập có tính chất tiền lương, tiền công mà cá nhân không cư trú nhận được bằng tiền và không bằng tiền do thực hiện công việc tại Việt Nam không phân biệt nơi trả thu nhập.

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú.

Thuế suất

Thuế suất đối với cá nhân không cư trú là 20%.

Kỳ tính thuế

Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú.

Kỳ tính thuế theo năm: áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Trường hợp trong năm dương lịch, cá nhân có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên thì năm tính thuế được tính theo năm dương lịch. Trường hợp trong năm dương lịch, cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì năm tính thuế đầu tiên được xác định là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Từ năm thứ hai, năm tính thuế căn cứ theo năm dương lịch.

Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập: áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế; thu nhập từ quà tặng.

Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Trường hợp cá nhân áp dụng kỳ tính thuế theo năm thì phải đăng ký từ đầu năm với cơ quan thuế.

Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú

Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế

Đăng ký thuế

Đối tượng phải đăng ký thuế bao gồm: Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập. Cá nhân có thu nhập chịu thuế TNCN. Cá nhân có nhiều khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân thì chỉ đăng ký thuế một lần. Mã số thuế được sử dụng chung để kê khai đối với tất cả các khoản thu nhập.

Cá nhân được cấp một mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt cuộc đời của cá nhân đó. Người phụ thuộc của cá nhân được cấp mã số thuế để giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế thu nhập cá nhân. Mã số thuế cấp cho người phụ thuộc đồng thời cũng là mã số thuế của cá nhân khi cá nhân phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Thủ tục đăng ký mã số thuế cá nhân:

Sơ đồ 1.1 Thủ tục đăng ký cấp mã số thuế cá nhân

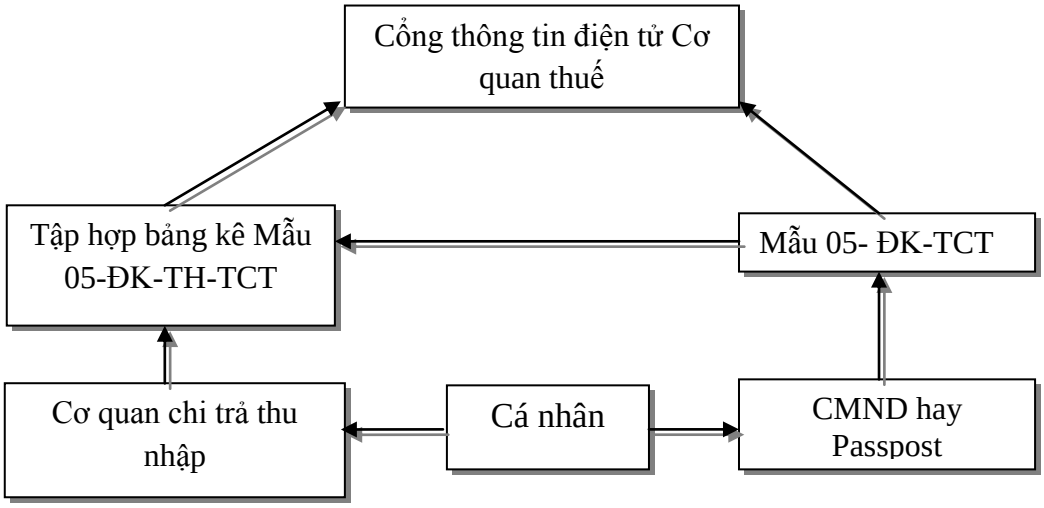

Thủ tục đăng ký mã số thuế người phụ thuộc:

Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân có người phụ thuộc thì hồ sơ đăng ký nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, hồ sơ gồm:

- Tờ khai đăng ký người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theoThông tư 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 (trên tờ khai đánh dấu vào ô "Đăng ký thuế" và ghi đầy đủ các thông tin).

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên) hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài).

Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập:

Cá nhân gửi văn bản ủy quyền và giấy tờ của người phụ thuộc (bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên) hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài) cho cơ quan chi trả thu nhập.

Khai thuế, quyết toán thuế

Các tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN và cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN thực hiện khai thuế như sau:

Đối với tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế.

Tổ chức, cá nhân chi trả các khoản thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN thực hiện khấu trừ thuế có trách nhiệm khai thuế và nộp tờ khai cho CQT chậm nhất là ngày 20 của tháng sau.

Các tổ chức, cá nhân chi trả các khoản thu nhập phải khấu trừ thuế không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không có khấu trừ thuế, có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN theo quy định.

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ chín mươi(90), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Các trường hợp phải khai thuế tháng:

Cá nhân nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;

Các cá nhân là người Việt Nam có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức quốc tế, các Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam trả;

Cá nhân khác có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc các trường hợp nêu trên không phải khai thuế tháng.

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công phải khai quyết toán thuế trong các trường hợp sau:

Có số thuế phải nộp trong năm lớn hơn số thuế đã khấu trừ hoặc đã tạm nộp trong năm hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế nhưng trong năm chưa bị khấu trừ hoặc chưa tạm nộp.

Có yêu cầu về hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế vào kỳ sau.

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Đối với cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài

Cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh tại nước ngoài phải khai và nộp thuế theo quy định của Luật Thuế TNCN.

Trường hợp thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã tính và nộp thuế TNCN theo quy định của Luật Thuế TNCN của nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài. Số thuế được trừ không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài.

Thời hạn kê khai chậm nhất không quá 10 ngày kể từ ngày phát sinh thu nhập hoặc nhận được thu nhập.

Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trong trường hợp số ngày có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên là dưới

183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên.

Năm tính thuế thứ nhất: khai và nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày tính đủ 12 tháng liên tục.

Năm tính thuế thứ hai: khai và nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Hoàn thuế

Việc hoàn thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với những cá nhân đã đăng ký và có mã số thuế tại thời điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế. Cá nhân được hoàn thuế trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp;
- Cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế;
- Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

1.1.2. Vai trò của thuế thu nhập cá nhân

Thuế Thu nhập cá nhân là một bộ phận của hệ thống thuế vừa mang các vai trò chủ yếu của thuế nói chung, vừa có các vai trò riêng mà các loại thuế khác không có được.

1.1.2.1. Đối với nền kinh tế - xã hội

* Góp phần quan trọng vào việc tăng thu cho ngân sách Nhà nước.

Tự do hóa thương mại nên giảm dần các loại thuế xuất nhập khẩu. Nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển, thu nhập bình quân đầu người của cá nhân ngày càng tăng từ đó Thuế thu nhập cá nhân được tính với diện rộng, khả năng tạo nguồn thu cho ngân sách rất lớn. Bên cạnh đó, thuế thu nhập cá nhân tác động trực tiếp vào thu nhập của dân cư mà người dân của bất kỳ quốc gia nào cũng đều mong muốn và cố gắng có thu nhập ngày càng cao để nâng cao đời sống vật chất tinh thần. Thuế thu nhập cá nhân luôn có sự gia tăng nhanh chóng cùng với sự tăng lên của thu nhập bình quân đầu người.

Thuế thu nhập cá nhân ngày càng trở thành nguồn thu tài chính lớn góp phần quan trọng vào việc tăng thu cho ngân sách Nhà nước

**Góp phần thực hiện công bằng xã hội*

Thực hiện công bằng xã hội thuế TNCN được xem như một công cụ hữu hiệu là một trong những vai trò quan trọng của thuế nói chung để điều tiết bớt thu nhập của những người có thu nhập cao, ngoài ra với thuế thu nhập cá nhân cùng với việc thực hiện biểu thuế luỹ tiến từng phần, khi thu nhập cá nhân tăng lên thì tỷ lệ thu thuế cũng tăng thêm, bên cạnh đó thuế TNCN có các quy định miễn, giảm thuế cho những cá nhân mang gánh nặng xã hội. Thuế thu nhập cá nhân đã thực hiện được việc điều tiết thu nhập, đảm bảo công bằng trong xã hội.

** Góp phần phát hiện thu nhập bất hợp pháp*

Thực tế đã chứng minh nhiều khoản thu nhập của một số cá nhân nhận được từ việc thực hiện các hành vi bất hợp pháp hoặc bằng cách lợi dụng những kẽ hở của pháp luật mà nhà nước không kiểm soát được như tham ô, hối lộ, buôn bán hàng quốc cấm, trốn tránh thuế, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhà nước và công dân... Những hành vi này ảnh hưởng rất xấu đến đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Phải kết hợp hữu hiệu nhiều biện pháp để ngăn chặn và chống lại những hành vi trên, một trong số các biện pháp ngăn chặn đó thì phải kể đến vai trò của thuế thu nhập cá nhân.

** Điều tiết thu nhập, tiêu dùng và tiết kiệm*

Thuế thu nhập cá nhân cũng có tác dụng điều tiết vĩ mô đối với nền kinh tế. Loại thuế này điều tiết trực tiếp thu nhập cá nhân nên một mặt tác động trực tiếp đến tiết kiệm, mặt khác làm cho khả năng thanh toán của các cá nhân bị giảm.Từ đó cầu hàng hoá, dịch vụ giảm sẽ tác động đến sản xuất.

1.1.2.2. Đối với hệ thống thuế

** Góp phần khắc phục nhược điểm của một số loại thuế khác*

Một số thuế gián thu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đều có nhược điểm là có tính luỹ thoái và ảnh hưởng đến người nghèo nhiều hơn người giàu vì khi tiêu thụ cùng một lượng hàng hoá mọi người không phân

biệt giàu nghèo và đều phải chịu thuế như nhau. Nếu tính thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp luỹ tiến sẽ góp phần khắc phục được nhược điểm này

** Góp phần hạn chế sự thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp*

Trong doanh nghiệp thường tồn tại cả thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Giữa hai loại thuế này luôn luôn tồn tại mối quan hệ gắn bó với nhau. Thuế thu nhập cá nhân còn góp phần khắc phục sự thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp khi có sự thông đồng giữa các doanh nghiệp hay giữa doanh nghiệp với cá nhân. Trong trường hợp doanh nghiệp kê khai cao hơn thực tế những chi phí phải trả cho các cá nhân để làm giảm thu nhập tính thuế của doanh nghiệp nhằm trốn thuế thu nhập doanh nghiệp thì các cá nhân nhận được những khoản trả nói trên sẽ phải nộp thêm thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập nhận được kê khai tăng thêm đó. Thu nhập của doanh nghiệp tăng thường kéo theo sự tăng lên của thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp.

** Góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế*

Xây dựng và phát triển, hoàn thiện chính sách thuế TNCN là góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập với kinh tế thế giới. Việc ban hành Luật thuế TNCN là bước thể chế hoá đường lối chính sách của Đảng về lĩnh vực tài chính tiền tệ đồng thời là bước đi phù hợp lộ trình cải cách thuế theo mục tiêu chiến lược Chính phủ đã hoạch định.

Nhận thức đúng vai trò vị trí hiện tại cũng như hướng phát triển hoàn chỉnh của chính sách thuế TNCN, quán triệt đầy đủ nội dung yêu cầu của Luật thuế thu nhập cá nhân mới ban hành để tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuế, vận động toàn dân hiểu biết, chấp hành là nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, công dân theo quy định của Luật Quản lý thuế, ban hành ngày 29/11/2006.

1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thiết lập thuế TNCN

Có ba yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng các chính sách thuế TNCN, đó là: thu nhập và các loại thu nhập; quan điểm và chính sách của nhà

nước; và năng lực quản lý đối với thuế TNCN. Mỗi yếu tố đều có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực tới công tác này tuỳ theo tính chất và trạng thái của yếu tố đó. Nhiệm vụ của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước là phải tìm cách hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực cũng như phát huy những ảnh hưởng tích cực để việc thiết lập thuế TNCN đạt được hiệu quả cao.

**** Luật thuế TNCN ở nước ta quy định thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm:***

Thu nhập từ kinh doanh: Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ (riêng đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chỉ áp dụng đối với trường hợp không đủ điều kiện được miễn thuế); thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ tiền lương, tiền công: là các khoản thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền: Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công; các khoản phụ cấp, trợ cấp; tiền thù lao dưới các hình thức; tiền nhận được từ tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hội đồng quản lý và các tổ chức; các khoản lợi ích khác mà NNT nhận được bằng tiền hoặc không bằng tiền; tiền thưởng.

Thu nhập từ đầu tư: lãi cổ phần, lãi cho vay, thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác.

Thu nhập khác: lãi từ chuyển nhượng tài sản (chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản), thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại, thu nhập từ thừa kế, thu nhập từ quà tặng.

** Các khoản thu nhập không tính thuế TNCN:*

Luật thuế TNCN quy định những khoản thu nhập không tính thuế TNCN gồm:

Các khoản phụ cấp, trợ cấp: Phụ cấp đối với người có công với cách mạng; phụ cấp quốc phòng an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm, khó khăn, vùng xa xôi, hẻo lánh, khí hậu xấu; các khoản trợ cấp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Bộ luật Lao động; trợ cấp để giải quyết tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật.

Các khoản tiền thưởng: Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng; tiền thưởng kèm các giải thưởng Quốc gia, giải thưởng Quốc tế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến sáng chế, về phát hiện khai báo hành vi vi phạm pháp luật được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận.

1.1.3.1. Thu nhập và các loại thu nhập

Thuế TNCN là loại thuế đánh vào thu nhập của cá nhân, không thu trên các giao dịch hay hàng hoá, dịch vụ. Do đó, khi thiết lập thuế TNCN, các nhà hoạch định cũng rất quan tâm đến khái niệm thu nhập chịu thuế. Thông thường, để xác định được thu nhập chịu thuế cần phải hiểu rõ thu nhập thuộc diện điều chỉnh của thuế TNCN và các khoản được trừ. Nói cách khác khi xem xét thu nhập chịu thuế cần xác định được ba yếu tố cơ bản là các phần của tổng thu nhập; các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản được miễn trừ.

Tuỳ từng giai đoạn, các loại thu nhập được xác định khi tính thuế TNCN ở mỗi quốc gia sẽ khác nhau. Để xây dựng nên một chính sách thuế TNCN phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh của đất nước, các loại thu nhập chịu thuế TNCN thường các nhà hoạch định chính sách xem xét trước tiên nhằm đảm bảo yêu cầu công bằng và khuyến khích một số hoạt động.

1.1.3.2. Quan điểm và chính sách của Nhà nước đối với vấn đề TNCN

Quan điểm của Nhà nước có ảnh hưởng trước hết tới các chính sách thuế TNCN, sau đó là tới quá trình thực hiện và các công việc khác thuộc phạm vi quản lý sắc thuế này. Pháp luật thể hiện quan điểm của giai cấp thống trị. Luật thuế nói chung và thuế thu nhập nói riêng cũng không ngoại lệ.

Một Nhà nước chú trọng công bằng hơn hiệu quả kinh tế sẽ có chính sách điều tiết mạnh vào người có thu nhập cao, mức thuế suất sẽ tăng rất nhanh theo lượng thu nhập tăng thêm. Điều này thông thường sẽ làm giảm nỗ lực làm việc của cá nhân có thu nhập cao. Nhìn chung, hiệu quả kinh tế sẽ giảm. Ngược lại, nhà nước chú trong hiệu quả kinh tế hơn thì thuế thu nhập sẽ điều tiết ít vào những người có thu nhập cao, tạo điều kiện cho họ hăng hái làm việc, tạo thêm thu nhập cho xã hội. Mặt khác, mức độ quan tâm của tầng lớp lãnh đạo tới công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân cũng có ảnh hưởng nhiều tới công tác này.

1.1.3.3. Năng lực quản lý

Trong bất kỳ lĩnh vực nào thì yếu tố con người luôn đóng vai trò quyết định. Điều này càng quan trọng hơn nữa trong quá trình xây dựng và thiết lập các sắc thuế của một quốc gia, đặc biệt là thuế TNCN.

Trình độ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ thuế sẽ tác động vào tất cả các nội dung của thuế TNCN, từ việc ban hành chính sách, tổ chức thực hiện chính sách tới thanh tra thuế, tổ chức bộ máy quản lý thuế.

Để có thể ban hành những chính sách thuế đúng đắn, đáp ứng được yêu cầu của những thay đổi kinh tế xã hội và đảm bảo được những mục tiêu của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân thì đội ngũ cán bộ thuế cấp cao - ở tầm hoạch định chính sách - cần phải có trình độ về vấn đề thực tế cũng như các vấn đề cơ bản liên quan đến thuế. Đồng thời, năng lực quản lý cũng cần ở tầm bao quát, nắm bắt nhanh nhạy các vấn đề về kinh tế, xã hội có thể ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNCN.

Ưu điểm của thuế TNCN là: động viên trực tiếp vào thu nhập của từng tổ chức, cá nhân có thu nhập, hơn thế nữa, còn cho phép xem xét đến các yếu tố tương đối độc lập đến thu nhập của NNT, như hoàn cảnh bản thân, hoàn cảnh gia đình... Do đó, thuế TNCN có tác dụng rất lớn trong việc điều hòa thu nhập, giảm bớt sự chênh lệch đáng kể về mức sống giữa các tầng lớp dân cư, do đó đã bảo đảm được tính công bằng trong xã hội.

Nhược điểm của thuế TNCN là: Dễ gây ra phản ứng từ phía NNT khi Nhà nước điều chỉnh tăng thuế. Hơn nữa, việc theo dõi, tính toán số thuế phải nộp và thủ tục thu, nộp thuế còn phức tạp. Số thu nộp vào NSNN thường chậm và chi phí quản lý thu thuế khá tốn kém.

1.2. Quản lý thu thuế TNCN

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý thuế thu nhập cá nhân

1.2.1.1. Khái niệm quản lý thuế thu nhập cá nhân

Quản lý là hoạt động cần thiết của tổ chức nhằm khai thác một cách có hiệu quả các nguồn lực và nhằm đạt được các mục tiêu đã đặt ra. Quản lý thuế là một hoạt động quản lý công và vì vậy, thuộc phạm trù khái niệm cũng như cách tiếp cận về quản lý nói chung. "*Quản lý thuế là tổ chức, điều khiển hoạt động thu thuế của một quốc gia để thực hiện các chính sách thuế nhằm đạt được các mục tiêu đã định"*. Quản lý thuế trong điều kiện dân chủ hoá đời sống xã hội có thể coi là sự kết hợp giữa yếu tố tâm lý và yếu tố tổ chức, điều khiển hoạt động thu thuế để triển khai thực hiện các chính sách thuế nhằm đạt được các mục tiêu đã định. Với thuế TNCN, khái niệm quản lý thuế cũng không nằm ngoài khái niệm chung về quản lý thuế. Tuy nhiên, mục tiêu quản lý thuế TNCN chỉ là một bộ phận và có phần hẹp hơn so với mục tiêu chung của công tác quản lý thuế phải thực hiện.

Quản lý thuế TNCN là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy Nhà nước đối với quá trình tính và thu thuế TNCN để thay đổi quá trình này nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách và đạt được các mục tiêu Nhà nước đặt ra [11, tr.24].

Công tác quản lý thuế TNCN nhằm đạt được các mục tiêu cơ bản sau:

Tăng cường tập trung, huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho NSNN trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Thuế TNCN chiếm tỉ trọng chủ yếu trong số thu NSNN ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vì vậy, làm tốt công tác quản lý thuế thu nhập nói chung và thuế TNCN

nói riêng sẽ có tác dụng lớn trong việc tập trung, huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho NSNN.

Bên cạnh đó, thuế TNCN tác động trực tiếp đến thu nhập của các cá nhân, có thể làm giảm nỗ lực làm việc và gây nên các phản ứng ngay lập tức từ phía chịu thuế như hành vi trốn thuế... Để tăng cường và ổn định số thu NSNN trong tương lai, công tác quản lý thuế TNCN cũng cần được chú ý để duy trì và phát triển cơ sở tạo nguồn thu thuế thu nhập của các cá nhân.

Góp phần tăng cường ý thức chấp hành pháp luật cho các tổ chức kinh tế và dân cư. Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước thông qua công cụ luật pháp để tác động vào nền kinh tế ở tầm vĩ mô. Ý thức chấp hành luật pháp của các tổ chức kinh tế và dân cư sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện những tác động này. Qua công tác tổ chức thực hiện và thanh tra việc chấp hành các luật thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng, cùng với việc tăng cường tính pháp chế của chính sách thuế này, ý thức chấp hành chính sách thuế sẽ được nâng cao, từ đó tạo thói quen "sống và làm việc theo pháp luật".

Ở các nước phát triển, thu nhập trung bình của người dân cao nên thuế thu nhập cá nhân là sắc thuế phổ biến. Do là thuế trực thu nên tác động của thuế thu nhập cá nhân mang tính trực tiếp, đối tượng chịu thuế có thể cảm nhận được ngay. Họ biết mình phải nộp thuế và dần trở nên quen thuộc với việc này. Từ đó, người dân sẽ nhận thức được rõ hơn về nghĩa vụ nộp thuế của mình. Chính vì vậy, họ sẽ có ý thức rõ ràng hơn về tính pháp chế của chính sách thuế, từ đó nâng cao ý thức chấp hành chính sách này. Còn ở các nước đang phát triển, do thu nhập dân cư còn thấp nên thuế thu nhập cá nhân là vấn đề còn mới mẻ với khá nhiều người. Người dân vẫn phải nộp thuế nhưng có cảm nhận ít hơn về tác động của thuế, thậm chí không biết gì đến thuế vì chủ yếu là thuế gián thu. Người dân mua hàng hóa, dịch vụ với giá cả đã có thuế trong đó. Do đó, ý thức về nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước nhìn chung là thấp.

Phát huy tốt nhất vai trò của thuế TNCN trong nền kinh tế. Việc phát huy vai trò của thuế TNCN được thể hiện thông qua những nội dung của công tác quản lý thuế TNCN.

1.2.1.2. Đặc điểm của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Xuất phát từ các đặc điểm của thuế TNCN, việc quản lý thuế TNCN cũng có những đặc điểm riêng như sau:

Thứ nhất, quản lý thuế TNCN là hoạt động rất nhạy cảm và dễ bị phản ứng từ phía các đối tượng nộp thuế. Khác với các loại thuế tiêu dùng - việc trả thuế được thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ, bản chất trực thu của thuế TNCN làm cho gánh nặng của thuế TNCN được NNT cảm nhận một cách rõ ràng. Chính bản chất này đã làm cho công tác quản lý thuế TNCN trở nên nhạy cảm, việc thực hiện các biện pháp quản lý cũng vì thế mà gây nên các phản ứng khác nhau cho các đối tượng nộp thuế.

Thứ hai, quản lý thuế TNCN là hoạt động phức tạp, tổng hợp nhiều góc độ quản lý kinh tế, xã hội, nhiều cách thức khác nhau: hành chính, kinh tế, tổ chức. Do đó, đòi hỏi người quản lý phải có trình độ quản lý tốt và khả năng bao quát. Đặc trưng này xuất phát từ hai đặc điểm cơ bản của thuế TNCN là mang tính luỹ tiến và là loại thuế thực. Với cách thức đánh thuế dựa trên thu nhập tổng thể hoặc từng nguồn thu nhập, công tác quản lý các nguồn thu nhập rất phức tạp. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, nguồn thu nhập chịu thuế rất đa dạng, phức tạp và phân tán. Bên cạnh đó, các quy định về việc khấu trừ chi phí - như các quy định về người phụ thuộc, chi phí tạo ra thu nhập... và quy định về việc xác định đối tượng cư trú hay không cư trú trong các luật thuế ở hầu hết các nước đã đặt cho cơ quan thuế một áp lực ngày càng lớn, đòi hỏi trình độ quản lý ngày càng cao và bao quát tốt.

Thứ ba, quản lý thuế TNCN gắn chặt với chủ trương phân phối và quản lý thu nhập của Chính phủ trong từng thời kỳ nhất định. Mục tiêu cơ bản của quản lý thuế TNCN là nâng cao tính tuân thủ cho các đối tượng nộp thuế, đảm bảo công bằng trong phân phối thu nhập giữa các đối tượng nộp thuế. Vì vậy,

quản lý thuế nói chung, quản lý thuế TNCN nói riêng đều rất cần phải có các chi phí hành chính nhất định, bao gồm chi phí trực tiếp (*chi phí cho cơ quan thuế*) và các chi phí gián tiếp mà NNT phải gánh chịu. Chủ trương của Chính phủ trong việc khuyến khích tiết kiệm hay tiêu dùng, dùng tiền mặt hay không dùng tiền mặt cũng có ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý thuế. Nếu Chính phủ có chủ trương khuyến khích tiêu dùng tức là việc đánh thuế vào các khoản lãi vốn, thu nhập từ vốn, từ tiền gửi tiết kiệm sẽ giảm bớt, và chi phí hành thu sẽ giảm. Tương tự đối với chủ trương không dùng tiền mặt. Khi áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt được sử dụng bắt buộc và rộng khắp, việc quản lý thu nhập chịu thuế của các đối tượng nộp thuế sẽ thuận lợi hơn. Do đó, chi phí trực tiếp sẽ tiết kiệm hơn đồng nghĩa công tác quản lý thuế TNCN sẽ hiệu quả hơn.

1.2.1.3 Đặc điểm của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.

Cùng với sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật về Thuế TNCN, hoạt động quản lý thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của các cơ quan quản lý Thuế cũng từng bước được đổi mới, cải thiện phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, góp phần giúp Chính phủ điều hành nền kinh tế vĩ mô, kiểm soát được thu nhập của từng bộ phận nhân dân để hoạch định chính sách phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, an sinh xã hội…..cho phù hợp đồng thời góp phần ổn định nguồn nguồn thu ngân sách, quản lý hiệu quả nguồn thu thuế TNCN, đảm bảo công bằng xã hội trong việc thực hiện nghĩa vụ Thuế.

Hoạt động quản lý thuế TNCN từ tiền lương, tiền công là một trong những mặt công tác quan trọng của quản lý tài chính nhà nước. Hoạt động này bao gồm những mặt công tác cơ bản như: Quản lý các cá nhân thuộc diện khai, nộp thuế, tính thuế và các khoản được khấu trừ theo quy định của pháp luật về Thuế. Tuyên truyền, phổ biến đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, quy định pháp luật về thuế TNCN, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về tác dụng cuat Thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng đối với

sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp Thuế.

1.2.2. Nội dung công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Công tác quản lý thuế TNCN là một phần quan trọng của quản lý tài chính Nhà nước nên cần được nhìn nhận ở tầm vĩ mô và phải bao gồm toàn bộ các công việc thuộc các lĩnh vực lập pháp và hành pháp, tư pháp về thu.

Sau khi đã được phê chuẩn và ban hành, chính sách thuế TNCN được tổ chức thực hiện. Đây là khâu đóng vai trò quan trọng nhất quyết định hiệu quả của việc sử dụng công cụ thuế. Nhờ việc tổ chức thực hiện chính sách thuế và quá trình tính, thu thuế mới diễn ra trong thực tế, đồng thời các quy định về quá trình này mới đến được với mọi người dân thông qua tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế. Nội dung quản lý thuế TNCN bao gồm:

1.2.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý thuế TNCN

Bộ máy quản lý thuế được xây dựng tùy thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng nước. Trong phạm vi nền kinh tế quốc dân, cơ quan thuế ở các nước trên thế giới đều được tổ chức thành một hệ thống bao gồm nhiều cấp. Ở một số nước, hệ thống đó không hoàn toàn phù hợp với hệ thống chính quyền nhà nước và bao gồm: Cơ quan thuế trung ương, cơ quan thuế cấp tỉnh, thành phố và cơ quan thuế cấp quận, huyện như Trung Quốc, Việt Nam, … Ngoài ra, ở một số quốc gia thì hệ thống ngành thuế còn được tổ chức theo các dạng khác.

Ở từng cấp, bộ máy cơ quan thuế có thể được tổ chức theo các mô hình sau:

Mô hình tổ chức theo sắc thuế: các phòng, ban riêng biệt được thành lập để quản lý một số loại thuế cụ thể. Mỗi phòng, ban phải thực hiện tất cả các chức năng, nghiệp vụ để quản lý các loại thuế được phân công. Có thể nói, đây là "mô hình quản lý khép kín" đối với mỗi loại thuế.

Mô hình tổ chức theo chức năng: Tổ chức các phòng, ban chức năng riêng rẽ trong một cơ quan thuế. Mỗi phòng, ban thực hiện một công việc nghiệp vụ cụ thể có liên quan đến tất cả các sắc thuế như phòng xử lý tờ khai thuế, phòng kiểm tra đối tượng nộp thuế, phòng quản lý nợ thuế…

Mô hình tổ chức theo đối tượng nộp thuế: Người nộp thuế(NNT) được chia thành các nhóm dựa trên quy mô hoạt động, hình thức sở hữu hoặc ngành kinh tế, … Mỗi phòng ban chịu trách nhiệm quản lý cung cấp những thông tin đầy đủ về từng nhóm NNT.

Để đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý thuế, đảm bảo nguồn thu kịp thời cho Ngân sách Nhà nước (NSNN) và đảm bảo công bằng, bình đẳng trong xã hội mỗi nước sẽ lựa chọn một mô hình cụ thể tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội. Có những nước có thể lựa chọn kiểu mô hình pha trộn giữa các kiểu trên.

Công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo quy trình sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ quy trình quản lý thuế thu nhập cá nhân

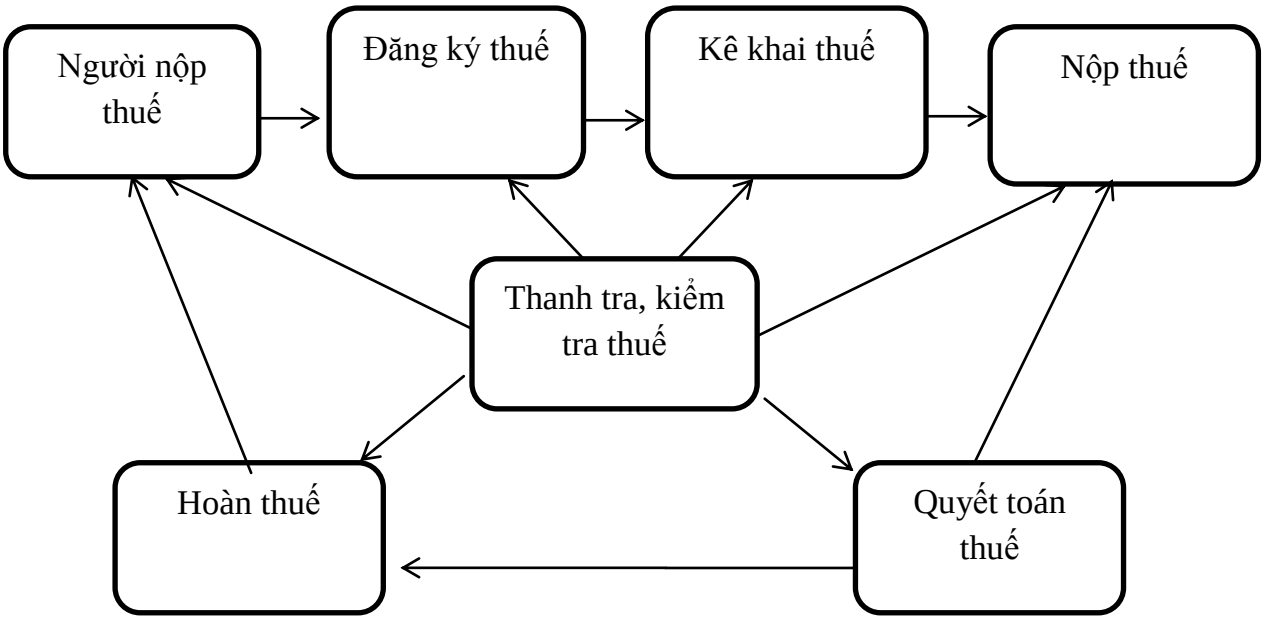

1.2.2.2. Quản lý người nộp thuế

TNCN là một bộ phận rất quan trọng trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của một quốc gia vì đại bộ phận thu nhập quốc dân sau quá trình phân phối và phân phối lại sẽ được phân chia cho các thành viên trong xã hội dưới hình thức bằng tiền, bằng hiện vật hay các phúc lợi xã hội. Tuỳ thuộc vào yêu cầu quản lý mà thu nhập được chia thành nhiều loại khác nhau.

TNCN là tổng các giá trị nhận được, thu được trong một khoảng thời gian (*thường là 1 năm*) của một cá nhân nào đó, không phân biệt nguồn phát

sinh thu nhập. Các giá trị ở đây được biểu hiện bằng tiền tệ, giá trị các hình thức vật chất, phí vật chất, không phân biệt nguồn hình thành thu nhập là từ lao động hay từ tài sản.

- Căn cứ vào nguồn tạo ra thu nhập có thể phân chia thành: thu nhập từ lao động (*tiền công, tiền lương, tiền thưởng* ...) và thu nhập không từ lao động (*thu nhập từ tài sản, thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ đầu tư, thu nhập từ thừa kế, chuyển nhượng, thu nhập từ quyền sở hữu vốn, quà biếu, quà tặng* ...)

- Căn cứ vào tính chất phát sinh thu nhập đều đặn hay không mà người ta phân chia thành thu nhập thường xuyên và thu nhập không thường xuyên.

- Căn cứ vào chủ thể được hưởng thu nhập có thu nhập của người làm công ăn lương từ khu vực Nhà nước, từ Công ty, thu nhập của lao động tự do.

- Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ phát sinh thu nhập có thu nhập phát sinh trong nước và thu nhập phát sinh ở nước ngoài.

- Căn cứ vào tính pháp lý của thu nhập mà chúng ta có thể chia thành thu nhập hợp pháp và thu nhập không hợp pháp. Thu nhập hợp pháp là thu nhập được tạo ra từ hoạt động hợp pháp và được Nhà nước bảo vệ. Thu nhập bất hợp pháp là thu nhập được tạo ra từ hoạt động bất hợp pháp nên nhà nước không thể kiểm soát được và do đó không được pháp luật bảo vệ.

Mặc dù có nhiều loại thu nhập nhưng không phải thu nhập nào cũng là đối tượng điều chỉnh của thuế TNCN. Phần thu nhập chịu thuế phụ thuộc vào chính sách thuế của mỗi quốc gia quy định. Do vậy, khi quản lý thu nhập, cần phải xem xét các vấn đề như sau:

Một là, xác định nguồn gốc thu nhập. Việc đánh thuế có thể được thực hiện trên tổng thu nhập hoặc từng loại thu nhập. Nhưng việc phân loại thu nhập là rất quan trọng để có những đối xử khác nhau khi xác định thu nhập mà đối tượng phải nộp thuế. Do đó, việc xem xét nguồn gốc của thu nhập là cần thiết.

Hai là, xác định cơ sở thường trú hay nguồn phát sinh thu nhập. Đây là cơ sở quan trọng, không chỉ trong quản lý chủ thể tạo ra thu nhập mà còn

trong việc quản lý thu nhập chịu thuế của chủ thể đó. Chính tiêu chí này là cơ sở để tiến hành đàm phán, ký kết các hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa các nước trong quan hệ quốc tế về thuế.

Ba là, xác định thời gian tính thuế thu nhập. Vấn đề này nhằm xác định thời điểm để tính thuế cho những đối tượng nộp thuế có thu nhập liên tục. Đồng thời nhằm đảm bảo giá trị đồng tiền nộp thuế trước tình trạng lạm phát, tránh sự lợi dụng chiếm dụng tiền thuế và thực hiện chi tiêu theo kế hoạch của Nhà nước. Mặc dù có sự khác nhau giữa việc xác định thời gian tính thuế ở các nước, nhưng biện pháp phổ biến nhất là tạm nộp theo tháng, quý, và quyết toán hàng năm.

Đây là khâu đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý thuế TNCN. Quản lý tốt đối tượng nộp thuế sẽ đảm bảo phần lớn hiệu quả của công tác quản lý thuế TNCN bởi chúng ta chưa biết chính xác ai là những đối tượng phải nộp thuế trước khi kê khai thu nhập của họ. Do đó, cần giám sát thu nhập của tất cả các đối tượng lao động, từ đó chúng ta có thể xác định được đối tượng nào phải nộp thuế và nộp thuế bao nhiêu.

Cơ quan thuế phải tiến hành đăng ký mã số thuế(MST) cho NNT. Phương thức đăng ký là sử dụng phần mềm hỗ trợ đăng ký thuế, gửi kết quả đăng ký cấp mã số thuế tới cơ quan thuế qua mạng internet. Mỗi NNT được gắn với một mã số duy nhất. Mọi thông tin cần thiết về NNT được lưu trữ vào hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế đảm bảo thuận tiện, chính xác cho việc tra cứu phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý thuế.

1.2.2.3. Kê khai, thu nộp thuế

Để quản lý kê khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có 2 phương pháp cơ bản: Phương pháp khấu trừ tại nguồn và phương pháp kê khai trực tiếp với CQT.

Phương pháp Khấu trừ tại nguồn

Một trong những phương pháp quan trọng về quản lý thuế thu nhập cá nhân mà các nước trên thế giới áp dụng là phương pháp thu thuế khấu trừ tại

nguồn. Phương pháp này áp dụng cho các khoản thu nhập có tính chất ổn định như tiền lương, tiền công…Theo phương pháp này, cá nhân hoặc cơ quan chi trả thu nhập phải tiến hành khấu trừ trước số thuế phải nộp của cá nhân để nộp cho CQT, sau đó mới tiến hành chi trả phần thu nhập còn lại cho người được hưởng. Cơ quan hoặc cá nhân được ủy quyền khấu trừ thuế có thể được trích lại một phần nhất định trên số thuế đó và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nghĩa vụ khấu trừ thuế thu nhập trước khi chi trả thu nhập. Có thể thấy phương pháp này chỉ có thể quản lý được những khoản thu nhập rõ ràng, minh bạch còn những khoản thu khác có thể sẽ không phải tính thuế nếu CQT không kiểm soát được.

Phương pháp Kê khai trực tiếp

Theo phương pháp này, người nộp thuế tự kê khai thu nhập của mình và gửi tờ khai cho CQT. Căn cứ vào thông tin kê khai đó của người nộp thuế CQT sẽ xác định số thuế họ phải nộp. Phương pháp này tuy phức tạp hơn phương pháp khấu trừ tại nguồn nhưng lại đảm bảo được tính chính xác vì có khả năng tổng hợp được các khoản thu nhập khác nhau và có tính đến hoàn cảnh của từng đối tượng nộp thuế. Tuy nhiên, để phương pháp này phát huy được hiệu quả thì đòi hỏi ý thức của người dân phải cao trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

1.2.2.4. Quyết toán thuế, hoàn thuế

Việc thực hiện nộp hồ sơ quyết toán thuế cho từng NNT hoặc cơ quan chi trả thu nhập là cần thiết. Việc này sẽ giúp cơ quan thuế quản lý được thu nhập và số thuế đã nộp trong kỳ tính thuế. Quyết toán thuế hàng năm cũng sẽ giúp cơ quan thuế có thể phát hiện ra các trường hợp sai phạm thông qua việc so sánh mức thuế thu nhập tạm nộp hàng tháng và giữa các năm với nhau.

1.2.2.5. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Các hình thức được sử dụng phổ biến trong tuyên truyền về thuế TNCN như thông qua các lớp tập huấn, phương tiện thông tin đại chúng, phát hành các ấn phẩm, tờ rơi, áp phích, tổ chức các buổi đối thoại, các cuộc thi tìm hiểu về thuế TNCN, …

Đối với cán bộ thuế: Việc tập huấn nghiệp vụ về một chính sách thuế thường được tiến hành ngay sau khi được ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung. Thông qua những hội nghị tập huấn này, cán bộ thuế có thể nắm chắc được các chính sách thuế từ mục đích, ý nghĩa đến nội dung cụ thể, đủ khả năng chuyên môn và làm tròn nhiệm vụ một tuyên truyền viên giỏi về thuế.

Đối với các tổ chức, cá nhân nộp thuế: Người nộp thuế (NNT) là người trực tiếp tự tính số thuế phải nộp vào NSNN, do đó phải có một kiến thức cơ bản để hiểu được các quy định của luật thuế. Cơ chế tự khai, tự nộp đòi hỏi sự tự giác, ý thức tuân thủ pháp luật cao của NNT. Do vậy, công tác tuyên truyền phổ biến về nghĩa vụ thuế và nội dung của các chính sách thuế đến mọi tầng lớp dân cư cần phải được tiến hành đều đặn, thường xuyên, luôn đổi mới và chú trọng nâng cao hiệu quả.

1.2.2.6. Thanh tra, kiểm tra thuế

Đây là một nội dung quan trọng của công tác quản lý thuế TNCN. Thanh, kiểm tra thuế TNCN được thực hiện bởi bộ phận cán bộ thuế chuyên ngành. Đối tượng thanh, kiểm tra thuế là các tổ chức kinh tế và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế TNCN cho Nhà nước và bao gồm cả các đơn vị thuộc ngành thuế. Mục tiêu thanh, kiểm tra thuế TNCN là phát hiện và xử lý các trường hợp sai phạm nhằm giảm bớt những tổn thất cho Nhà nước và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời cũng qua quá trình thanh, kiểm tra, cơ quan thuế có thể phát hiện những thiếu sót, bất cập trong văn bản pháp luật thuế và quá trình tổ chức thực hiện, từ đó tìm ra những hướng giải quyết nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN. Thanh, kiểm tra thuế TNCN được thực hiện dưới các hình thức và phương pháp khác nhau.

Các hình thức thanh, kiểm tra xét theo thời gian tiến hành:

Hình thức thanh, kiểm tra thường xuyên được thực hiện mang tính định kỳ, không phụ thuộc vào việc có xảy ra vụ việc hay không trong các tổ chức chi trả thu nhập và cơ quan quản lý thuế.

Thanh, kiểm tra đột xuất là hình thức thanh, kiểm tra mang tính bất thường, không nằm trong kế hoạch thanh tra hàng năm của cơ quan thuế. Hình thức này được tiến hành khi có những vụ việc xảy ra từ phía các NNT hoặc được phát hiện trong cơ quan thuế để có biện pháp xử lý.

Các hình thức thanh, kiểm tra xét theo phạm vi và nội dung:

Thanh, kiểm tra toàn diện: Được tiến hành với tất cả các nội dung thanh, kiểm tra thuế, hoặc với tất cả đối tượng thanh, kiểm tra. Hình thức này thường được áp dụng để phục vụ cho những nghiên cứu cải tiến lớn về hệ thống thuế.

Thanh, kiểm tra có trọng điểm: Được tiến hành chỉ với một số nội dung, một số đối tượng. Người ta thường chọn ra các đối tượng điển hình và tổ chức thanh tra, kiểm tra từ đó rút ra các kết luận chung cho toàn hệ thống.

Trên thực tế, người ta cũng có thể kết hợp cả hai hình thức này trong trường hợp cần thiết.

1.2.3. Yêu cầu và các biện pháp quản lý thu thuế TNCN

1.2.3.1. Yêu cầu của việc quản lý thu thuế TNCN

Thuế TNCN là loại thuế có mối quan hệ trực tiếp đến lợi ích của từng người dân nên bất kỳ một sự thay đổi hay một quy định nào cũng cần được sự ủng hộ, đồng thuận của dân chúng và được sự chỉ đạo thống nhất của các cơ quan quản lý.

Bốn nguyên tắc sau cần phải được tuân thủ một cách thống nhất để đảm bảo tính khả thi và được hiệu quả cao nhất trong việc quản lý thuế TNCN.

- Nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Nguyên tắc công khai minh bạch.
- Nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.
- Nguyên tắc phù hợp, đồng thuận.

Như vậy, quy trình quản lý thuế TNCN cần phải được thực hiện một cách thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ với việc thực hiện các loại thuế khác và có sự tham gia của cả bộ máy quản lý. Đồng thời, quản lý số thuế cần phải

rõ ràng, công khai để nhằm phát huy được vai trò kiểm tra, kiểm soát của nhân dân, hạn chế được tiêu cực phát sinh trong ngành thuế và các chủ thể nộp thuế. Ngoài ra, chính sách thuế TNCN cần phải được xây dựng sao cho đơn giản, dễ thực hiện, tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được số thuế thuế lớn nhất, mang lại hiệu quả cao.

Quản lý thuế được xem như là một trong những nội dung quan trọng của quản lý tài chính Nhà nước. Tùy theo mục tiêu của Nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể mà các quốc gia có thể đặt ra các yêu cầu khác nhau khi tiến hành quản lý thuế TNCN. Tuy nhiên, nhìn chung quản lý thuế và cải cách quản lý thuế TNCN thường đặt ra các yêu cầu cơ bản như sau:

** Đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời*.

Thuế TNCN chiếm tỉ trọng chủ yếu trong số thu ngân sách Nhà nước ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vì vậy làm tốt công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNCN nói riêng sẽ có tác dụng lớn đảm bảo nguồn thu từ thuế được tập trung, huy động một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời cho ngân sách nhà nước, trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Việc đảm bảo nguồn thu từ thuế là mục tiêu quan trọng hàng đầu của công tác quản lý thuế. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Nhà nước cần tăng thu thuế bằng mọi giá và cải cách thuế cũng không có nghĩa là đưa ra các biện pháp để tăng thu thuế. Một tỷ lệ thu thuế hợp lý và ổn định sẽ tăng tính cạnh tranh và kích thích nền kinh tế phát triển hiệu quả, mà vẫn đảm bảo nhu cầu chỉ tiêu của Nhà nước.

Như vậy, ngoài yêu cầu thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, quản lý thuế TNCN cũng phải nâng cao được tính hiệu quả của công tác quản lý thuế nói chung. Tức là phải hướng tới mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, gắn chi phí thu thuế với số thu về thuế trong mối tương quan chặt chẽ, đồng cũng phải giảm thiểu chi phí của các đối tượng trong quá trình thu thuế. Muốn vậy, yêu cầu quản lý thuế phải xây dựng, tổ chức bộ máy thuế gọn nhẹ, quy trình, thủ tục thu thuê phải đơn giản, rõ ràng, đội ngũ công chức thuế làm việc có năng suất và chất lượng cao.

**Bảo đảm thực hiện nghiêm chính sách chế độ của Nhà nước.*

Quản lý thuế liên quan đến nguồn tài chính công, tài chính của Nhà nước, do đó, công tác quản lý cần phải được thực hiện nghiêm chỉnh, không những góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách mà công tác quản lý còn phải góp phần tăng cường ý thức chấp hành pháp luật cho các tổ chức kinh tế và dân cư. Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước thông qua công cụ luật pháp để tác động vào nền kinh tế ở tầm vĩ mô. Ý thức chấp hành luật pháp của các tổ chức kinh tế và dân cư sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện những tác động này. Qua công tác tổ chức thực hiện và thanh tra việc chấp hành các luaật thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng, cùng với việc tăng cường tính pháp chế của chính sách thuế này, ý thức chấp hành chính sách thuế sẽ được nâng cao, từ đó tạo thói quen "sống và làm việc theo pháp luật".

**Bảo đảm thực hiện công bằng xã hội trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.*

Quản lý thuế cuối cùng phải làm sao phát huy tốt nhất vai trò của thuế TNCN trong nền kinh tế. Một trong những vai trò quan trọng đó là góp phần đảm bảo công bằng xã hội. Những vai trò của thuế TNCN không thể tự nó đạt được mà để có kết quả thì việc thực hiện đó phải thông qua những nội dung công tác quản lý thuế TNCN.

1.2.3.2. Các biện pháp quản lý thu thuế TNCN

Biện pháp quản lý là cách thức cụ thể mà các nhà quản lý sử dụng để điều hành các hoạt động của tổ chức. Quá trình quản lý thuế TNCN cuối cùng cũng nhằm mục đích hạn chế, giảm thiểu được tình trạng trốn thuế, gian lận về thuế làm giảm thu ngân sách nhà nước, tức đảm bảo thu đúng, thu đủ về thuế. Để đảm bảo được mục tiêu cuối cùng này, cơ quan thuế cần phải xây dựng kế hoạch thu thuế và tổ chức các biện pháp thực hiện kế hoạch thu một cách hợp lý và toàn diện.

**Xây dựng kế hoạch thu thuế:*

Để việc thực hiện chính sách trong thực tế đạt hiệu quả cao, bất kỳ một cơ quan, đoàn thể hay bất kỳ một lĩnh vực nào cũng cần phải có một kế hoạch

nhất định. Đối với việc quản lý thuế TNCN thì việc xây dựng một kế hoạch thu thuế lại càng trở nên cần thiết. Bởi thuế TNCN có đối tượng rất rộng, lẻ tẻ, do đó việc quản lý cũng cần phải chi tiết. Nếu không xây dựng một kế hoạch thu thuế ngay từ đầu năm một cách hợp lý thì việc thực thi sẽ rất mông lung và không theo định hướng. Để có một kế hoạch thu thuế phù hợp với tình hình thực tế, các nhà hoạch định không chỉ dựa trên những con số thống kê của các năm trước mà cần phải có sự xem xét, đánh giá đối với tình hình biến động hiện tại và tương lai để đảm bảo kế hoạch mang tính khả thi khi đi vào thực tiễn.

**Tổ chức các biện pháp thực hiện kế hoạch thu*:

Sau khi kế hoạch thu thuế đã được xây dựng, cơ quan thuế cần có những biện pháp tổ chức để triển khai đúng đắn kế hoạch này. Các biện pháp này bao gồm:

- *Thiết lập quy trình thu thuế TNCN:* Là một bộ phận của hoạt động quản lý thuế nói chung, hoạt động quản lý thuế TNCN không phải là nhiệm vụ chức năng của một phòng, ban, đơn vị riêng lẻ mà là sự kết hợp đồng thời của các bộ phận trong quy trình thu thuế, cũng như của các phòng ban từ trên xuống dưới. Quy trình quản lý thu thuế hợp lý, chặt chẽ, bộ máy quản lý hoạt động thống nhất, đồng bộ là một trong những điều kiện cơ bản để thực hiện tốt công tác quản lý thuế.

- *Tổ chức, bố trí lực lượng thu*: Hoạt động quản lý thuế gồm rất nhiều công việc cụ thể như: liên hệ với ĐTNT, tuyên truyền phổ biến pháp luật, tiếp nhận và tiến hành nhập tờ khai thueesk, cấp mã số thuế, kiểm tra khai thuế,kiểm tra quyết toán thuế, liên hệ với các phòng ban có liên quan, trao đổi với người nước ngoài... Đây đều là những công việc tỉ mỉ, mất nhiều thời gian, đòi hỏi chính xác cao lại đòi hỏi phải được tiến hành nhanh để nắm chắc nguồn thu. Do đó, việc đầu tư cơ sở vật chất kĩ thuật càng hiện đại, hoạt động quản lý sẽ càng hiệu quả, tiết kiệm. Đồng thời, việc bố trí những cán bộ thuế có năng lực, có chuyên môn và có đạo đức, mềm dẻo, linh hoạt sẽ đảm bảo

thu đúng,thu đủ vào ngân sách nhà nước bởi TNCN là sắc thuế có độ nhạy cảm cao.

- *Phối hợp công tác thu giữa các cơ quan liên quan*: Để có thể kiểm soát được các dòng thu nhập chịu thuế cũng như việc giảm trừ gia cảnh của cá nhân phục vụ cho việc quản lý thuế, cơ quan thuế cần phải có sự phối kết hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan khác như: ngân hàng, công an, ủy ban nhân dân...Sự phối kết hợp này là hết sức cần thiết để cơ quan thuế có thể quản lý một cách toàn diện và chính xác, giảm thiểu thất thu thuế. Tuy nhiên, công tác thu thuế không chỉ đảm bảo chính xác, mà còn phải nhanh chóng, tránh các thủ tục rườm rà, lãng phí thời gian của người nộp thuế.

- *Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra*: Công tác thanh kiểm tra, giám sát thuế TNCN là để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý, nâng cao năng lực của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các đối tượng thuế có hành vi gian lận, trốn thuế. Việc thanh kiểm tra có thể thực hiện tại trụ sở của cơ quan thuế hoặc tại trụ sở của người nộp thuế, tùy thuộc vào độ phức tạp cũng như yêu cầu của việc phân tích thông tin. Việc giảm sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế cần phải được thực hiện một cách đồng bộ và nghiêm minh, từ việc đăng ký thuế của cá nhân, đến việc kê khyai, tính thuế và nộp thuế vào ngân sách nhà nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ sẽ tạo nên một hệ thống quản lý thuế vững mạnh.

1.3. Các yếu tố ảnh hướng đến công tác quản lý thuế TNCN

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNCN. Mỗi nhân tố đều có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực tới công tác này tùy theo tính chất và trạng thái của nhân tố đó. Nhiệm vụ của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước là phải tìm cách hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực cũng như phát huy những ảnh hưởng tích cực nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN.

1.3.1. Các nhân tố ảnh hưởng chủ quan đến công tác quản lý thuế TNCN

1.3.1.1 Các nhân tố từ phía cơ quan quản lý Nhà nước

Hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước: Các văn bản pháp quy về thuế là cơ sở pháp lý để hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế, hệ thống văn bản đầy đủ, hoàn chỉnh, dễ hiểu sẽ tăng tính khả thi. Ngược lại, hệ thống văn bản chưa chặt chẽ tất yếu sẽ gây ra hiện tượng trốn, tránh thuế do vô tình hay hữu ý gây khó khăn cho công tác quản lý thuế. Điều này đúng với hầu hết các loại thuế, đặc biệt là thuế TNCN- loại thuế có tác động đến thái độ của người nộp thuế, lại có tính nhạy cảm và phức tạp cao thì hệ thống văn bản pháp quy càng cần phải chặt chẽ và hoàn chỉnh.

Về vấn đề thanh toán qua ngân hàng: Việc thanh toán tiền lương và một số khoản thu nhập đã được thực hiện qua hệ thống ngân hàng, tuy nhiên nhiều giao dịch bằng tiền mặt vẫn còn dẫn đến quản lý thuế TNCN khó khăn và phức tạp chủ yếu ở khâu quản lý thu nhập của các đối tượng. Các khoản thu nhập được thanh toán qua hệ thống ngân hàng dưới hình thức tài khoản cá nhân thì sẽ rất thuận tiện cho cơ quan thuế trong việc giám sát. Bên cạnh đó, nếu phương thức thanh toán trong dân cư chủ yếu thông qua ngân hàng thì Nhà nước có thể áp dụng phương pháp thu thuế TNCN thông qua hệ thống ngân hàng. Điều này vừa giúp giảm bớt công việc và chi phí cho cơ quan thuế, vừa kiểm soát chặt chẽ hơn thu nhập của người nộp thuế.

Sự phối hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước với cơ quan thuế trong quản lý thuế: Công tác quản lý thu thuế có liên quan đến nhiều cơ quan quản lý nhà nước khác như: cơ quan quản lý lao động, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh...Cơ quan thuế là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong quản lý thuế nói chung và quản lý thuế thu nhập cá nhân nói riêng. Do đó, sự phối hợp tốt giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước khác thì công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân sẽ có hiệu quả cao hơn.

1.3.1.2. Các nhân tố từ phía cơ quan thuế

Tổ chức bộ máy của cơ quan Thuế: Tổ chức bộ máy của cơ quan thuế hợp lý, phân công trách nhiệm rõ ràng, có tiêu chí đánh giá cụ thể sẽ tăng tính

trách nhiệm trong quản lý thuế nói chung và quản lý thuế thu nhập cá nhân nói riêng. Nếu tổ chức bộ máy cơ quan thuế không hợp lý, việc phân công nhiệm vụ của các bộ phận, trong quy trình thu thuế cũng như các phòng ban từ trên xuống chồng chéo thì sẽ gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý thuế TNCN. Để thực hiện tốt công tác quản lý thuế TNCN đòi hỏi phải có quy trình quản lý thuế hợp lý, chặt chẽ, thống nhất.

Trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thuế: Trình độ đội ngũ cán bộ thuế đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thuế, đặc biệt là thuế TNCN. Nhân tố này tác động vào tất cả các nội dung của công tác quản lý thuế TNCN, từ ban hành chính sách, tổ chức thực hiện chính sách tới thanh tra thuế, tổ chức bộ máy quản lý thuế.

Quá trình thực hiện chính sách thuế cũng phụ thuộc rất nhiều vào trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thuế. Nhân tố này ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả hoạt động của công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức thuế cũng như quản lý thuế. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo làm công tác tổ chức thiết lập nên bộ máy quản lý thuế phải có đủ năng lực và phẩm chất để xây dựng một bộ máy phù hợp với những điều kiện kinh tế xã hội và có hiệu quả cao.

Cơ sở vật chất của ngành thuế: Nhân tố này có ảnh hưởng mạnh mẽ tới công tác quản lý thuế TNCN. Những quy định trong chính sách về diện thu thuế (rộng hay hẹp), phương thức kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, … phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đáp ứng của ngành thuế về cơ sở vật chất của ngành thuế. Một hệ thống thu thuế bằng mạng nội bộ thông suốt sẽ là một nhân tố rất hữu ích cho cơ quan thuế trong việc quản lý thuế hiệu quả, chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế và hỗ trợ người nộp thuế: Công tác này thực hiện tốt sẽ giúp các tổ chức, cá nhân nộp thuế và người dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nghĩa vụ thuế, tránh được những sai sót không cố ý trong quá trình kê khai nộp thuế, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

1.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng khách quan đến công tác quản lý thuế TNCN

Ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng của NNT tỉ lệ thuận với ý thức và trách nhiệm nộp thuế. Khi NNT có ý thức chấp hành luật thuế tốt, họ sẽ tự giác trong kê khai, nộp thuế, hành vi trốn thuế sẽ ít xảy ra. Chính vì vậy, công tác quản lý thuế sẽ thuận lợi và đạt kết quả tốt hơn. Ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế cũng là một nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý thuế TNCN. Ý thức chấp hành pháp luật của người dân có thể được nâng cao dần qua quá trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục.

1.4. Bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý thuế TNCN cho Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

1.4.1. Kinh nghiệm quản lý thuế TNCN ở Cục Thuế tỉnh Phú Thọ.

Cục Thuế tỉnh Phú Thọ có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Bên cạnh nhiệm vụ đảm bảo số thu cho NSNN, Cục Thuế tỉnh Phú Thọ còn phải thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác do Tổng cục Thuế giao và đảm bảo thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo của Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

1.4.1.1. Về tổ chức bộ máy quản lý thuế

Bộ máy quản lý thu thuế ở cơ quan thuế các cấp được cải cách theo hướng tổ chức tập trung theo 4 chức năng nhằm chuyên môn hoá, nâng cao năng lực quản lý thu thuế ở từng chức năng, gồm: Tuyên truyền - hỗ trợ NNT; Theo dõi, xử lý việc kê khai thuế; Đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế.

Cục Thuế tỉnh Phú Thọ luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công chức về chuyên môn nghiệp vụ, về lý luận chính trị, về quản lý nhà nước, về tin học đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển nguồn nhân lực cho cơ quan thuế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế nói chung vả công tác quản lý thuế TNCN nói riêng.

1.4.1.2. Về quy trình công tác quản lý thuế

Về quy trình quản lý thu thuế, bao gồm các bước: Đăng ký, cấp và sử dụng mã số thuế; Quản lý kê khai, nộp thuế; Quản lý quá trình quyết toán thuế và hoàn thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập cá nhân.

Trong đó, vấn đề mấu chốt là việc đăng ký, cấp và sử dụng mã số thuế như thế nào, có đáp ứng được với cầu của người dân không, hệ thống máy chủ của ngành thuế có đáp ứng được với số lượng đối tượng nộp thuế đến đăng ký không.

Bên cạnh đó, vấn đề thanh tra, kiểm tra là một trong những hoạt động quan trọng nhất trong các hoạt động quản lý thu thuế thu nhập cá nhân, đặc biệt trong điều kiện nước ta, khi ý thức kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân của dân cư còn thấp. Về công tác thanh tra tại Cục Thuế tỉnh Phú Thọ (do các phòng Thanh tra thực hiện) chỉ thanh tra toàn diện các sắc thuế mà ĐTNT phải nộp trong đó có thuế TNCN khấu trừ của người sử dụng lao động. Chưa thực hiện thanh tra theo chuyên đề chỉ bao gồm thuế TNCN khấu trừ.

Qua quá trình thực hiện, công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa tỉnh Phú Thọ cũng đã từng bước cải thiện cho phù hợp với tình hình mới và đã đạt được một số thành tựu đáng kể:

- Thủ tục hành chính đã được cải cách hợp lý hơn. Phương pháp quản lý thu thuế theo cách khấu trừ tại nguồn đó giúp giảm bớt được số lượng cá nhân đăng ký nộp thuế tại các Cục Thuế.

- Huy động ngày càng nhiều thu nhập của cá nhân có thu nhập cao cho nhà nước. Một phần thu nhập của những người có thu nhập cao đã được chuyển vào ngân sách, thông qua đó, Nhà nước có thể sử dụng vào các mục đích phát triển chung của xã hội.

- Thực hiện thuế thu nhập cá nhân đã góp phần phân phối lại thu nhập

- Chính sách thuế TNCN được tuyền truyền rộng rãi

- Năng lực bộ máy quản lý thu thuế được nâng cao thêm

1.4.2. Một số bài học kinh nghiệm đối với Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong công tác quản lý thuế TNCN.

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm quản lý thuế TNCN của một số tỉnh thành trên cả nước đặc biệt là công tác quản lý thuế TNCN tại tỉnh Phú Thọ có thể rút ra một số bài học cho công tác quản lý thuế TNCN ở tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

Một là, về phương thức tổ chức thu: hầu hết các tỉnh, thành đều áp dụng kết hợp phương pháp khấu trừ tại nguồn và kê khai trực tiếp theo quy định của Luật. (Phương thức khấu trừ tại nguồn, kê khai tạm nộp theo tháng sau đó cuối năm quyết toán là một phương thức hợp lý được áp dụng đối với khoản thu nhập chịu thuế phát sinh thường xuyên. Phương thức kê khai nộp thuế trực tiếp được áp dụng đối với các khoản thu nhập phát sinh không thường xuyên).

Hai là, công tác thanh tra, kiểm tra thuế được thực hiện dựa trên phương pháp phân tích rủi ro và có một bộ phận chuyên biệt thực hiện công việc này. Việc thanh tra, kiểm tra thuế trong quản lý thuế TNCN là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, do đặc thù của sắc thuế này là số lượng ĐTNT lớn nên việc tiến hành thanh tra, kiểm tra tất cả các đối tượng là khó có thể thực hiện được. Vì vậy, việc lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra dựa trên phương pháp phân tích rủi ro như Hà Nội là phương pháp đúng đắn và có thể nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, công tác thanh tra, kiểm tra phải đi liền với các biện pháp xử phạt công minh thì quản lý thuế mới đạt hiệu quả cao nhất.

Ba là, tổ chức bộ máy theo mô hình kết hợp và việc bố trí cán bộ theo tính chất phức tạp của từng công việc. Một bộ máy quản lý được phân chia theo chức năng sẽ là lựa chọn tốt nhất trong cơ chế đối tượng nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế như hiện nay. Tuy nhiên, do đặc thù số lượng ĐTNT, TNCN là rất lớn, nội dung quản lý phức tạp đòi hỏi phải có mức độ chuyên sâu nhất định nên có thể mô hình tổ chức quản lý theo chức năng kết hợp với

mô hình quản lý theo sắc thuế ở các cấp quản lý sẽ là lựa chọn thích hợp cho công tác quản lý thuế TNCN ở Vĩnh Phúc. Ngoài ra, việc bố trí cán bộ theo mức độ phức tạp của công việc tương ứng với mức lương, thưởng tương xứng cũng là một giải pháp rất hiệu quả trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ quản lý.

Thứ tư, công tác tuyên tuyền hỗ trợ người nộp thuế cần được tăng cường và thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Vì theo Luật quản lý thuế hiện hành thì ĐTNT hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính thuế và kê khai thuế, nộp thuế nên họ phải hiểu rõ trách nhiệm và quyền lợi của họ trong việc thực hiện các chính sách thuế.

Thứ năm, việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc kiểm soát thu nhập là hết sức quan trọng và cần thiết. Muốn kiểm soát được tờ khai thuế TNCN cần phải kiểm soát được thu nhập cũng như các khoản giảm trừ của ĐTNT. Vì vậy, các thông tin về phía ngân hàng, công an, ủy ban nhân dân các cấp là hết sức hữu ích. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi ở đây là phải có những quy định mang tính pháp lý bắt buộc trong việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa các bên liên quan. Thực tiễn của Hà Nội trong vấn đề này là một kinh nghiệm rất đáng để học tập.

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Như vậy, sau khi nêu những nội dung cơ bản về lý luận: Khái niệm, đặc điểm vai trò và những nội dung cơ bản về Luật thuế TNCN… là căn cứ cho công tác quản lý thuế TNCN đồng thời cũng đã đưa ra các khái niệm, đặc điểm, nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNCN. Từ những vấn đề lý luận cơ bản này, luận văn sẽ tiến hành ứng dụng những căn cứ lý luận khoa học vào việc phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trong chương 2.

Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

2.1 Tổng quan về Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1 Đặc điểm kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

Vĩnh Phúc là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và vùng Thủ đô, phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang, phía Tây giáp Phú Thọ, phía Đông và phía Nam giáp thủ đô Hà Nội. Tính đến năm 2019, Vĩnh Phúc có tổng diện tích tự nhiên là 1.237,52 km2,dân số 1.151.154 người (theo kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019), có hơn 40 dân tộc anh, em sinh sống trên địa bàn tỉnh trong đó chủ yếu là các dân tộc: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Dao, Cao Lan, Mường. Tỉnh có 9 đơn vị hành chính: 2 thành phố: Thành phố Vĩnh Yên, Thành phố Phúc Yên, các huyện: Bình Xuyên, Tam Dương, Yên Lạc, Vĩnh Tường, Sông Lô, Lập Thạch, Tam Đảo. Vĩnh Phúc là đầu mối các tuyến giao thông: đường bộ, đường sắt, đường hàng không quốc gia, quốc tế, gần sân bay quốc tế Nội Bài. Vĩnh Phúc cũng là tỉnh có đủ 3 vùng cảnh quan sinh thái: Đồng bằng – Trung du - Miền núi, đặc biệt là dãy núi Tam đảo hình cánh cung với diện tích rừng nguyên sinh trên 100 ngàn héc ta. Với vị trí địa lý và diện tích tự nhiên thuận lợi tỉnh đã chú trọng phát triển đô thị hoá bằng quy hoạch các khu công nghiệp, thu hút nhiều DN có vốn ĐTNN, Doanh nghiệp lớn vào đầu tư, thu hút lao động trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Đây cũng chính là cơ sở đẩy mạnh nguồn thu từ thuế TNCN của tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ khi tái lập tỉnh đến nay (1997 - 2019), Vĩnh Phúc đã có bước tiến nhanh và đạt được những thành tựu to lớn, kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ cao, bình quân 20 năm (1997 - 2019) đạt trên 15,38%/năm. Cơ cấu kinh tế từ một tỉnh chủ yếu là nông nghiệp, đến năm 2019 công nghiệp và xây dựng đã chiếm trên 62,1%, thương mại và dịch vụ chiếm 28,5%, nông lâm thủy sản chỉ còn 9,4%. Vĩnh Phúc hiện có 9 khu công nghiệp đã được Chính phủ phê

duyệt và đang hoạt động. Tính đến hết năm 2019, toàn tỉnh có 248 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký là 5.091,3 triệu USD, dự kiến sử dụng lao động là 51.700 người; 755 dự án DDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký là 79.574 tỷ VNĐ. Với mục tiêu chiến lược là trở thành một tỉnh có đủ các yếu tố cơ bản của một tỉnh công nghiệp vào năm 2019. Đến năm 2020, trở thành tỉnh công nghiệp, là một trong những trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của khu vực và của cả nước, nâng cao mức sống của nhân dân… hướng tới trở thành Thành phố Vĩnh Phúc vào những năm 20 của thế kỷ 21. Để thực hiện mục tiêu này, tỉnh Vĩnh Phúc đã khai thác và phát huy tốt các nguồn lực cho đầu tư phát triển, kêu gọi đầu tư với phương châm: "Tất cả các nhà đầu tư vào Vĩnh Phúc đều là công dân Vĩnh Phúc - Thành công của doanh nghiệp chính là thành công và niềm tự hào của tỉnh". Tỉnh Vĩnh Phúc đã quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp đến năm 2020 với 23 khu, diện tích 8 nghìn héc ta; ưu tiên đến phát triển công nghiệp cơ khí ô tô, xe máy; công nghiệp điện tử công nghệ cao; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và vật liệu nhẹ; công nghiệp truyền thống, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm. Vĩnh Phúc có tiềm năng lớn về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn. Đây là một yếu tố quan trọng để tỉnh Vĩnh Phúc có thể gia tăng được nguồn thu từ thuế TNCN của các dự án này.

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập theo Quyết định số 1132/TCT/QĐ-TCCB ngày 14 tháng 12 năm 1996 chính thức đi vào hoạt động từ năm 1997 trên cơ sở chia tách từ Cục thuế tỉnh Vĩnh Phú trước đây. Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc là tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh nhiệm vụ đảm bảo số thu cho NSNN, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc còn phải thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác do Tổng cục Thuế giao và đảm bảo

thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ năm 1997 đến năm 2019, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, với kết quả thu nội địa năm sau cao hơn năm trước, Vĩnh Phúc tiếp tục khẳng định vị trí thứ 2 miền Bắc sau Hà Nội và đứng thứ 5 cả nước. Ngành thuế Vĩnh Phúc cải cách và hiện đại hoá công tác quản lý thuế không ngừng được đẩy mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thời điểm năm 2017, cơ cấu tổ chức của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc gồm 14 Phòng chức năng, 09 Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố với trên 500 cán bộ công chức. Trong đó cán bộ nữ chiếm khoảng 35%; 68,4% cán bộ là Đảng viên; trên 73% cán bộ công chức có trình độ đại học và trên đại học.

Năm 2018, triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII quy định một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; Ngày 13/4/2018, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-BTC phê duyệt Kế hoạch triển khai, sắp xếp, sáp nhập Chi cục Thuế các quận, huyện, thị xã, thành phố thành Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố.

Tính đến thời điểm hiện tại, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Thuế Vĩnh Phúc gồm 13 phòng chức năng, 5 chi cục thuế khu vực, thành phố.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

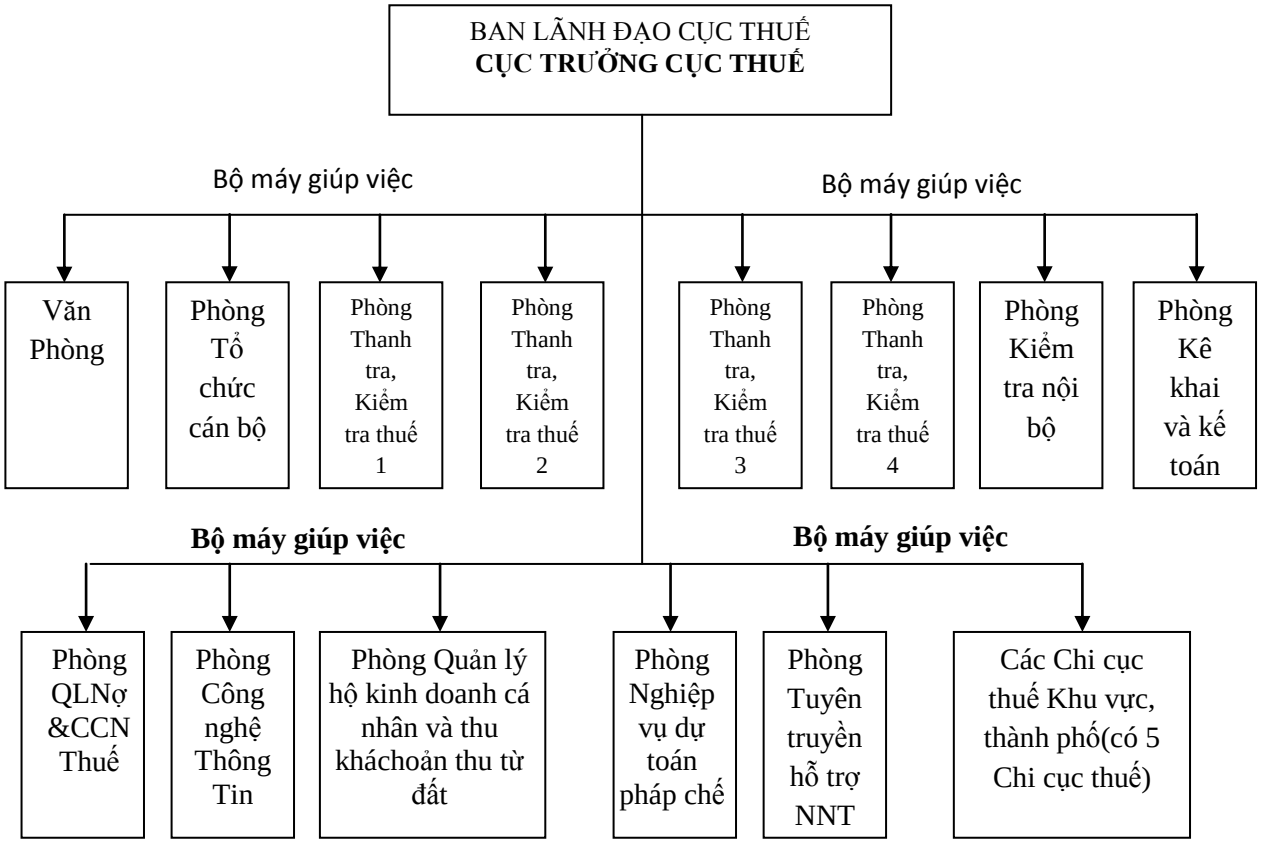

Đến nay nhìn chung bộ máy Cục thuế Vĩnh Phúc đã đi vào hoạt động ổn định và hiệu quả với những kết quả nhất định. Nhiệm vụ các bộ phận cơ cấu thuộc cơ quan thuế đã được quy định cụ thể, rõ ràng, giảm bớt được sự chồng chéo, xoá bỏ bớt các bộ phận không cần thiết, bước đầu đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện các thủ tục hành chính thuế và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Theo phân cấp quản lý, văn phòng Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện quản lý thu của các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có quy mô kinh doanh lớn. Các Chi cục thuế khu vực thành phố thực hiện quản lý thu của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhỏ và quản lý thu của các hộ cá thể, các khoản thu liên quan đến đất đai của tất cả các đối tượng trên địa bàn. Số thu của ngân sách được tập trung phần lớn tại văn phòng Cục thuế chiếm khoảng 85% tổng thu nội địa toàn tỉnh.

Các phòng thuộc Văn phòng cục thuế thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 1836/QĐ-TCT ngày 08/10/2018 của Tổng Cục thuế. Các chi cục thuế khu vực trực thuộc Cục thuế thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Chất lượng công tác điều hành, quản lý thu không ngừng được nâng cao theo hướng chuyên sâu và hiện đại hoá. Cải cách hành chính thuế được đẩy mạnh, thủ tục hành chính thuế ngày càng đơn giản, dễ hiểu, công khai minh bạch tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách thuế và giảm chi phí quản lý cho cơ quan thuế, thu dần khoảng cách giữa cơ quan thuế và người nộp thuế.

Bộ máy quản lý thu thuế của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng và Ngành thuế nói chung được tổ chức theo mô hình quản lý theo chức năng, mỗi bộ phận quản lý thu tất cả các sắc thuế của một số ĐTNT. Do đó rất khó để xác định được chi phí bộ máy quản lý cho hoạt động thu thuế TNCN. Hơn nữa chi phí không chỉ là chi phí của cơ quan thuế mà bao gồm cả những phí tổn về thời gian và những phí tổn khác liên quan đến hoạt động tuân thủ luật thuế mà người khai thuế phải chịu.

Bên cạnh việc tiếp tục triển khai đồng bộ công tác nghiệp vụ theo Luật Quản lý thuế, các quy trình quản lý thuế hiện hành, hệ thống Thuế tỉnh Vĩnh Phúc sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; Đôn đốc các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN thực hiện nộp đúng, đủ, kịp thời; Quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện Tuyên ngôn ngành Thuế Việt Nam với việc xây dựng và gìn giữ các giá trị: **"Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới"**.

2.1.3 Kết quả thu NSNN, thu thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Trong điều kiện kinh tế trong nước tiếp tục có những chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức

tạp, khó lường ảnh hưởng đến năng suất chất lượng cây trồng, ngành chăn nuôi gặp khó khăn khi dịch tả lợn châu Phi lan rộng,...

Song được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND và UBND Tỉnh; sự phối hợp thường xuyên có hiệu quả của các ngành, các cấp; sự chỉ đạo kịp thời của Tổng cục thuế cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, công chức, Cục thuế Vĩnh Phúc đã tổ chức chỉ đạo thu một cách quyết liệt ngay từ những ngày đầu năm, với các mục tiêu cụ thể bằng việc phát động phong trào thi đua trong toàn ngành trên tất cả các lĩnh vực, kết quả thu ngân sách từ nội địa năm 2017 đến năm 2019 trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc đã đạt được kết quả khả quan, cụ thể là:

Kết quả thu NSNN:

Số thu NSNN về thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu ngân sách của cả Nước. Đặc biệt trong những năm gần đây, Cục thuế Vĩnh Phúc luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, tốc độ trung bình vào khoảng 105%, là một trong những tỉnh nằm trong tốp 10 về thu NSNN của cả nước. Số thu ngân sách của tỉnh Vĩnh Phúc qua các năm như sau:

Bảng 2.1. Tổng số thu nội địa của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

(Đơn vị: Triệu đồng)

Năm	**Tổng số thu nội địa**			**Trong đó: Thuế TNCN**			**Tỷ trọng: thuế TNCN trong tổng thu**(%)
	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	
2017	30.718.000	24.800.520	80,7	456.000	538.702	118,2	2,17
2018	26.690.000	28.025.845	105,0	580.000	677.701	116,9	2,42
2019	24.243.000	30.915.904	127,5	710.000	863.948	121,7	2,79

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Kết quả thu nội địa năm 2017 trên địa bàn tỉnh đạt 24.800.520 triệu đồng bằng 80,7% dự toán pháp lệnh, bằng 74% so với dự toán phấn đấu Tổng cục thuế giao và bằng 87,1% so với thực hiện cùng kỳ. Nguyên nhân là do sự

tác động của suy thoái kinh tế thế giới tác động nền kinh tế trong nước, Chính phủ đã có các chính sách miễn, giảm, giãn thuế hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước tác động lớn đến nguồn thu NSNN của tỉnh trong năm 2017.

Năm 2018, tổng thu nội địa đạt 28.025.845 triệu đồng, bằng 105,0% dự toán pháp lệnh và tăng 60,7% so với cùng kỳ.

Năm 2019 Vĩnh Phúc được Trung ương giao dự toán thu Ngân sách Nhà nước (thu nội địa) là: 24.243 tỷ đồng. Kết quả thu nội địa năm 2019 trên địa bàn tỉnh đạt hơn 30.915 tỷ đồng bằng 127,5% dự toán pháp lệnh và HĐND tỉnh giao và bằng 111,5% so với thực hiện cùng kỳ.

Kết quả thu thuế TNCN:

Qua bảng số liệu cũng cho thấy số thu về thuế TNCN năm sau đều cao hơn năm trước và hoàn thành vượt so với dự toán hàng năm. Năm 2017 số thu từ thuế TNCN là 538.702 triệu đồng, đạt 118,2% so với dự toán pháp lệnh. Năm 2018 số thu thuế TNCN là 677.701 triệu đồng, đạt 116,9% so với dự toán pháp lệnh. Năm 2019 số thu thuế TNCN là 863.948 triệu đồng, đạt 121,7% so với dự toán pháp lệnh.Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn về thu thuế nội địa năm 2017 nói chung. Nhưng tổng số thu về thuế TNCN năm sau đều cao hơn năm trước.

Để đạt được kết quả này là nhờ sự cố gắng phấn đấu của ngành thuế Vĩnh Phúc và quan trọng hơn là thuế TNCN đang đóng 1 vai trò quan trọng trong số thu NSNN tại Vĩnh Phúc. Cục Thuế Vĩnh Phúc đã quan tâm tăng cường công tác quản lý, khai thác nguồn thu, chống thất thu NS và đôn đốc người nộp thuế kê khai và nộp thuế kịp thời theo quy định.

Tính đến ngày 29/10/2019, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 30.915 tỷ đồng, bằng 127,5% dự toán. Cùng với đó, thuế TNCN đã đạt được 863.948 triệu đồng, đạt 121,7% dự toán và đạt 2,79% so với tổng thu NS. Đây là kết quả đáng ghi nhận ngành thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

Bảng 2.2. Kết quả thu thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018		So sánh 2018-2019	
				Số tuyệt đối	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
Dự toán thuế TNCN	456.000	580.000	710.000	124.000	27,19%	130.000	22,41%
Thực hiện thu thuế TNCN	538.702	677.701	863.948	138.999	25,80%	186.247	27,48%
Tổng thu ngân sách	24.800.520	28.025.845	30.915.904	3.225.325	13,01%	2.890.059	10,31%
Thực hiện TNCN/Dự toán	118,14%	116,85%	121,68%	-1,29%	-1,09%	4,84%	4,14%
Thực hiện TNCN/tổng thu NS	2,17%	2,42%	2,79%	0,25%	11,32%	0,38%	15,56%

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

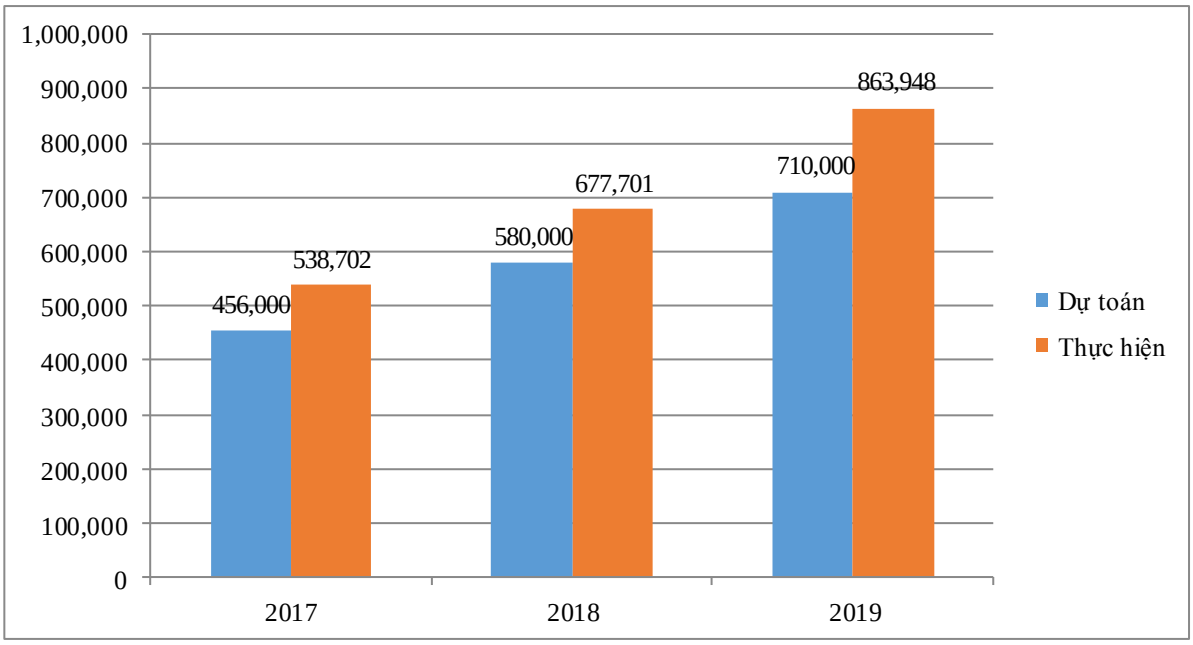

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Biểu đồ 2.1. Thực hiện dự toán thu thuế TNCN tại Cục thuế Vĩnh Phúc

Bảng 2.3. Kết quả thu thuế TNCN từ TLTC tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

ĐVT: tr đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018		So sánh 2018-2019	
				Số tuyệt đối	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
Thực hiện thu thuế TNCN từ TLTC	484.831	630.261	777.553	145.430	29,99%	147.293	23,37%
Thực hiện thu thuế TNCN	538.702	677.701	863.948	138.999	25,80%	186.247	27,48%

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Các khoản thuế TNCN đã thu được hàng năm bao gồm: Thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ hoạt động SXKD của cá nhân; thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ thừa kế, quà biếu; thu nhập từ dịch vụ cho thuê nhà; thu nhập khác. Trong đó, số thuế TNCN từ tiền lương, tiền công là chủ yếu, chiếm trên 90% (*năm 2017 thu 484.831tr đồng, năm 2018 thu 630.261tr đồng, năm 2019 thu 777.553tr đồng*) số thuế TNCN trên toàn địa bàn.

Thông qua việc thực hiện khấu trừ, kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế của tổ chức chi trả thu nhập được cấp mã số thuế; việc kê khai, nộp thuế của cá nhân được cấp mã số thuế có thu nhập thuộc 10 loại thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật, cơ quan thuế có thể quản lý, kiểm soát thu nhập của đối tượng nộp thuế, nắm được tương đối đầy đủ thông tin về thu nhập từ tiền lương, tiền công của cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế là doanh nghiệp trả cho người lao động trong biên chế hoặc hợp đồng lao động dài hạn; thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, việc kiểm soát giá chuyển nhượng thực tế đối với chuyển nhượng giữa các cá nhân còn gặp khó khăn do việc thanh toán hiện nay chủ yếu là dùng tiền mặt, vàng, ngoại tệ.

Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách thuế thu nhập cá nhân, ngay từ khi Luật thuế Thu nhập cá nhân có hiệu lực thi hành (2009), nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng, tác động của nhiều yếu tố: cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, đảm bảo an sinh xã hội; trong đó có chính sách về thuế, nhất là miễn, giảm về thuế TNCN, một trong những biện pháp kích cầu cho nền kinh tế. Chính vì điều này đã làm cho mức thu từ thuế TNCN trong thực hiện dự toán thu luôn chiếm tỷ lệ thấp, đồng thời làm tăng thêm khối lượng công việc về theo dõi, quản lý chặt chẽ từng trường hợp, từng đối tượng được hưởng để tránh lợi dụng gây thất thu ngân sách nhà nước.

2.2 Thực trạng công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2.1 Tổ chức bộ máy quản lý thuế TNCN

Từ năm 2007, thực hiện Luật Quản lý thuế, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã chuyển đổi tổ chức bộ máy ngành thuế theo mô hình quản lý thuế chủ yếu theo chức năng thống nhất từ Cục thuế tỉnh đến các Chi cục thuế khu vực, thành phố trong tỉnh. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận thuộc cơ quan thuế được quy định cụ thể, rõ ràng, từng bước giảm bớt sự chồng chéo, thực hiện tăng cường nguồn lực cho các bộ phận chức năng chủ yếu.

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ Quy trình quản lý thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

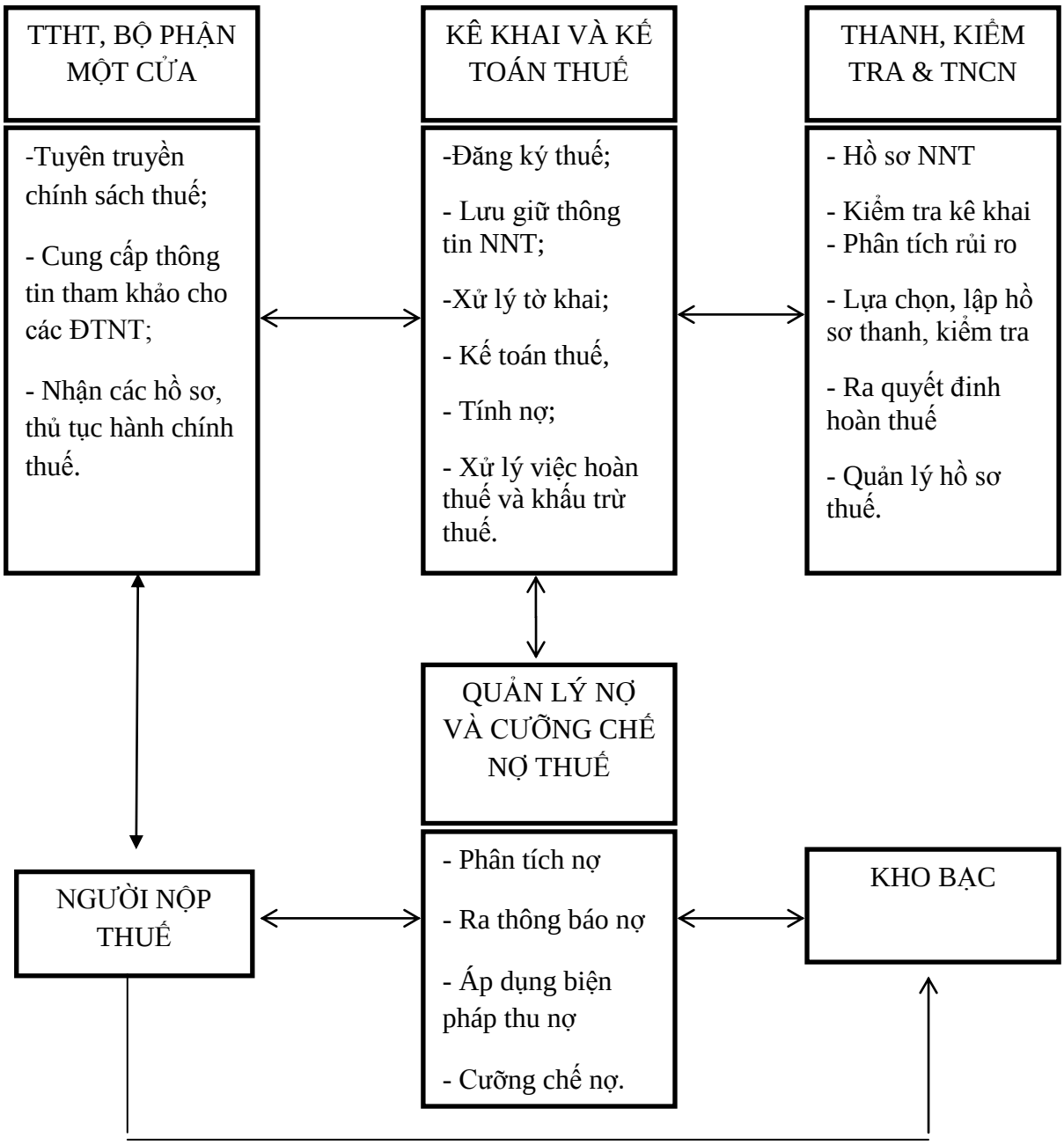

Phòng quản lý thuế TNCN vừa là phòng quản lý thuế theo sắc thuế vừa là phòng chức năng có nhiệm vụ giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức triển khai thực hiện thống nhất chính sách thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Kiểm tra, giám sát kê khai thuế TNCN bao gồm cả công tác hướng dẫn và kiểm tra các Chi cục thuế khu vực, thành phố trong tỉnh. Phòng thuế TNCN có 8 cán bộ công chức, trong đó 01 trưởng phòng, 02 phó phòng và 5 cán bộ

thực hiện việc quản lý thuế TNCN đối với các cơ quan chi trả thu nhập và cá nhân thuộc Văn phòng Cục quản lý.

2.2.2.Thực trạng công tác tuyên truyền hỗ trợ về thuế thu nhập cá nhân

Công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế là nhiệm vụ quan trọng. Giúp người nộp thuế hiểu và nắm bắt được chế độ chính sách thuế của đảng và nhà nước nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, hiểu rõ về chính sách, thủ tục kê khai, nộp thuế thì công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT là rất quan trọng. Đặc biệt với thuế TNCN, là một sắc thuế mới được áp dụng, thì việc tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế đến với NNT lại càng được đặt lên hàng đầu. Mặt khác, việc chuyển chính sách từ " thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao" sang " thuế thu nhập cá nhân" với diện đánh thuế rộng hơn rất nhiều đã làm cho đại bộ phận dân cư phải nộp thuế. Như vậy, nếu muốn huy động đúng và đủ nguồn thuế này vào ngân sách thì trước tiên phải làm cho người dân có những hiểu biết cơ bản về thuế TNCN, về nghĩa vụ nộp thuế của mình; từ đó mà họ có ý thức tự nguyện nộp thuế. Do đó, việc tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế để người dân không hiểu sai về bản chất của thuế TNCN là một vấn đề vô cùng cần thiết.

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã triển khai hàng loạt biện pháp tuyên truyền hỗ trợ. Cục Thuế đã chỉ đạo bộ phận Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể về hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ hàng năm, trong đó bám sát tình hình triển khai chế độ chính sách và yêu cầu giải quyết những vấn đề khó khăn của NNT tại địa phương.

Từ năm 2017 đến năm 2019, công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT đạt được kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.4. Kết quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

ĐVT: Lượt

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018		So sánh 2018-2019	
				Số lượt	Tỷ lệ	Số lượt	Tỷ lệ
1 Phát sóng tr.thanh, tr.hình	15	17	20	2	13,33%	3	17,64%
2 Bài đăng báo, tạp chí	19	24	28	5	26,3%	4	16,6%
3 Trả lời bằng văn bản	143	209	312	66	46,15%	103	86,23%
4 Giải đáp qua điện thoại	1.700	2.100	2.700	400	23,52%	600	28,57%
5 Giải đáp vướng mắc trực tiếp	2.950	3.560	4.270	610	20,67%	710	19,94%
6 Tổ chức hội nghị tập huấn, đối thoại DN	7	9	10	2	28,57%	1	11,11%

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Về công tác tuyên truyền:

- Cùng với Đài PT-HT, Báo Vĩnh Phúc tỉnh thực hiện các cuộc phỏng vấn về tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong ngành thuế; công tác thu ngân sách trên địa bàn; công tác triển khai các Đề án "Cải cách thủ tục hành chính" và Đề án "Một cửa" của UBND tỉnh Vĩnh Phúc...

- Cục thuế Vĩnh phúc đã thực hiên tuyền truyền và hỗ trợ người nộp thuế thông qua Trang thông tin điện tử của ngành thuế, truyền tải kịp thời các văn bản chính sách thuế mới, đăng tải các văn bản giải đáp vướng mắc của

Người nộp thuế trên địa bàn, phản ảnh các hoạt động của ngành thuế. Số lượng tin, bài đã đăng tải là 380 tin, bài, ảnh hoạt động....

- Hướng dẫn, hỗ trợ NNT nắm bắt kịp thời về tiện ích việc khai và nộp thuế qua mạng internet. Cục thuế Vĩnh Phúc đã phối hợp với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tổ chức hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn về nộp thuế điện tử cho các tổ chức, cá nhân nộp thuế.

- Cục thuế đã tổ chức hội nghị tập huấn và giải đáp vướng mắc cho hơn 1100 lượt doanh nghiệp với số lượt người tham dự tập huấn và đối thoại là khoảng 4100 lượt. Tại hội nghị đối thoại, Cục thuế đã kết hợp với công tác tuyên dương các doanh nghiệp có thành tích trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế được nhận Bằng khen, Giấy khen các cấp hàng năm.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế tại BPMC:

Từ năm 2017 tới năm 2019,việc triển khai và mở rộng kê khai thuế qua mạng internet trên địa bàn toàn tỉnh, đã giảm thiểu áp lực khai thuế cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế trên địa bàn. Bộ phân tuyên truyền và hỗ trợ NNT tiếp tục chú trọng vận động các doanh nghiệp trên địa bàn tiếp tục thực hiện khai thuế qua mạng internet và nộp thuế điện tử nhằm thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, giảm thiểu thời gian, tiết kiệm chi phí.

Bên cạnh thành tựu đạt được của công tác tuyên truyền hỗ trợ còn những hạn chế như: Chất lượng dịch vụ tuyên truyền hỗ trợ chưa cao, giải quyết vướng mắc chưa thực sự thỏa đáng NNT là do chịu sự tác động của một số yếu tố cả khách quan lẫn chủ quan. Các văn bản pháp luật về thuế có tác động trực tiếp đến quyền lợi của NNT được quy định rõ ràng, cụ thể thì việc tuyên truyền hỗ trợ của cơ quan thuế sẽ thuận lợi, dễ dàng hơn. Phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT thiếu thốn hay không phù hợp cũng khiến công chức thuế gặp khó khăn trong công việc, không đủ máy móc hỗ trợ tra cứu tài liệu hoặc soạn thảo văn bản hướng dẫn; đường truyền mạng thường trục trặc, v.v... vì thế không thể cung cấp dịch vụ

với chất lượng tốt được và cũng không thể tránh khỏi sự phiền lòng của NNT.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT đã được duy trì thực hiện hàng năm tuy nhiên các hình thức truyền tải chưa thực sự phong phú và đổi mới để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.

Về công tác hỗ trợ NNT:

Công tác hỗ trợ NNT được thực hiện đúng quy trình đã hướng dẫn và giải đáp vướng mắc về quản lý và sử dụng hoá đơn, chính sách thuế, phí, lệ phí và giải quyết yêu cầu thủ tục hành chính thuế.

2.2.3. Thực trạng công tác quản lý Đăng ký thuế, Kê khai, Nộp thuế TNCN.

Công tác Kê khai và Kế toán thuế là một trong 4 chức năng trong công tác Quản lý thuế. Là đầu vào tiếp nhận số liệu nên tính chính xác, tính kịp thời, phản ánh đúng nghĩa vụ thuế của NNT để các bộ phận chức năng khai thác phục vụ cho công tác quản lý thuế. Bộ phận kê khai kế toán thuế thuế căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình đã thực hiện tốt công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ kê khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế TNCN trong phạm vi Cục Thuế quản lý.

Công tác Đăng ký thuế

Tính đến nay, trên toàn tỉnh có: **433,956** MST được cấp (không bao gồm Mã số thuế đất phi nông nghiệp).

Bảng 2.5: Bảng tổng hợp mã số thuế của NNT tại tỉnh Vĩnh Phúc đến 31/12/2019

STT	Chỉ tiêu	Tổng số NNT đã được cấp mã số thuế	Số NNT đang hoạt động	Số NNT đang tạm nghỉ có thời hạn	Số NNT ngừng hoạt động đóng MST
	TỔNG CỘNG	**433,956**	**421,962**	**333**	**11,661**
I	Khu vực Nhà nước	1,474	1,267	2	205
II	Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	221	170	1	50
III	Khu vực kinh tế Ngoài quốc doanh	7,115	4,538	330	2,247
IV	Hộ kinh doanh cá thể	19,542	10,645		8,897
V	Nhà thầu, nhà thầu phụ	429	167		262
VI	Thu nhập cá nhân	405,175	405,175		0

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Kết quả trên cho thấy công tác quản lý mã số thuế của người nộp thuế rất được quan tâm. Đây là một trong những khâu rất quan trọng trong công tác quản lý thuế tại địa phương của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Hàng tháng phòng Kê khai và kế toán thuế thường xuyên phối hợp với các phòng Kiểm tra thuế, các Chi cục Thuế tiến hành rà soát, đối chiếu ĐTNT để đảm bảo số ĐTNT đã được cấp mã số thuế khớp đúng với số ĐTNT thực tế các đơn vị đang theo dõi quản lý.

Biểu đồ 2.2: MST đang hoạt động chia theo khu vực kinh tế đến 31/12/2019

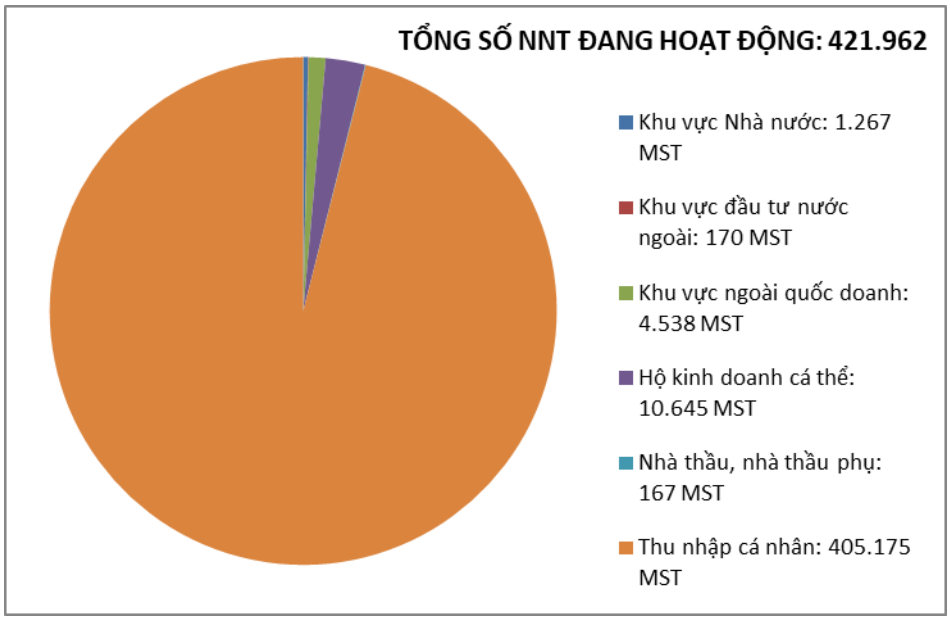

Khi triển khai Luật Thuế TNCN, bước đầu tiên là việc cấp mã số thuế cá nhân. Mã số này sẽ gắn với mỗi cá nhân suốt đời và là cơ sở để quản lý đối tượng nộp thuế TNCN. Do số lượng đối tượng nộp thuế TNCN quá lớn, nên để đảm bảo tiến độ cấp mã số thuế cá nhân phục vụ kịp thời công tác thu thuế, thời gian đầu Cục Thuế chỉ yêu cầu các đơn vị chi trả thu nhập thực hiện đăng ký cấp mã số thuế cho những cá nhân có mức thu nhập đạt ngưỡng phải nộp thuế. Sau giai đoạn một, theo chỉ đạo, Cục Thuế đã có công văn hướng dẫn thực hiện yêu cầu các đơn vị chi trả thực hiện cấp MST cho toàn bộ người lao động (kể cả những trường hợp chưa đến mức thu nhập phải nôp thuế TNCN).

Để thực hiện tốt công tác quản lý thuế TNCN thì việc thực hiện tốt công tác quản lý NNT là một khâu quan trọng, đây cũng là bước đầu tiên trong quá trình quản lý thu. Quản lý tốt NNT sẽ là cơ sở để kiểm soát nguồn thu, triển khai các chính sách thuế thuận lợi và hiệu quả.

Đăng ký thuế là nghĩa vụ của người nộp thuế, thông qua mã số thuế mà các cơ quan thuế có thể quản lý người nộp thuế dễ dàng hơn. Công tác đăng ký và cấp mã số thuế là bước tiền đề và có vai trò quan trọng trong việc triển khai công tác tin học hóa quy trình thu thuế TNCN của ngành thuế. Quản lý

đối tượng thông qua mã số thuế sẽ tăng tính chủ động cho cơ quan thuế, tạo thuận lợi hơn khi kiểm tra, kiểm soát các khoản thu nhập của người nộp thuế.

Như vậy, Cục thuế Vĩnh Phúc đã hoàn thành về cơ bản việc cấp MST cá nhân đến ĐTNT, đây là nỗ lực rất lớn của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, là tiền đề quan trọng để quản lý kê khai nộp thuế TNCN và quyết toán thuế đạt hiệu quả, đáp ứng mục tiêu của cơ chế tự khai, tự nộp thuế. Việc cấp MST cá nhân qua mạng được thực hiện chính xác, nhanh chóng và rất thuận tiện, giảm thiểu các thủ tục hành chính phiền hà và thời gian cho các cá nhân và đơn vị.

Công tác Kê khai thuế và nộp thuế TNCN

Việc thực hiện kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp và hộ kinh doanh đảm bảo đúng thời hạn quy định. Tăng cường đôn đốc kê khai và nộp hồ sơ khai thuế trên hệ thống HTKK, công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của người nộp thuế, qua đó phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong việc kê khai. Bên cạnh việc thường xuyên đôn đốc nhắc nhở, Cục đã kiên quyết áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với công tác quản lý kê khai thuế. Nhờ đó, công tác quản lý kê khai thuế TNCN trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định

Nằm trong chiến lược chung của toàn ngành, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác kê khai và kế toán thuế như: Sử dụng tờ khai mã vạch hai chiều trong kê khai thuế, kết nối thông tin nộp thuế với cơ quan Kho bạc, kê khai thuế điện tử. Đến nay, hầu hết NNT đã sử dụng tờ khai mã vạch hai chiều trong kê khai thuế. Số lượng tờ khai phải nộp, đã nộp, nộp đúng hạn tăng lên cả về số lượng và chất lượng, thể hiện ý thức chấp hành kê khai thuế của NNT nâng lên rõ rệt.

Bảng 2.6: Thống kê tình trạng chấp hành kê khai thuế TNCN đối với các doanh nghiệp Cục thuế quản lý năm 2019

Số TT	Loại hình doanh nghiệp	SốNNTphải nộp TK thuế	Số NNT đã nộp TK thuế	Số NNT chưa/ không nộp TK thuế	Tình trạng kê khai thuế					
					Nộp đúng hạn		Nộp quá hạn			
					Số lượng	Tỷ lệ (%)	Từ 1-3 ngày		Trên 3 ngày	
							Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	DN có yếu tố nước ngoài	412	396	16	331	84	43	11	22	5
-	DN 100% vốn nước ngoài	336	328	8	290	88	34	10	10	3
-	DN liên doanh với nước ngoài	35	34	1	24	71	7	21	3	9
-	Nhà thầu Nước ngoài	21	14	7	7	50	7	50	0	0
2	DN trong nước	235	226	9	162	72	49	22	13	6
-	Công ty TNHH	56	49	7	37	76	10	20	2	4
-	Công ty cổ phần	159	157	2	105	67	39	25	11	7
-	DN Nhà nước	20	10	0	10	50	0	0	0	0

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Số liệu tổng hợp vào biểu này được lấy từ kết quả thống kê tình trạng chấp hành kê khai thuế, theo từng NNT trong năm 2019. Từ kết quả thống kê, phân tích theo loại hình doanh nghiệp, thì doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài chấp hành tốt kê khai thuế hơn so với doanh nghiệp trong nước. Trong các loại hình doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài thì doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài, tỷ lệ kê khai đạt 88%, thấp nhất là nhà thầu thực hiện và không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam (50%). Các doanh nghiệp trong nước thì ý

thức chấp hành khai thuế TNCN thấp hơn so với doanh nghiệp nước ngoài tại tỉnh.

Bảng 2.7. Thống kê lỗi trong kê khai thuế tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Số TT	Loại hình doanh nghiệp	Số NNT phải nộp TK thuế	Số NNT đã nộp TK thuế	Xác định lỗi trong kê khai thuế			
				Lỗi định danh		Lỗi số học	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	DN có yếu tố nước ngoài	412	396	8	2	3	1
-	DN 100% vốn nước ngoài	336	328	5	2	2	1
-	DN liên doanh với nước ngoài	35	34	2	6	1	3
-	Nhà thầu thực hiện và không thực hiện CĐKT Việt Nam	21	14	1	7	0	0
2	DN trong nước	235	226	2	1	2	1
-	Công ty TNHH	56	49	2	4	0	0
-	Công ty cổ phần	159	157	0	0	1	1
-	DN Nhà nước	20	20	0	0	1	5

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Nhờ kết quả phân tích của ứng dụng, ta dễ dàng nhận thấy các lỗi về thông tin định danh mà NNT mắc phải khi kê khai thuế là không lớn. Theo số liệu thống kê của Phòng Kê khai- Kế toán thuế thuộc Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc cho thấy, nguyên nhân chủ yếu của lỗi thông tin định danh là lỗi liên quan đến việc thay đổi địa chỉ trụ sở, số điện thoại liên hệ nhưng không làm thủ tục khai báo thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế. Đối với lỗi số học chủ yếu tập trung ở hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN năm, nguyên nhân chủ yếu được xác định là do kế toán doanh nghiệp không hiểu rõ cách xác định số tiền thuế TNCN chênh lệch do áp dụng thuế suất lũy tiến, không xác định cụ thể trong tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế có bao nhiêu thu

nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ đầu tư vốn....

Trong công tác thu nộp NSNN, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã hoàn thành dự án hiện đại hóa công tác quản lý thu nộp thuế giữa Thuế - Hải quan - Kho bạc - Tài chính và đang tiếp tục thực hiện các đề án hiện đại hóa công tác quản lý thuế, triển khai thu thuế qua các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc như Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt nam, Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phầnCông thương Việt Nam đã được triển khai và đi vào hoạt động có hiệu quả, do vậy việc tập hợp số thu được nhanh chóng, kịp thời và có sự thống nhất. Đến nay, tại Văn phòng Cục thuế và 5 Chi cục Thuế khu vực, thành phố đã thực hiện kết nối dữ liệu thu NSNN giữa cơ quan thuế và KBNN, dữ liệu về số thuế nộp NSNN đã được cơ quan KBNN truyền cho cơ quan thuế (được chuyển vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế của ngành), vì vậy số liệu thu nộp ngân sách được phản ánh kịp thời, chính xác.

Bảng 2.8: Công tác kê khai thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

ĐVT: bộ

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018		So sánh 2018-2019	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Số hồ sơ khai tạm nộp thuế TNCN	5.620	5.798	5.884	178	3,17%	86	1,48%
Số hồ sơ nộp quá hạn	154	142	124	-12	-7,79%	-18	-12,68%
Tỷ lệ HS nộp quá hạn	2,74%	2,45%	2,11%	-0,29%	-10,62%	-0,34%	-13,95%

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Qua biểu ta thấy, công tác kê khai tạm nộp thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế Vĩnh Phúc thực hiện khá tốt và rất tích cực. Cục Thuế Vĩnh Phúc thường xuyên đôn đốc các đơn vị kê khai tạm nộp thuế theo quý, cuối năm hoàn thành quyết toán thuế TNCN đúng thời hạn.

Đối với các hồ sơ khai thuế tại đơn vị, ít gặp trường hợp tờ khai thuế TNCN khai sai quy định. Những trường hợp sai chủ yếu là do đơn vị chưa cập nhập hệ thống kê khai, dẫn đến sai mẫu biểu. Số hồ sơ quá hạn năm 2017 chỉ chiếm 2,74% và giảm dần qua các năm. Năm 2018 số hồ sơ quá hạn chỉ còn 2,45% và năm 2019 là 2,11%.

Do thuế TNCN là một sắc thuế còn mới lạ đối với nhiều bộ phân dân cư, nên hiện nay, nhiều tổ chức chi trả thu nhập mặc dù trong diện phải khai thuế TNCN theo quý, nhưng lại không thực hiện theo đúng quy định mà đợi đến cuối năm thực hiện quyết toán thuế TNCN một lần. Vấn đề này luôn được Cục Thuế Vĩnh Phúc quan tâm nhắc nhở, đôn đốc các đơn vị thực hiện kê khai theo đúng quy định.

Giai đoạn 2017-2019, Cục Thuế Vĩnh Phúc tiếp tục triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế nhằm bổ sung, cập nhật các thông tin về đối tượng nộp thuế được hoàn thiện, hỗ trợ chính xác cho việc khai thác thông tin, phân tích, dự báo; thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu đối với chương trình quản lý.

2.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập cá nhân

Cùng với việc thực hiện cơ chế "tự khai tự nộp" nhằm phát huy tính tự chủ, ý thức tuân thủ pháp luật của NNT cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hồ sơ khai thuế của NNT nhằm chống thất thu thuế qua việc kê khai thuế; ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của NNT trong việc thực hiện kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

Phòng Quản lý thuế thu nhập cá nhân đã chủ động lập kế hoạch kiểm tra trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin của các đơn vị, tổ chức chi trả thu nhập, doanh nghiệp. Để công tác kiểm tra đạt hiệu quả cao trong điều kiện nguồn nhân lực còn mỏng, các cán bộ được phân công nhiệm vụ về quản lý thuế TNCN đã tập trung nguồn lực, thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế của NNT quản lý tại cơ quan thuế, nhằm phân tích tốt hơn thông tin về NNT qua đó để đánh giá, xác định mức độ rủi ro về thuế.

Bảng 2.9. Tình hình công tác thanh, kiểm tra thuế TNCN

ĐVT: tr đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018 (%)		So sánh 2018-2019 (%)	
				Số đơn vị	Số tiền truy thu	Số đơn vị	Số tiền truy thu
Số cuộc thanh tra, kiểm tra	30	27	24	90		88.8	
Số tiền truy thu và xử phạt.	3.247	5.540	3.303	90	170	88.8	59.6
- Số truy thu	2.377	4.360	2.442	90	186	88.8	56
- Phạt Kê khai thiếu	483.3	876	423	90	181	88.8	48
- Tiền chậm nộp	386.3	304	438	90	078	88.8	144

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Trước khi tiến hành kiểm tra thuế TNCN tại trụ sở người nộp thuế, cơ quan Thuế đã tiến hành phân tích hồ sơ khai thuế, báo cáo tài chính và tìm hiểu trước thông tin về đơn vị chuẩn bị tiến hành kiểm tra, từ đó xác định phạm vi cần kiểm tra, nhờ đó hiệu quả kiểm tra được nâng cao qua các năm. Qua kiểm tra, cho thấy phần lớn các nội dung phân tích đánh giá có nghi ngờ đều chính xác.

Qua công tác kiểm tra thuế TNCN tại trụ sở người nộp thuế, hàng năm, Cục Thuế Vĩnh Phúc đã tiến hành truy thu, xử phạt với tổng số tiền hàng trăm triệu đồng.

Các trường hợp vi phạm gian lận tiền thuế, trốn thuế hoặc hiểu nhầm chính sách thuế dẫn đế khai sai, khai thiếu về thuế TNCN như:

- Một số đơn vị trả thu nhập xác định chưa chính xác thu nhập phải chịu thuế của cá nhân dẫn đến đưa các khoản phụ cấp, trợ cấp ra khỏi thu nhập chịu thuế. Điều này chưa đúng theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính

- Hầu hết các hành vi vi phạm đó là do đơn vị chi trả thu nhập không thực hiện khấu trừ 10% hoặc 20% thuế TNCN đối với các trường hợp phát sinh thu nhập không thường xuyên như: hợp đồng thời vụ dưới ba tháng, hợp đồng dịch vụ, cá nhân không ký hợp đồng lao động chỉ trả công theo từng lần làm việc… Không thực hiện kê khai hoặc kê khai không đầy đủ các nguồn thu nhập được trả trong năm để xác định thuế TNCN phải nộp trong năm hoặc thực hiện kê khai giảm trừ người phụ thuộc chưa chính xác dẫn đến thiếu số thuế TNCN phải nộp.

Nhìn chung, công tác kiểm tra thuế luôn được Cục Thuế coi trọng và thực hiện tôt theo qui định của Luật quản lý thuế. Tất cả tờ khai thuế đã được phân tích kiểm tra tại cơ quan thuế.Thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu NNT để phân tích thông tin, đánh giá rủi ro, xác định đối tượng và nội dung cần kiểm tra. Các công việc kiểm tra tại trụ sở NNT được thực hiện theo qui trình chặt chẽ, tránh phiền hà cho NNT.

Thông qua các cuộc kiểm tra tại trụ sở NNT đã phát hiện nhiều sai sót và đã xử lý truy thu thuế góp phần tăng thu cho NSNN, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Nhờ đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế đã góp phần răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận thuế, đẩy lùi tình trạng thành lập "doanh nghiệp ma" để kinh doanh hóa đơn bất hợp pháp trên địa bàn tỉnh hoặc kê khai không trung thực về số thu nhập được trả trong năm, giảm thiểu các sai phạm trong việc đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc, góp phần làm cho việc thực thi pháp luật và chính sách thuế đạt kết quả tốt hơn. Hoạt động kiểm tra thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng đã góp phần tạo

lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc chủ động triển khai quy trình thanh tra, kiểm tra thuế, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin về NNT, trong đó tập trung vào các đơn vị có mức độ rủi ro cao, các lĩnh vực có nguy cơ gian lận thuế, thất thu thuế cao, các đơn vị nhiều năm chưa được thanh tra kiểm tra, các doanh nghiệp lớn, tập trung thanh tra kiểm tra sau hoàn thuế, …

Qua tình hình cụ thể về công tác kiểm tra, thanh tra ta thấy, số doanh nghiệp bị kiểm tra, thanh tra tại trụ sở chưa nhiều, số doanh nghiệp bị phát hiện vi phạm về thuế TNCN còn ít. Điều này cũng chưa thể khẳng định, số doanh nghiệp và cá nhân còn lại đã kê khai đúng số thuế TNCN phải nộp. Một mặt là do thu nhập của cá nhân nhận được từ nhiều nguồn khác nhau mà Cục Thuế không thể quản lý hết được, mặt khác là do ý thức tự kê khai của các doanh nghiệp còn yếu kém trong khi cơ quan thuế không đủ thời gian và nhân lực để kiểm tra toàn bộ các doanh nghiệp.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác thanh tra, kiểm tra thuế tới việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bộ phận thanh tra kiểm tra tại Văn phòng Cục Thuế đã nỗ lực cao trong khi thực hiện nhiệm vụ thanh kiểm tra thuế tại đơn vị. Mặc dù số truy thu sau thanh kiểm tra không lớn, nhưng đã giúp đơn vị nhìn nhận ra sự cần thiết và nghĩa vụ thực hiện đúng quy định pháp luật về thuế TNCN.

2.2.5. Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Quản lý nợ thuế là chức năng đảm bảo cho việc tiền thuế đã kê khai được nộp vào NNSN đúng thời hạn, qua đó đánh giá tính tuân thủ pháp luật của NNT.Công tác quản lý và cưỡng chế nợ thuế được Cục Thuế Vĩnh Phúc chú trọng và triển khai thực hiện thường xuyên, quyết liệt.

Bảng 2.10. Tình hình công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNCN

ĐVT: bộ

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018		So sánh 2018-2019	
				Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Thuế TNCN thu vào NSNN	538.702	677.701	863.948	138.999	25,80%	186.247	27,48%
Thuế TNCN nợ	5.112	6.249	6.987	1.137	22,24%	738	11,81%
Trong đó, Nợ có khả năng thu	3.101	4.975	5.014	1.874	60,43%	39	0,78%
Tổng nợ/tổng thu thuế TNCN	0,95%	0,92%	0,81%	-0,03%	-2,83%	-0,11%	-12,29%
Nợ có khả năng thu/tổng nợ	60,66%	79,61%	71,76%	18,95%	31,24%	-7,85%	-9,86%

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Tiến hành rà soát, đối chiếu, phân loại nợ thuế đúng với tính chất của từng khoản nợ để có biện pháp xử lý thích hợp như đôn đốc, nhắc nhở, cam kết kế hoạch nộp. Xây dựng chương trình kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế. Trực tiếp theo dõi tình hình nợ, lập danh sách các đối tượng nợ và phân loại nợ, thu thập thông tin, phân tích và đề xuất biện pháp đôn đốc thu nợ. Lập Hồ sơ đề nghị cưỡng chế và đề xuất biện pháp cưỡng chế, thực hiện các thủ tục thu tiền nợ, tiền phạt, tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ. Phòng Quản lý thuế TNCN, phối hợp đối chiếu nợ, thông báo, đôn đốc nộp nợ thuế đến NNT thuộc đội trực tiếp quản lý đối với các khoản nợ từ 90 ngày trở xuống. Thực hiện việc phân loại và phân tích nguyên nhân nợ để có biện pháp xử lý phù hợp và kịp thời theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở số liệu nợ thuế đã được xác nhận, chốt nợ, bộ phận thu nợ và cưỡng chế thuế đã thực hiện thông báo nợ thuế, mời lên làm việc, thuyết phục doanh nghiệp đăng ký

thời hạn nộp, coi đây là biện pháp hàng đầu trong công tác quản lý nợ; xử phạt chậm nộp; báo cáo UBND để chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp đôn đốc, thu hồi nợ đọng và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế.

Qua phân tích về tình hình nợ thuế TNCN tại Cục Thuế cho thấy:

+ Nợ thuế năm 2018 so với năm 2017 tăng 1.137 triệu đồng tương ứng tăng 22,24%.

+ Nợ thuế năm 2019 so với nợ thuế năm 2018 tăng 738 triệu đồng triệu đồng tương ứng tăng 11,81%.

Về nguyên nhân nợ thuế có liên quan đến NNT và cả Cơ quan quản lý thuế.

+ Về phía người nộp thuế: Nguyên nhân của tình trạng nợ còn chiếm tỷ lệ cao so với số thuế phải thu, là do tính tuân thủ pháp luật thuế của các đối tượng nộp thuế chưa cao, còn chây ỳ, chiếm dụng tiền thuế

+ Về phía cơ quan thuế: Do thuế thu nhập là sắc thuế tương đối nhạy cảm, phụ thuộc rất lớn vào ý thức của người nộp thuế cũng như tinh thần đóng góp cho nguồn thu ngân sách nhà nước. Do vậy, mặc dù đã triển khai các biện pháp để thúc đẩy tăng thu thuế TNCN, nhưng Cục Thuế chưa thực sự tìm mọi biện pháp để thu hồi những khoản nợ thuế có khả năng thu. Việc thiết lập, củng cố các hồ sơ, thủ tục, phối hợp với các cơ quan liên quan nhằm thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế vẫn chưa thực sự kịp thời, thường xuyên.

Đối với công tác quản lý nợ thuế, Phòng Quản lý thuế TNCN đã kết hợp với các Phòng kiểm tra và phòng Quản lý nợ & Cưỡng chế nợ thuế thực hiện các biện pháp thu nợ theo đúng quy trình. Tuy nhiên, thuế TNCN cá nhân phát sinh tại địa bàn Vĩnh phúc chủ yếu là từ tiền lương, tiền công và phần lớn là của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ý thức chấp hành thu nộp thuế tốt nên hầu như không phát sinh nợ thuế đối với nguồn thu này.

Nhằm giảm tình hình nợ đọng, Cục Thuế đã tiến hành giao chỉ tiêu thu nợ cho các phòng liên quan. Đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành chỉ thị về tăng cường công tác quản lý thuế, chống thất thu, nợ đọng thuế trên địa

bàn, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Vĩnh Phúc hướng dẫn liên ngành về cung cấp thông tin và phối hợp cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi của người nợ thuế để nộp vào NSNN.

2.2.6 Thực trạng công tác quyết toán thuế và hoàn thuế TNCN

Cá nhân được hoàn thuế trong trường hợp quyết toán thuế cuối năm của cá nhân có số thuế phải nộp thấp hơn số thuế đã khấu trừ hoặc không phát sinh số thuế phải nộp. Trong những năm qua, công tác hoàn thuế tại Cục Thuế Vĩnh Phúc được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, các Luật thuế và theo đúng quy trình hoàn thuế. Việc thực hiện hoàn thuế đảm bảo đúng thời gian, trình tự, thủ tục.

Bảng 2.11. Tình hình hoàn thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

ĐVT: bộ

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018		So sánh 2018-2019	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Số HS đề nghị hoàn thuế TNCN	146	161	179	15	10,27%	18	11,18%
Số thuế đề nghị hoàn	2.145	2.654	2.892	509	23,73%	238	8,97%
Số hồ sơ đã hoàn	117	149	154	32	27,35%	5	3,36%
Số thuế đã hoàn	1.846	2.497	2.411	651	35,27%	-86	-3,44%
Tỷ lệ hoàn thành	80,14%	92,55%	86,03%	12,41%	15,49%	-6,51%	-7,04%

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Số lượng hồ sơ hoàn thuế năm sau tăng cao hơn năm trước, cho thấy ý thức tạm nộp thuế Thu nhập cá nhân theo Quý và theo từng lần phát sinh của NNT và tổ chức chi trả thu nhập đã được cải thiện. Người dân đã dần nắm rõ Luật Thuế TNCN, tự giác nộp thuế.Cuối năm, sau khi quyết toán, nếu nộp thừa sẽ được cơ quan thuế hướng dẫn làm thủ tục hoàn thuế.

Năm 2017, số hồ sơ đề nghị hoàn tiếp tục được Cục Thuế xem xét và hoàn số thuế thu nhập cá nhân nộp thừa theo đúng quy định. Số cá nhân được

hoàn thuế thu nhập cá nhân năm 2018 tăng thểm15 trường hợp tương ứng với tỷ lệ 10,27% với số tiền tăng thêm là 509 triệu đồng, năm 2019 tăng thêm 18 trường hợp so với năm 2018 tương ứng tỷ lệ 11,18% làm cho tổng số tiền hoàn thuế tăng 238 triệu đồng. Tỷ lệ hoàn thành giải quyết hồ sơ hoàn thuế luôn ở mức cao (trên 80,00%). Đây là kết quả tích cực đối với Cục Thuế Vĩnh Phúc, vừa giải quyết được nhiều hồ sơ hoàn thuế, vừa đảm bảo hoàn trả lại cho người nộp thuế số thuế mà họ đã nộp thừa.

Cá nhân lập hồ sơ xin hoàn thuế. Cơ quan Thuế tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra hồ sơ xin hoàn thuế trong thời hạn 6 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ. Nếu cá nhân không thuộc đối tượng được hoàn trả thì trả lời bằng văn bản và trả lại hồ sơ. Trường hợp thuộc đối tượng được hoàn trả thuế nhưng hồ sơ chưa lập đầy đủ, đúng quy định thì thông báo bằng văn bản yêu cầu cá nhân bổ sung hồ sơ.

Sau khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan thuế kiểm tra số liệu, xác định số thuế được hoàn trả, ra Quyết định hoàn trả tiền thuế cho đối tượng, đồng thời gửi cơ quan Kho bạc làm thủ tục hoàn trả cho cá nhân.

Thời hạn giải quyết hoàn thuế là 6 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp cần phải xác minh hồ sơ thì thời hạn tối đa là 45 ngày làm việc.

Tiền hoàn trả thuế TNCN được sử dụng từ Tài khoản tạm thu của cơ quan thuế. Việc quản lý, sử dụng tài khoản tạm thu của cơ quan thuế thực hiện theo đúng hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Trong trường hợp đối với người nước ngoài, việc kê khai quyết toán được căn cứ theo tiêu thức cư trú. Nếu như thời gian cư trú chỉ dưới 183 ngày trong năm tính thuế thì sẽ kê khai toàn bộ thu nhập phát sinh tại Việt Nam và quyết toán số thuế theo thuế suất thống nhất là 20%. Đối với những người có thời gian cư trú trên 183 ngày thì sẽ kê khai tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập ngoài Việt Nam để tính thu nhập tính thuế của cả năm.

Phòng Quản lý thuế TNCN đã phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Cục thuế, Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố cùng Kho bạc nhà nước tỉnh, huyện tổ chức hoàn thuế TNCN cho các tổ chức, cá nhân có đề nghị hoàn thuế gửi cơ quan thuế.

2.2.7 Công tác miễn, giảm thuế TNCN từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Các khoản thu nhập được miễn thuế, được trừ khi xác định số thuế TNCN phải nộp:

-Phần tiền lương, tiền công trả cao hơn do phải làm việc ban đêm, làm thêm giờ được miễn thuế căn cứ vào tiền lương, tiền công thực trả do phải làm đêm, thêm giờ trừ (-) đi mức tiền lương, tiền công tính theo ngày làm việc bình thường.

- Khoản hỗ trợ của người sử dụng lao động cho việc khám chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân của người lao động.

- Khoản tiền nhận được theo quy định về sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Đảng, đoàn thể

- Khoản tiền nhận được theo chế độ nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật

- Các khoản nhận được ngoài tiền lương, tiền công do tham gia ý kiến, thẩm định, thẩm tra các văn bản pháp luật, Nghị quyết, các báo cáo chính trị; tham gia các đoàn kiểm tra giám sát; tiếp cử tri, tiếp công dân; trang phục và các công việc khác có liên quan đến phục vụ trực tiếp hoạt động của Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội; Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; Văn phòng Thành ủy, Tỉnh ủy và các Ban của Thành uỷ, Tỉnh ủy.

- Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa, ăn trưa ca cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn

Khoản tiền mua vé máy bay khứ hồi do người sử dụng lao động trả hộ (hoặc thanh toán) cho người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, người lao động là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài về phép mỗi năm một lần

Các khoản thu nhập được giảm khi xác định số thuế TNCN phải nộp

Người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

Bảng 2.12 Tình hình giảm thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

ĐVT: Tr đồng, bộ

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	So sánh 2017-2018		So sánh 2018-2019	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Số HS đề nghị giảm thuế TNCN	8	11	15	6	37,5%	7	26,36%
Số thuế đề nghị giảm thuế TNCN	85	120	159	35	41,11%	39	32,5%
Số thuế được giảm thuế TNCN	72	95	135	23	31,94%	40	42,15%

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

2.3. Đánh giá công tác quản lý thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

2.3.1. Những thành tựu đạt được

Trong nhưng năm vừa qua, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã chú trọng từng bước công việc trong công tác quản lý thuế TNCN. Công tác tuyên truyền được duy trì thực hiện hàng năm với nội dung cụ thể, thiết thực, dễ hiểu, giúp NNT cơ bản nắm bắt được ý nghĩa của việc thực hiện nghĩa vụ thuế, phương pháp kê khai, tính thuế, nộp thuế, quyết toán thuế. Đồng thời, Cục Thuế phân công cán bộ có năng lực nghiệp vụ giỏi hướng dẫn các thủ tục hành chính thuế và hướng dẫn kê khai nộp thuế, thành lập các đường dây nóng, các kênh

thông tin cần thiết, thích hợp, nhanh chóng và hiệu quả nhất để có thể tư vấn, hỗ trợ và giải đáp những vướng mắc cho các đối tượng nộp thuế cả ở cấp Cục và Chi cục. Do đó, bước đầu đã tạo thói quen và góp phần nâng cao nhận thức của người nộp thuế về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho NSNN, góp phần đẩy mạnh hiện đại hóa trong công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng, giúp tăng nguồn thu cho ngân sách, cụ thể đạt được một số kết quả đáng kể như sau:

2.3.1.1. Công tác tổ chức bộ máy quản lý thuế ngày càng được cải thiện

Trong thời gian qua, thực hiện lộ trình cải cách và hiện đại hóa ngành thuế, cơ cấu của bộ máy quản lý thuế ngành thuế đã được thay đổi để công tác quản lý thuế đạt hiệu quả cao nhất. Ở các Cơ quan thuế từ Tổng Cục đến Cục, các Chi cục thuế đều có bộ phận chuyên trách quản lý thuế TNCN. Các cơ quan thuế các cấp đã tổ chức nhiều lớp tập huấn nhằm trau dồi nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý thuế...Số lượng cán bộ thuế có trình độ đại học, cao học chuyên ngành ngày càng nhiều.

Việc phối hợp thu thuế giữa CQT với Kho bạc và Ngân hàng đã được triển khai tốt, tập trung nguồn thu cho NSNN một cách nhanh chóng, giảm bớt thời gian và chi phí đi lại của người nộp thuế. Người nộp thuế có thể nộp thuế thông qua hệ thống ngân hàng trong tỉnh, các tổ chức cá nhân có thể chuyển tiền từ tài khoản của mình vào tài khoản tạm thu của Kho bạc, việc nộp thuế cũng đơn giản hơn.

2.3.1.2. Nâng cao hiệu quả quản lý thuế thu nhập cá nhân bằng hệ thống đăng ký, kê khai, nộp thuế điện tử.

Cục Thuế Vĩnh Phúc đã cơ bản hoàn thành công tác cấp MST TNCN cho các đối tượng có thu nhập chịu thuế. Việc cấp MST được tiến hành thông qua việc các cá nhân hay tổ chức xin cấp MST TNCN cho người lao động của mình. Các tổ chức gửi bản đăng ký qua trang web: thuedientu.gdt.gov.vn. Sau khoảng thời gian từ 3 tới 5 ngày làm việc sẽ có kết quả. Việc cấp MST được thực hiện một cách chính xác và thuận tiện cho các cá nhân và đơn vị.

Thủ tục cấp MST và đăng ký giảm trừ người phụ thuộc đơn giản và thuận tiện hơn trước giúp cho người nộp thuế không bị mất nhiều thời gian trong việc đăng ký MST cũng như đăng ký giảm trừ người phụ thuộc. Từ đó nâng cao ý thức của các đối tượng nộp thuế trong việc đăng ký MST.

Để nâng cao hiệu quả quản lý thuế, thực hiện cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế là nhiệm vụ chính được ngành thuế đặt lên hàng đầu. Cục thuế Vĩnh Phúc đã triển khai thành công các dự án như "Kê khai thuế qua mạng Internet", "Hiện đại hóa thu NSNN và thu thuế qua ngân hàng". Một số phần mềm được cơ quan thuế triển khai miễn phí đến NNT như: HTDKT(hỗ trợ đăng ký thuế), iHTKK(hỗ trợ kê khai thuế qua mạng), QTTNCN(quyết toán thuế TNCN)... Một số phần mềm hỗ trợ cơ quan thuế trong việc quản lý NNT như: hệ thống TINC, ứng dụng PIT(hệ thống quản lý thuế TNCN), thuedientu.gdt.gov.vn. Công tác phối hợp với các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh để triển khai nộp thuế điện tử cũng đã được thực hiện từ năm 2014.

Những cải cách đó đã đem lại lợi ích cho cả NNT và cơ quan thuế, như: thủ tục nộp hồ sơ khai thuế đơn giản, nhanh gọn, hiệu quả cao và an toàn, không giới hạn về không gian, thời gian trong ngày, tiết kiệm thời gian, chi phí cho NNT; đơn giản hoá và cải cách triệt để thủ tục hành chính trong quy trình thu nộp thuế, giảm thời gian nộp thuế, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NNT; giúp NNT thuận tiện hơn trong việc tiếp cận các thông tin liên quan đến thuế; cơ quan thuế xử lý tờ khai nhanh, chính xác, giảm thiểu lao động, thuận lợi cho việc lưu trữ hồ sơ và tra cứu dữ liệu, đặc biệt là đáp ứng được nhu cầu phục vụ số lượng NNT ngày càng tăng nhanh trong khi nguồn nhân lực chưa được bổ sung tương ứng...

2.3.1.3. Huy động ngày càng nhiều thuế thu nhập cá nhân vào NSNN

Số nộp ngân sách từ thuế TNCN qua các năm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ngày càng tăng là nhờ một phần không nhỏ từ việc tăng cường và đẩy mạnh hoạt động quản lý thuế TNCN. Từ năm 2014, tổng số thu từ thuế

TNCN trên địa bàn tỉnh là 314.000 triệu đồng, năm 2017 là 538.702 triệu đồng và số thu về thuế TNCN năm 2019 đạt 863.948 triệu đồng. Có được thành quả đó là do các cán bộ thuế Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã không ngừng đôn đốc để khai thác NNT và khai thác thu nhập chịu thuế nhằm tăng thu cho NSNN. Từ đó bảo đảm thực hiện tốt công tác quản lý thuế nói chung và công tác quản lý thuế TNCN nói riêng, góp phần thực hiện công bằng xã hội, hạn chế bớt khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội. Đồng thời, thông qua công tác kiểm tra thu nhập thực tế của các cá nhân đã góp phần phát hiện được các khoản thu nhập bất hợp pháp, nhờ đó xác minh được nhiều hành vi phạm tội trong các biện pháp nghiệp vụ điều tra của các cơ quan chức năng.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Những hạn chế

Công tác quản lý thuế TNCN ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng đã có những bước tiến bộ và đạt được những thành tựu đáng kể trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, bên cạnh đó công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn còn gặp phải những tồn tại và hạn chế, cụ thể như sau:

Về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

** Những tồn tại, hạn chế đối với công tác đăng ký thuế:*

- Hệ thống trao đổi thông tin về quản lý doanh nghiệp giữa Cục thuế và Sở Kế hoạch và đầu tư có lúc chưa thống nhất như việc cập nhật các DN tạm nghỉ sản xuất kinh doanh, có trường hợp Doanh nghiệp có thông báo tạm ngừng hoạt động gửi đồng thời Sở Kế hoạch đầu tư và Cơ quan thuế, Cơ quan thuế không chấp nhận do trái quy định của pháp luật nhưng Sở Kế hoạch và đầu tư vẫn cập nhật tạm ngừng vào hệ thống, gây trở ngại cho công tác quản lý MST nói riêng và quản lý thuế nói chung, hoặc một số mã số thuế của DN đã đóng Doanh nghiệp đang ở trạng thái bỏ trốn, mất tích nhưng Sở Kế hoạch và đầu tư vẫn cấp thay đổi thông tin Doanh nghiệp.

- Một số Chi cục thuế theo dõi chưa đầy đủ các doanh nghiệp đã được Cục thuế phân cấp quản lý. Các trường hợp bỏ kinh doanh, ngừng kinh doanh chưa thực hiện xử lý kịp thời nên vẫn còn tồn nhiều trong hệ thống ứng dụng quản lý thuế ảnh hưởng đến việc phân tích, báo cáo số liệu quản lý thuế, ảnh hưởng đến việc giao kế hoạch thu, giao kế hoạnh thanh, kiểm tra.

- Sự phối kết hợp giữa các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế đôi lúc chưa chặt chẽ nên việc đôn đốc NNT có thay đổi bổ sung thông tin đăng ký thuế chưa kịp thời. Nhiều Doanh nghiệp chuyển địa điểm trụ sở mà không thông báo với Cơ quan thuế gây khó khăn khi chuyển tải các thông tin từ Cục Thuế đến các DN, một số văn bản gửi đến DN thường xuyên bị trả lại do không tìm thấy tại địa điểm đã đăng ký.

Quản lý kê khai nộp thuế

Công tác đôn đốc, hướng dẫn kê khai thuế đã được tăng cường tại tất cả các phòng và đội thuế. Vì vậy, công tác kê khai kế toán thuế đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, công tác quản lý tình hình kê khai, nộp thuế của ĐTNT còn nhiều hạn chế:

+Việc khai thuế do NNT tự thực hiện, cơ quan thuế chỉ có thể kiểm soát việc khai thuế thông qua các chỉ tiêu trên tờ khai của NNT, việc khai đủ thu nhập chịu thuế hay không, tình hình khai giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc đúng hay sai hiện nay vẫn ngoài tầm kiểm soát của cơ quan thuế.

+ Công tác kê khai kế toán thuế vẫn có nhiều Doanh nghiệp ghi sai mã số thuế, nhầm tài khoản, tiểu mục trên giấy nộp tiền. Việc nhận chứng từ qua Kho bạc đôi khi không rõ tên ĐTNT dẫn đến tình trạng phản ánh số tiền nộp của doanh nghiệp không chuẩn xác.

+ Trên mẫu biểu tờ khai thuế TNCN hàng tháng chỉ thể hiện số liệu tổng hợp của đơn vị chi trả nên không thể nắm rõ đơn vị chi trả kê khai có đúng và chính xác thu nhập của chịu thuế hay không.

+ Dịch vụ kê khai thuế qua mạng iHTKK mới triển khai nên không tránh khỏi một số lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng. Hệ thống kê khai thuế

qua mạng đôi khi còn lỗi đường truyền khiến cho nhiều DN gửi tờ khai không thành công và gặp phải tình trạng nghẽn mạng khi gửi tờ khai.

Mẫu biểu quyết toán thuế TNCN quá nhiều chỉ tiêu, phức tạp và khó hiểu dẫn đến người nộp thuế gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện khai quyết toán thuế. Những cá nhân có thu nhập nhiều nơi trong cùng một năm tài chính sẽ rất khó có thể nhớ và tổng hợp thu nhập để quyết toán theo đúng quy định.

Các cá nhân khi thực hiện quyết toán thuế nếu có số thuế nộp thừa thì đề nghị hoàn. Tuy nhiên thủ tục hoàn thuế hiện nay theo quy trình còn rườm rà dẫn đến cá nhân ngại thực hiện. Bên cạnh đó do khâu kiểm soát thu nhập không chặt chẽ dẫn đến có nhiều cá nhân không khai đủ thu nhập trong năm nhưng vẫn quyết toán và đề nghị hoàn gây thất thu cho NSNN.

Việc giảm trừ gia cảnh cho cá nhân nộp thuế cũng là một vấn đề hóc búa đối với công tác quản lý thuế hiện nay. Theo quy định thì đối tượng phụ thuộc được giảm trừ tương đối rộng, do vậy, việc xác định số người được giảm trừ trong trường hợp người nộp thuế có chung người phụ thuộc sẽ là một bài toán khó. Thực tế hiện nay đang xảy ra tình trạng nhiều cơ quan quản lý xã, phường chưa hiểu Luật cũng như chưa lường hết được trách nhiệm của mình trong việc xác nhận vào hồ sơ giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế nên việc xin xác nhận của địa phương được thực hiện dễ dàng, tràn lan.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT

Hiệu quả của công tác tuyên truyền- hỗ trợ NNT chưa đạt được theo yêu cầu đề ra: vẫn còn tình trạng NNT chưa nắm được đầy đủ nội dung chính sách thuế và thủ tục hành chính thuế để tự giác thực hiện nghĩa vụ tự kê khai, tự nộp thuế theo quy định của pháp luật; Chưa chủ động tổ chức điều tra thường xuyên liên tục để nắm bắt nhu cầu của NNT để trên cơ sở đó chủ động các biện pháp hỗ trợ.

Các yêu cầu giải đáp chính sách thuế NNT gửi đến cơ quan thuế rất phong phú, liên quan đến tất cả các sắc thuế, có những nội dung vướng mắc

mà NNT yêu cầu giải đáp rất phức tạp liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý thuế. Những nội dung yêu cầu này thường phát sinh khi Nhà nước sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, hoặc NNT không thống nhất với kết luận của bộ phận thanh tra, kiểm tra, do đó đòi hỏi cán bộ TTHT phải mất nhiều thời gian nghiên cứu trả lời.

Công tác tuyên truyền vẫn tập trung vào diện rộng mà chưa đi vào chiều sâu, chưa đi vào nghiên cứu nhu cầu của từng loại đối tượng, nội dung cần thiết đối với họ là gì để có sản phẩm cung ứng cụ thể, nội dung thiết thực, thật sự nâng cao nhận thức và hiểu biết của loại đối tượng đó. Hình thức, nội dung TTHT chưa phong phú, số lượng tài liệu tuyên truyền chưa nhiều.

Công tác phối hợp với Đài truyền thanh các huyện, thành phố, thị xã, loa truyền thanh xã, phường, thị trấn tuy đã được các Chi cục thuế thực hiện để tuyên truyền chính sách thuế nhưng chưa được duy trì thường xuyên mà mới chỉ tập trung vào việc tuyên truyền chiến dịch quyết toán thuế TNCN và thường chỉ tiến hành tuyên truyền trong những dịp đầu năm để tuyên truyền về thuế môn bài.

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Lực lượng cán bộ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế chưa tương ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Trình độ, năng lực của bộ phận cán bộ làm công tác thanh tra chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, kỹ năng và nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra còn hạn chế, khả năng sử dụng các ứng dụng tin học còn yếu. Một bộ phận cán bộ thanh tra, kiểm tra còn chưa thường xuyên cập nhật, nắm vững các chính sách thuế, chưa thành thạo về kế toán doanh nghiệp, phân tích đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp để có điều kiện phát hiện các gian lận về thuế.

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế chưa đủ mạnh; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thanh tra thuế TNCN còn rất hạn chế, hệ thống thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu tra cứu thông tin tổng thể về NNT, do đó những người có thu nhập ở nhiều nơi

rất khó kiểm soát và phát hiện, đặc biệt là những người có thu nhập tại các địa bàn khác ngoài Vĩnh Phúc.

Việc đôn đốc nộp số thuế tăng thêm sau khi kết thúc kiểm tra còn chậm. Tỷ lệ NNT được thanh, kiểm tra là tương đối thấp, hoạt động thanh tra chưa tập trung vào các đối tượng có gian lận, rủi ro có vi phạm được đánh giá là cao.

Thanh tra, kiểm tra thuế TNCN chủ yếu được kết hợp với thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế của các cơ quan chi trả thu nhập, do đó chỉ mới giám sát được người có thu nhập tại một nơi trong phần liên quan tới chi phí hợp lý của DN. Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế vẫn thực hiện theo phương pháp thủ công truyền thống, sự trợ giúp của CNTT ở mức độ thấp.

2.3.2.2. Nguyên nhân

Để có những giải pháp nhằm nâng cao năng lực của bộ máy quản lý thuế TNCN, ngoài việc phân tích thực trạng công tác quản lý thuế, nắm được những hạn chế còn tồn tại trong quá trình quản lý thuế TNCN, cũng cần phải xem xét những nguyên nhân khách quan, chủ quan của những tồn tại, hạn chế này.

Nguyên nhân khách quan

Hệ thống chính sách thuế thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh là một khó khăn trong việc cập nhật, triển khai cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế. Chính sách thuế TNCN ở nước ta hiện nay, nhìn chung phù hợp với các điều kiện kinh tế- xã hội của đất nước. Tuy nhiên do sự biến động nhanh của nền kinh tế nên một số quy định trong Luật Thuế TNCN đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, chưa phù hợp với thực tiễn, một số quy định còn phức tạp, phát sinh thủ tục hành chính, chưa tạo thuận lợi cho NNT và khó khăn cho công tác quản lý thuế. Một số vấn đề tồn tại cụ thể là:

Thứ nhất, Mức giảm trừ hiện nay không tính đến khu vực có nghĩa là ở nông thôn, thành thị, đồng bằng hay miền núi đều áp dụng như nhau, nhưng thực tế cho thấy mức chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày của một cá nhân ở

thành thị lớn hơn rất nhiều so với ở nông thôn và miền núi. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định trong Luật thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh….

Thứ hai, Mức thuế suất biên còn quá cao. Cơ cấu của biểu thuế suất thuế TNCN nhìn chung đã tương đối phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, với mức thuế suất biên của thuế TNCN cao sẽ có một số bất lợi:

(1) Mức thuế suất cao nhất của thuế TNCN cao hơn 10% so với mức thuế suất phổ thông của thuế TNDN. Thông lệ các nước thường qui định mức thuế suất thuế TNCN cao nhất ngang bằng với thuế suất phổ thông của thuế TNDN nhằm giảm thiểu động cơ trốn thuế TNCN bằng cách thành lập doanh nghiệp tư nhân để áp dụng thuế suất thuế TNDN thấp hơn. Điều này sẽ gây nên sự mất công bằng trong phân phối thu nhập, giữa các NNT trong xã hội, đồng thời gây nên các hiệu ứng không tốt về mặt xã hội.

(2) Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, khả năng di chuyển của vốn và lao động giữa các quốc gia là tương đối dễ dàng. Vì vậy, với mức thuế suất biên của Việt Nam là cao hơn so với mức thuế cao nhất ở các quốc gia khác thì người lao động sẽ có xu hướng di chuyển đến một quốc gia khác có mức thuế suất biên thấp hơn.

(3) Khi mức thuế suất biên cao sẽ khiến các công ty đa quốc gia nước ngoài có xu hướng trả tiền cả gói và trả lương cho nhân công của họ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, làm giảm số người nước ngoài tham gia đóng thuế thu nhập tại Việt Nam.

(4) Với mức thuế suất quá cao sẽ xuất hiện khuynh hướng các NNT yêu cầu được miễn thuế hoặc được khuyến khích thuế.

(5) Hiệu quả thực sự của thuế suất biên cao cũng không cao do mức thuế suất này thường được áp dụng ở những mức thu nhập cao mà những người có thu nhập thấp ít chịu ảnh hưởng của mức thuế suất này. Hơn nữa, ở các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng, mức thu nhập bình quân đầu người còn thấp trong khi ngưỡng thu nhập chịu thuế quá cao nên

những tác động của thuế suất biên đối với các cá nhân trong xã hội là rất ít.

Thứ ba, công tác quản lý thu thuế TNCN đối với những cá nhân có từ hai nguồn thu nhập trở lên. Nguồn hình thành thu nhập của các cá nhân quá đa dạng và phức tạp. Vì vậy, cơ quan thuế rất khó kiểm soát được tổng thu nhập của các cá nhân, nhất là trong khi nền kinh tế Việt Nam hiện nay chủ yếu dùng tiền mặt để thanh toán.

Thực tế cho thấy số đông NNT, kể cả những người có từ hai nguồn thu nhập trở lên không thể kiểm soát được. Từ đó, có thể làm thất thu NSNN hoặc gây thiệt hại cho quyền lợi chính đáng của chính NNT. Chưa kiểm soát được mọi nguồn thu nhập của từng cá nhân. Nguồn hình thành TNCN quá đa dạng và phức tạp. Đối với những khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thì cơ quan thuế có thể kiểm soát qua đơn vị trực tiếp chi trả thu nhập; nhưng đối với các khoản thu nhập của các hộ kinh doanh cá thể, các cá nhân hành nghề độc lập thì cơ quan thuế khó có thể kiểm soát được một cách chính xác. Do chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành thuế với các cấp chính quyền địa phương, với các tổ chức, cơ quan liên quan trong việc hợp tác triển khai Luật thuế TNCN, dẫn đến những khó khăn trong việc xác định và quản lý gia cảnh NNT, quản lý hoạt động của các cá nhân kinh doanh tự do, hành nghề độc lập,…Các hình thức kê khai vẫn còn hạn chế chưa đa dạng nên gây ra tình trạng nhiều loại thu nhập chưa được tính đến và làm giảm hiệu quả quản lý thuế TNCN

Thứ tư, hình thức thanh toán thu nhập, ở Việt Nam, hệ thống bán lẻ mới phát triển, các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt mới đang được hình thành. Thói quen, tập quán ưa thích chi tiêu bằng tiền mặt của người dân còn cao. Hạ tầng viễn thông của Việt Nam còn nhiều hạn chế (tốc độ đường truyền, hệ thống an ninh mạng...). Công tác bảo mật và an toàn mạng truyền thông còn chưa được nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức. Việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đòi hỏi ứng dụng công nghệ tin học rất cao, tuy nhiên số lượng lao động về lĩnh vực này còn hạn chế... Do việc mở

rộng và phát triển các hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt còn gặp nhiều khó khăn.

Phần lớn các khoản TNCN đều được chi trả bằng tiền mặt, nên đã gây khó khăn cho cán bộ thuế trong công tác kiểm tra thu nhập của đối tượng lao động. Cơ quan thuế khó có thể xác minh và thẩm tra những kê khai về thu nhập của đối tượng nộp thuế một khi thu nhập người lao động dưới hình thức tiền mặt, không có một chứng từ nào xác nhận việc thanh toán. Trong khi đó các khoản thu nhập lại rất không ổn định.

Thứ năm, bộ máy quản lý thuế TNCN còn hạn chế về chức năng cưỡng chế thuế, phần lớn mới chỉ dừng lại ở chức năng hướng dẫn, đôn đốc nên hiệu quả răn đe chưa cao. Chính vì vậy mà ý thức chấp hành pháp luật thuế của các đối tượng nộp thuế chưa được nâng lên. Công tác quản lý thuế TNCN còn bị lồng ghép trong các phòng nghiệp vụ chức năng khác, thời gian dành cho việc nghiên cứu triển khai chính sách thuế chưa được đầu tư đúng mực, không mang tính chất chuyên sâu nên hiệu quả chưa cao.

*Cuối cùng***,** điều kiện vật chất của ngành thuế còn lạc hậu. Cơ sở làm việc còn chật chội, hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý chưa được nâng cấp. Trong thời gian tới, hệ thống thông tin cần được trang bị lại để đáp ứng được tiến độ và khối lượng công việc. Điều kiện kỹ thuật (hệ thống máy tính và kết nối mạng Internet) tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc vẫn chưa đáp ứng được số lượng lớn DN kê khai. Cán bộ chuyên về tin học, quản trị mạng còn thiếu, còn phải kiêm nhiệm, nên rất khó khăn trong việc sử dụng ứng dụng tin học. Các ứng dụng máy tính phần lớn còn cũ, cấu hình thấp, số máy tính cài đặt được các ứng dụng (VD như ứng dụng PIT-quản lý thuế TNCN) rất ít. Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thuế còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu tra cứu thông tin tổng thể về NNT.

Nguyên nhân chủ quan

Nguyên nhân chủ quan là những nguyên nhân thuộc về hoạt động quản lý và những vấn đề nội tại của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Thuộc nhóm này có những nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số bộ phận cán bộ thuế còn hạn chế.

Mặc dù công tác luân chuyển cán bộ được thực hiện nhằm nâng cao năng lực của cán bộ, bên cạnh đó công tác đào tạo cán bộ đó được chú trọng nhưng vẫn còn nhiều cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng phức tạp trong công tác quản lý. Việc khai thác thông tin trên máy tính còn hạn chế, trình độ ngoại ngữ không đủ để có thể làm việc với người nước ngoài. Khi trình độ đội ngũ cán bộ thuế thấp sẽ dẫn tới sự yếu kém trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế đến mọi người dân. Trình độ đội ngũ cán bộ thuế thấp cũng dẫn đến những sai phạm trong quá trình quản lý thu thuế, tính thuế, quyết toán thuế… Nhiều cán bộ còn có cách làm việc theo kinh nghiệm bản thân, không kịp thời cập nhật sự thay đổi của các chính sách, đường lối nên nhiều lúc làm việc theo tư tưởng bảo thủ, nể nang. Việc tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ ở đây chưa được tiến hành kịp thời, thường xuyên nên gây ảnh hưởng tới chất lượng của công tác quản lý thuế.

Thái độ và phong cách ứng xử của cán bộ thuế còn có một số trường hợp chưa thật tận tụy, công tâm, khách quan giữa quyền lợi của nhà nước với quyền lợi của đối tượng nộp thuế. Chưa trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của các đối tượng nộp thuế trong việc thực hiện các luật thuế.

Hai là, các bộ phận trong quy trình quản lý chưa phối hợp chặt chẽ.

Các bộ phận trong quy trình mới chỉ chú trọng đến trách nhiệm trong bộ phận của mình, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban với nhau chưa thực sự chặt chẽ, kịp thời nên vừa gây khó khăn cho đối tượng nộp thuế vừa làm giảm hiệu quả của hoạt động quản lý. Giữa cơ quan thuế các tỉnh, thành phố, địa phương khác nhau cũng chưa phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ, kiểm soát thu nhập của các cá nhân làm việc ở nhiều nơi.

Trong nội bộ Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, việc phối hợp giữa Phòng Quản lý thuế thu nhập cá nhân với các phòng thanh tra, kiểm tra trong quản lý đối tượng nộp thuế và quản lý thu nhập chịu thuế cũng chưa tốt. Công tác thanh tra, kiểm tra của các phòng thanh tra, các phòng kiểm tra chưa chú trọng đến thuế TNCN. Trong khi việc thanh tra, kiểm tra đòi hỏi phải kết hợp giữa quản

lý thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Đối với các đơn vị này do chỉ có duy nhất là thuế TNCN nên việc cập nhật chính sách thuế của khối này rất kém.

Ba là, hoạt động thanh tra, kiểm tra còn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra còn ít so với yêu cầu đặt ra. Chất lượng thanh tra, kiểm tra thuế TNCN cũng chưa cao do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về trình độ cán bộ thuế như đã phân tích trên. Ngoài ra, việc phối hợp trong kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân chưa tốt khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG II

Sau khi đã ứng dụng những vấn đề lý luận vào phân tích thực trạng, đặc điểm kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc và thực trạng quản lý thuế TNCN của Cục thuế Vĩnh Phúc, luận văn đã đánh giá chung những thành tựu, hạn chế và những nguyên nhân trong quá trình quản lý thuế TNCN của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là những căn cứ thực tiễn để luận văn tiếp tục đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý thuế TNCN, góp phần giải quyết những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong giai đoạn tới.

Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

3.1 Quan điểm, định hướng, mục tiêu trong công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

3.1.1 Quan điểm, định hướng trong công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân của ngành Thuế.

Nghị Quyết Đại hội Đảng IX và X đã xác định "áp dụng thuế TNCN thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển" và "Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo nguyên tắc công bằng, thống nhất và đồng bộ ... Điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm và ổn định thuế suất, mở rộng đối tượng thu, điều tiết hợp lý thu nhập". Cụ thể hoá Nghị quyết đại hội Đảng, Bộ Chính trị đã thông qua Chiến lược cải cách thuế trong đó, đặt ra yêu cầu: "Cần sớm xác định các bước đi thích hợp để tăng tỷ trọng các nguồn thu trong nước cho phù hợp với tiến trình hội nhập. Mở rộng diện thuế trực thu và tăng tỷ lệ thu từ thuế trực thu". Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã có Quyết định số 201/QĐ-TTg ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược cải cách thuế và việc ban hành, thực hiện Luật thuế TNCN là một nội dung cơ bản nhằm thực hiện các chủ trương trên của Đảng. Như vậy, để việc quản lý thuế TNCN đạt hiệu quả trong điều kiện nêu trên, các vấn đề cần phải quan tâm như sau:

Tạo điều kiện khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kinh tế xã hội

Nền kinh tế xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay có những phát triển vượt bậc. Các thị trường tài chính, tiền tệ, vốn, lao động, bất động sản, khoa học công nghệ sẽ có sự phát triển mạnh mẽ hơn. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh, có thêm nhiều nguồn thu nhập khác nhau: thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công, từ dịch vụ và đầu tư tài chính ... Bên cạnh đó, cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế số người nước ngoài đến làm ăn sinh sống tại Việt Nam và số người Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài cũng

tăng lên. Sự đa dạng và gia tăng thu nhập của các cá nhân trong xã hội sẽ làm cho khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư ngày càng lớn. Đồng thời, việc gia nhập tổ chức thương mại quốc tế và tham gia vào các hiệp định song phương và đa phương khác cũng phát sinh những khó khăn, phức tạp mới trong quản lý kinh tế nói chung, quản lý TNCN nói riêng. Vì vậy, công tác quản lý thuế TNCN phải đáp ứng được yêu cầu khuyến khích thu hút đầu tư; phát triển kinh tế xã hội ổn định, bền vững và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện tốt phân bổ nguồn lực đồng thời giải quyết tốt các mối quan hệ giữa tiết kiệm, đầu tư và tiêu dùng, giữa tăng trưởng với công bằng xã hội và xoá đói giảm nghèo.

Bảo đảm điều tiết mọi khoản thu nhập phát sinh

Thuế TNCN trực tiếp điều tiết thu nhập của các cá nhân, do đó nó là công cụ phân phối thu nhập đảm bảo công bằng xã hội. Tăng cường quản lý thuế TNCN để đảm bảo người có thu nhập cao phải nộp thuế nhiều hơn người có thu nhập thấp (công bằng theo chiều dọc) và người có thu nhập như nhau nhưng có điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì nộp thuế khác nhau (công bằng theo chiều ngang). Tuy nhiên, vì đây là loại thuế đánh trên diện rộng vào nhiều đối tượng khác nhau và nhiều loại thu nhập khác nhau, nên để việc quản lý thuế mang tính bao quát thì nó phải đảm bảo điều tiết mọi khoản thu nhập phát sinh.

3.1.2 Mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Tùy theo mục tiêu của Nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể mà các quốc gia có thể đặt ra các yêu cầu khác nhau khi tiến hành quản lý thuế TNCN. Để đảm bảo thực hiện công tác phòng, chống gian lận thuế đạt được kết quả tốt, khuyến khích sản xuất phát triển, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách thì chính sách thuế cần điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- *Một là*, Hệ thống chính sách thuế TNCN phải đảm bảo chặt chẽ, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán và thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho NNT thực hiện nghĩa vụ với NSNN. Chính sách thuế TNCN phải được thực hiện phù hợp với các cam kết quốc tế, thủ tục hành

chính về thuế phải được đơn giản hóa, công khai và minh bạch. Chính sách thuế nói chung và thuế TNCN phải tạo môi trường bình đẳng, công bằng, áp dụng thống nhất không phân biệt giữa các cá nhân trong nước và cá nhân nước ngoài, phải thể hiện và tạo những nội dung cụ thể phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời đảm bảo yêu cầu bảo hộ có chọn lọc, có thời hạn, có điều kiện một cách hợp lý, tăng cường sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, đảm bảo lợi ích quốc gia.

- *Hai là,* Hệ thống chính sách thuế TNCN phải quy định rõ ràng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân, trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế cũng như trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, có liên quan. Việc quy định rõ ràng, trách nhiệm, nghĩa vụ của NNT, của các cơ quan có liên quan, và các chế tài xử lý cụ thể sẽ tạo nên những áp lực tổng hợp của tất cả các chủ thể liên quan trong thực hiện chính sách thuế. Với sự ràng buộc trách nhiệm cụ thể thì các chủ thể không dám thực hiện các hành vị gian lận thuế và công tác phòng, chống gian lận thuế được thực hiện tốt.

- *Ba là,* Ưu tiên phát triển hệ thống Công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của cơ quan thuế; Xây dựng hệ thống quy trình nghiệp vụ thống nhất, có tính liên kết, tự động hóa cao.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội nước ta trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay và trong những năm tới, Luật thuế Thu nhập cá nhân phải xây dựng sao cho đảm bảo góp phần cải cách cơ cấu nguồn thu ngân sách, đảm bảo tính cân đối, ổn định lâu dài.

3.2 Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công đối với những cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

3.2.1 Giải pháp về công tác đăng ký thuế và quản lý MST, kê khai nộp quyết toán thuế, hỗ trợ công tác thanh kiểm tra.

3.2.1.1 Giải pháp về công tác quản lý mã số thuế và đăng ký cấp mã số thuế

Quản lý MST là một khâu đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý

thuế TNCN. Quản lý được người nộp thuế là cơ sở để tiến hành quản lý thu nhập chịu thuế, xác định nghĩa vụ thuế của cá nhân. Việc tăng cường quản lý người nộp thuế TNCN cần được thực hiện theo các biện pháp cơ bản sau đây:

Đối với cá nhân cư trú:

Cần đẩy mạnh hơn nữa việc đăng ký và cấp MST cá nhân, tiến tới mỗi công dân đều có một mã số để theo dõi quản lý, không phân biệt có thu nhập chịu thuế hay không có thu nhập chịu thuế. Việc cấp MST cho tất cả các cá nhân có thu nhập là cần thiết để đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế TNCN là đảm bảo kiểm soát được thu nhập của các cá nhân, chống gian lận trong kê khai các khoản được giảm trừ nhằm đảm bảo sự công bằng giữa những người nộp thuế. Công tác đăng ký và cấp MST là bước tiền đề và có vai trò quan trọng trong việc triển khai công tác tin học hóa quy trình thu thuế TNCN của ngành thuế. Quản lý đối tượng thông qua MST sẽ tăng tính chủ động cho CQT, sẽ tạo thuận lợi hơn khi kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của người nộp thuế. Để đảm bảo cho công tác quản lý thuế có hiệu quả thì cần phải có những biện pháp đảm bảo rằng mỗi cá nhân chỉ có một MST duy nhất.

Không chỉ cấp MST cho NNT, cần tiến hành khẩn trương việc cấp MST cho người phụ thuộc để thuận tiện cho việc quản lý, kê khai, tránh hiện tượng NNT kê khai trùng để giảm số thuế phải nộp. Việc kê khai người phụ thuộc hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức tự giác của mỗi cá nhân. Vì vậy, để đảm bảo phát hiện kịp thời các trường hợp cá nhân nộp thuế cố tình khai gian, khai trùng, khai không đúng về người phụ thuộc, cơ quan thuế sẽ phối hợp với đơn vị chi trả thu nhập và hội đồng tư vấn xã, phường để kiểm soát và quản lý.

Bên cạnh đó, toàn bộ hồ sơ chứng minh về người phụ thuộc gửi tới cơ quan thuế sẽ được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin tại cơ quan thuế sẽ xác lập mã nhận diện về người phụ thuộc và chính mã nhận diện này sẽ cho phép cơ quan thuế loại trừ những trường hợp gian lận nhằm mục đích trốn thuế, lách thuế. Hơn nữa, nếu mỗi công dân sinh

ra đã có MST được quản lý như chứng minh thư nhân dân thì cơ quan thuế sẽ dễ dàng, thuận tiện, nhanh chóng hơn trong việc kiểm tra, quản lý người phụ thuộc của NNT.

Đối với cá nhân vãng lai:

Việc quản lý MST phải dựa trên sự phối hợp với các tổ chức, cơ quan liên quan. Đối với các cá nhân có đăng ký thường trú thì cơ quan thuế chỉ cần phối hợp với UBND xã, phường, thành phố... nơi cá nhân đăng ký thường trú để quản lý MST, đồng thời phối hợp với cơ quan cho trả cho cá nhân đó để thu thuế TNCN theo phương pháp khấu trừ tại nguồn. Đối với các cá nhân không có đăng ký thường trú thì cơ quan thuế ngoài sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức như trên thì còn cần phải phối hợp với cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh để đăng ký và quản lý MST cho các cá nhân này.

Đối với cá nhân không cư trú:

Đối tượng này chủ yếu là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Công tác quản lý người nước ngoài và các hoạt đông liên quan còn chưa chặt chẽ. Không ít trường hợp cấp cơ sở không báo cáo kịp thời thông tin người nước ngoài tạm trú tại địa phương; nhiều trường hợp chủ cơ sở lưu trú tiếp nhận cả người nước ngoài không hộ chiếu, giấy tờ hoặc quá hạn tạm trú. Một lỗ hổng đã được nhìn thấy lâu nay, là sự phối hợp giữa các lực lượng quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý cư trú, quản lý đi lại đối với người nước ngoài còn chưa chặt chẽ, đặc biệt là sự phối hợp trao đổi thông tin. Hiện tại mới chỉ có Pháp lệnh về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Cần hoàn thiện hành lang pháp lý một cách chặt chẽ, có tính pháp lý cao hơn, hoàn thiện khung luật định về lao động nước ngoài với mục tiêu siết chặt quản lý để quản lý đối tượng này tốt hơn.

Để xác định số thuế phải nộp của người nộp thuế thì cần phải xác định được thu nhập chịu thuế và các khoản giảm trừ, muốn cho việc xác định này được chính xác thì cần phải có sự phối hợp giữa các bên có liên quan. Do đó cần có sự trao đổi thông tin thường xuyên giữa CQT và các cơ quan chức năng. Ví

dụ, để xác định một người nước ngoài xem có phải là cá nhân cư trú ở nước ta hay không thì CQT phải phối hợp với các cơ quan chức năng khác như cơ quan Hải quan, cơ quan xuất nhập cảnh, cơ quan quản lý địa phương nơi cá nhân cư trú để xem họ có nhà ở Việt Nam hay không từ đó có thể xác định đúng số thuế mà họ phải nộp.

3.2.1.2 Giải pháp về công tác kê khai nộp quyết toán thuế Thu nhập cá nhân.

Ngoài việc đảm bảo đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất, con người, máy tính nối mạng, máy in dành riêng cho người nộp thuế, để công tác nộp hồ sơ quyết toán cuối năm cho đơn vị chi trả thu nhập và cá nhân tự quyết toán cần triển khai thêm một số giải pháp mới để công tác phục vụ, hỗ trợ người nộp thuế được tốt hơn như:

Một là, thiết kế tờ hướng dẫn đặt tại Bộ phận một cửa để tuyên truyền tới người nộp thuế các bước thực hiện kê khai, nộp thuế và chuẩn bị hồ sơ thuế nhằm truyền tải tới người nộp thuế các thông tin một cách dễ hiểu, dễ thực hiện.

Hai là, đẩy mạnh công tác hỗ trợ người nộp thuế kiểm tra, rà soát, kiểm soát hồ sơ trước khi mang đến nộp tại cơ quan thuế qua phương thức điện tử.

Ba là, tổ chức rà soát, kiểm soát, phân loại hồ sơ ngay từ khâu đón tiếp người nộp thuế để hướng dẫn người nộp thuế đến đúng nơi tiếp nhận (tránh người nộp thuế đi lại nhiều lần) và xác định đây là bộ phận trọng tâm để nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ người nộp thuế.

Bên cạnh đó, do các cá nhân có số thuế nộp thừa có nhu cầu hoàn thuế TNCN có thể nộp hồ sơ bất cứ thời điểm nào trong năm. Vì vậy, để không mất thời gian chờ đợi của người nộp thuế, đồng thời giảm áp lực cho cả người nộp thuế và công chức thuế, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc khuyến cáo người nộp thuế có nhu cầu hoàn thuế TNCN có thể nộp hồ sơ sau thời hạn quyết toán thuế TNCN là sau ngày 31/03 hàng năm.

3.2.1.3. Giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật thuế thu nhập cá nhân

Cùng với việc hoàn thiện cơ chế tự khai, tự nộp thuế thì công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật thuế TNCN cần được đẩy mạnh, đòi hỏi cơ quan thuế phải tập trung lực lượng lớn vào việc tuyên truyền và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật thuế. Việc thanh tra thường xuyên sẽ làm giảm bớt ý định trốn thuế của NNT, tăng tính nghiêm túc của cơ quan chi trả thu nhập trong việc khấu trừ thu nhập trước khi chi trả và cũng tránh được các trường hợp thông đồng, cấu kết giữa cán bộ thuế với người nộp thuế. Thanh tra thuế sẽ góp phần đảm bảo việc thu đúng và đủ thuế cho nguồn thu ngân sách quốc gia. Để đạt được mục tiêu đó, cơ quan thuế cần phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng như cơ quan công an, sở ngoại vụ, cơ quan quản lý lao động… để nắm bắt kịp thời thông tin về NNT, nguồn phát sinh thu nhập, có biện pháp phân loại đối tượng nộp thuế thành các nhóm khác nhau để thanh tra, kiểm tra một cách có hiệu quả.

Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần thiết phải xây dựng được cơ sở dữ liệu về người nộp thuế tập trung để áp dụng các kỹ thuật phân tích rủi ro, giảm thiểu thời gian cập nhật số liệu, thu thập tài liệu, tăng thời gian cho công tác đánh giá, phân tích, từ đó nâng cao chất lượng công tác phân tích hồ sơ thanh tra.

Xây dựng quy trình kiểm tra quyết toán thuế. Việc kiểm tra quyết toán thuế phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế trên cơ sở các tài liệu báo cáo của cơ sở kinh doanh, trường hợp cần thiết mới kiểm tra tại cơ sở kinh doanh. Các chế tài về xử lý vi phạm, cưỡng chế thuế phải được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản pháp luật.

Cần tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ thanh tra nhằm nâng cao trình độ cán bộ đáp ứng ngày càng cao của thực tiễn công tác thanh tra. Có sự tuyển chọn các cán bộ có trình độ chuyên môn tốt, kỹ năng tin học, ngoại ngữ bổ sung cho lực lượng thanh tra thuế.

Xây dựng các chương trình phần mềm hỗ trợ cho cán bộ thuế làm công

tác thanh tra trong việc thu thập toàn bộ thông tin của NNT trên về một mối, gồm các thông tin ban đầu của họ, nơi làm việc, thu nhập thực tế, tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế, trên cơ sở các hồ sơ khai thuế và các tài liệu khác có liên quan, để từ đó góp phần giảm tải thời gian và công sức của cán bộ thuế trong công tác thanh tra. Hiệu quả công việc được nâng cao lên nhiều lần.

Trang bị các phương tiện máy móc, thiết bị nhằm đảm bảo điều kiện làm việc nhằm phát huy tối đa khả năng làm việc của cán bộ thuế. Đồng thời, có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích, động viên cán bộ cả về vật chất lẫn tinh thần để phát huy tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm trong công việc của cán bộ thuế.

Làm tốt hơn nữa công tác kiểm tra tại cơ quan thuế đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của các cơ quan chi trả thu nhập. Cần đặc biệt chú ý phân tích hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân của những đơn vị có số lượng người lớn, có số chi trả lớn, chú ý những đơn vị có các khoản chi trả tiền lương, tiền công theo dạng hợp đồng vụ việc hoặc hợp đồng ngắn hạn có tỷ trọng cao. Đối với những đơn vị này cần yêu cầu giải trình cụ thể. Nếu thấy việc giải trình không hợp lý, thiếu thuyết phục thì nên thực hiện kiểm tra tại cơ quan chi trả thu nhập.

Kết hợp tốt giữa việc kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với kiểm tra quyết toán thuế thu nhập cá nhân trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Trước khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp, cơ quan thuế cần thực hiện phân tích chuyên sâu các tỷ suất phản ánh mối quan hệ giữa thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân vì dưới góc độ doanh nghiệp, khoản chi trả cho cá nhân là chi phí được trừ, còn với cá nhân đó có thể là thu nhập chịu thuế hoặc có thể là khoản thu nhập được trừ/thu nhập miễn thuế. Để ngăn ngừa tình trạng che giấu thu nhập, cần kiểm tra kỹ các sổ sách kế toán phản ánh các khoản chi trả cho cá nhân nhưng không ghi sổ là tiền lương, tiền công, chẳng hạn như các khoản phụ cấp, các khoản tiền thưởng, các khoản khoán chi công tác phí vượt mức... Đồng thời,

cũng cần thực hiện kiểm tra kỹ các hồ sơ, chứng từ có liên quan để đối chiếu xác định chính xác thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế tài chính của doanh nghiệp, bảng chấm công, các chứng từ chi trả.... Thêm vào đó, cũng cần chú trọng kiểm tra các khoản doanh nghiệp chi trả thay cho người lao động, đặc biệt là ở các doanh nghiệp có lao động là người nước ngoài, để đảm bảo tính đủ các khoản lợi ích không nhận được bằng tiền cũng phải được tính vào thu nhập chịu thuế (các khoản chi trả hộ tiền nhà, xe đi lại...). Khi kiểm tra tại cơ sở kinh doanh cũng cần kiểm tra đối chiếu khoản chi phí tiền lương tiền công với các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp để xác định chính xác chi phí tiền lương, tiền công thực trả, xác định các hành vi gian lận trong kê khai thu nhập chịu thuế của cá nhân.

Khi thiết lập các đoàn kiểm tra, cần kết hợp nhân sự giữa bộ phận quản lý thuế thu nhập cá nhân với các bộ phận thanh tra, kiểm tra để đảm bảo sự bổ sung lẫn nhau về kiến thức chuyên sâu trong quản lý các sắc thuế khác nhau.

Cần đúc rút kinh nghiệm và tổng hợp thành sổ tay hướng dẫn thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập cá nhân ở từng loại hình doanh nghiệp, từng cơ quan chi trả thu nhập để làm tài liệu hướng dẫn trong kiểm tra hồ sơ tại cơ quan thuế cũng như trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

Kiện toàn hệ thống kiểm tra nội bộ trong toàn ngành để kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cơ quan thuế, của công chức thuế theo quy định của pháp luật...

3.2.2. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thuế

Con người là yếu tố quan trọng trong công tác quản lý thuế. Nâng cao năng lực và phẩm chất của các cán bộ thuế là điều cần thiết và sẽ mang lại nhiều tác động tích cực tới công tác quản lý thuế TNCN.

Nước ta đang trong giai đoạn hội nhập và phát triển, để đáp ứng yêu

cầu công việc trong giai đoạn này đòi hỏi công chức thuế phải có trình độ chuyên môn chuyên sâu trong từng lĩnh vực, có kiến thức tin học, ngoại ngữ... Có khả năng giao tiếp và giải quyết công việc khoa học, hiệu quả. Muốn vậy, cần có chương trình kế hoạch cụ thể, tạo điều kiện để công chức thuế được tiếp cận học tập thường xuyên, liên tục. Để công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thuế có hiệu quả cần thực hiện những biện pháp sau:

Một là, cần phân loại trình độ cán bộ thuế để có kế hoạch đào tạo hợp lý. Bên cạnh việc đào tạo về chuyên môn và kỹ năng đáp ứng công tác quản lý thuế hiện đại, Cục Thuế Vĩnh Phúc cần đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ứng xử của đội ngũ cán bộ thuế nhằm hạn chế những tiêu cực vốn tồn tại trong ngành thuế từ lâu đã tạo ra những phiền hà không đáng có cho người nộp thuế. Đồng thời cũng cần chú trọng đào tạo ngoại ngữ để đảm bảo có thể giao tiếp, làm việc với người nước ngoài.

Hai là, nâng cao tỷ lệ tuyển dụng các ngạch công chức có trình độ đại học chuyên ngành, trình độ cao học chuyên ngành khi đi thi tuyển đầu vào.

Ba là, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về kiến thức thuế. Xác định đối tượng và xây dựng nội dung, chương trình và giáo trình theo từng khóa đào tạo, bồi dưỡng thống nhất. Xác định đúng được đối tượng và nội dung đào tạo sẽ không gây lãng phí, đào tạo tràn lan, cào bằng không có hiệu quả. Đào tạo không đúng đối tượng sẽ gây ra tình trạng người cần đào tạo thì lại không được đào tạo, đào tạo không đúng với nhiệm vụ mà mỗi người đang thực hiện. Nội dung đào tạo không được lựa chọn sẽ gây ra việc lãng phí thời gian, công sức, không đi đúng vào vấn đề được quan tâm, cần phải cập nhật để phục vụ cho công tác quản lý.

Lựa chọn và xây dựng đội ngũ giáo viên kiêm chức tại Cục Thuế đủ trình độ, kinh nghiệm và năng lực để đảm đương công tác giảng dạy cho các cán bộ ở các chi cục thuế trực thuộc.

Bốn là, tổ chức các cuộc thi cán bộ thuế giỏi, các cuộc hội thảo trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm trong công tác quản lý, xử lý các trường hợp xảy ra trong thực tế. Đây là dịp cho các cán bộ thuế trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ các kiến thức, hiểu biết của mình trong công việc, cách xử lý của bản thân trong các tình huống phát sinh thực tế trong công việc hàng ngày. Những dịp trao đổi như này sẽ khiến cho các cán bộ thuế tránh được bỡ ngỡ khi gặp những tình huống phát sinh, tránh việc lãng phí thời gian và sự không hài lòng của người nộp thuế, nó cũng giúp các cán bộ thuế hiểu nhau hơn, thêm gắn bó, đoàn kết và hợp tác trong công việc, mang lại hiệu quả chung cho công tác quản lý thuế TNCN.

Năm là, đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ đảm bảo bố trí đúng người, đúng việc, nhằm nâng cao tính năng động, sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ, tăng cường cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho bộ phận thanh tra, kiểm tra.

Ngoài ra, việc rèn luyện phẩm chất, đạo đức cán bộ thuế, đây là công việc rất quan trọng bởi do đặc thù của ngành thuế thường xuyên tiếp xúc với các đối tượng nộp thuế, giải quyết các vấn đề liên quan tới lợi ích kinh tế giữa các đối tượng nộp thuế với Nhà nước. Vì vậy, các cán bộ thuế thiếu bản lĩnh rất dễ bị mua chuộc, thông đồng với hành vi gian lận thuế, không đảm bảo được nguồn thu cho NSNN. Nhằm hạn chế các hiện tượng tiêu cực của cán bộ thuế, xây dựng đội ngũ cán bộ thuế cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư cần giảm sự tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ thuế và NNT, giảm quyền hành của cán bộ thuế, phân quyền hành của cán bộ thuế thành nhiều khâu. Đảm bảo thu nhập cho cán bộ thuế để giảm tiêu cực. Có biện pháp xử lý nghiêm minh với các cán bộ thuế có biểu hiện tiêu cực đồng thời nêu gương, khen thưởng các cán bộ thuế hoàn thành tốt trách nhiệm của mình.

3.2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức thuế thu nhập cá nhân đến người nộp thuế

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đóng một vai trò quan trọng trong việc thực thi các chính sách thuế. Thông qua công tác tuyên

truyền, hỗ trợ làm cho các cá nhân, tổ chức hiểu rõ được bản chất, vai trò và tác dụng của thuế. Việc đó sẽ góp phần nâng cao sự nhận thức, hiểu biết của các tổ chức, cá nhân về các chính sách thuế. Từ đó tạo sự ủng hộ, sẵn sàng cung cấp thông tin, phối hợp với CQT trong việc thực thi nghĩa vụ thuế của các tổ chức, cá nhân với Nhà nước. Vì vậy phải phát huy tối đa hiệu quả của công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền trong thời gian tới là phải xây dựng được một mạng lưới thông tin tuyên truyền sâu rộng trên toàn quốc với các phương tiện hiện đại nhằm phục vụ tốt các đối tượng nộp thuế và mọi tầng lớp nhân dân, để nhân dân nắm bắt các quy định về đối tượng thuộc diện nộp thuế, quyền và nghĩa vụ của các đối tượng này; tạo trong cán bộ và các tầng lớp nhân dân, tự giác chấp hành quy định của Luật, ủng hộ và đồng tình trong việc thực thi các chính sách thuế nói chung và Luật thuế TNCN nói riêng…Đồng thời cũng qua đó kịp thời biểu dương các cá nhân tự giác thực hiện và chấp hành nghiêm túc các quy định về nộp thuế; phát hiện, phê phán kịp thời những hiện tượng, hành vi vi phạm quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân cũng như bảo đảm sự công bằng bình đẳng về quyền và nghĩa vụ thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân trong cộng đồng xã hội.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tờ rơi, tổ chức các đợt tập huấn, hướng dẫn về chính sách thuế mới, định kỳ tổ chức điều tra trắc nghiệm đối với người nộp thuế để đánh giá mức độ hiểu biết về pháp luật thuế thu nhập cá nhân, nắm bắt được ý kiến nguyện vọng của dân, qua đó thiết kế nội dung tuyên truyền phù hợp với từng nhóm người nộp thuế; đồng thời cần xây dựng cơ chế tiếp thu ý kiến, thông tin phản hồi từ người nộp thuế một cách phù hợp.Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng về kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền - hỗ trợ NNT, đồng thời thực hiện kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của bộ phận "một cửa" tại các Chi cục thuế, qua đó

chấn chỉnh kịp thời những sai sót, đồng thời phát hiện những thủ tục rườm rà (nếu có) để kiến nghị với cơ quan thuế cấp trên sửa đổi, bổ sung nhằm tạo thuận lợi cho NNT và nâng cao hiệu quả công tác.

Duy trì và phát huy tối đa hiệu quả tuyên truyền qua Trang thông tin điện tử của ngành, của tỉnh, nâng cao chất lượng tin bài, xây dựng các diễn đàn trên mạng để mọi người dân có thể thường xuyên trao đổi kinh nghiệm và dễ dàng đưa ra những thắc mắc của mình đối với các cơ quan chức năng trong tỉnh.

Mở các buổi toạ đàm đối thoại trực tiếp với các tổ chức, cá nhân, mở các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật thuế TNCN, thi sáng tác tranh ảnh cổ động về thuế TNCN.

Mở các cuộc thi báo cáo, tuyên truyền viên giỏi về thuế TNCN, đây là cơ hội để các cán bộ đang thực hiện công tác quản lý thuế TNCN trong toàn tỉnh có điều kiện gặp gỡ, giao lưu và trao đổi kinh nghiệm quản lý thuế với nhau.

Phối hợp với cơ quan truyền hình, truyền thanh, báo chí trong việc tuyên truyền phổ biến các chính sách thuế TNCN vì đây là kênh thông tin thu hút rất nhiều lượng người xem và quan tâm. CQT cần khai thác thế mạnh này để truyền bá sâu rộng những thông tin về chính sách thuế để nâng cao tinh thần giác ngộ. Kịp thời biểu dương các điển hình tiêu biểu trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế TNCN, phê phán nghiêm khắc kịp thời các hành vi gian lận, trốn thuế TNCN.

Tổ chức " đường dây nóng" tại Cục thuế và Chi cục thuế, bố trí cán bộ thường trực, có đủ trình độ, kịp thời tư vấn, giới thiệu, giải đáp thắc mắc về thuế phát sinh trong thời gian quyết toán thuế hàng năm. Đặt hòm thư góp ý công khai tại có quan thuế để người dân có thể đóng góp, xây dựng ý kiến cho hoạt động của CQT. Đồng thời giúp người dân phản ánh kịp thời về thái độ phục vụ của các cán bộ thuế với nhân dân, để CQT có biện pháp khắc phục kịp thời.

Hiệu quả của công tác tuyên truyền sẽ rất lớn nếu như được thực hiện một cách kịp thời, đúng cách. Mỗi người dân sẽ tự ý thức được về trách nhiệm nộp thuế đối với Nhà nước, việc chủ động đăng ký MST, khai và nộp thuế trở thành đương nhiên và được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, tự giác, qua đó giúp tăng nguồn thu cho NSNN.

Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan chức năng của các ngành, các lĩnh vực có liên quan. Ví dụ như: xây dựng và quản lý hệ thống thông tin cá nhân đầy đủ toàn diện, có sự phối hợp giữa ngành thuế và ngành tài nguyên và môi trường trong kết nối mạng thông tin thống nhất trên phạm vi toàn quốc để quản lý được việc sở hữu bất động sản chi tiết của từng cá nhân. Từ đó chống được sự khai man là tài sản duy nhất trong chuyển nhượng bất động sản để được miễn thuế. Phải đề cao vai trò và thẩm quyền của cơ quan thuế trong việc giám sát thu nhập, thanh tra kiểm tra thuế, xử lý vi phạm và cưỡng chế thuế. Với đặc trưng của thuế TNCN, trước hết, phải nói đến sự phối hợp giữa cơ quan thuế với BHXH, với Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước. Bên cạnh đó, cũng có sự trao đổi thông tin thường xuyên giữa cơ quan quản lý nhân khẩu với cơ quan thuế. Hiệu quả nhất là có hệ thống thông tin nối mạng liên ngành giữa các cơ quan này để việc quản lý giảm trừ gia cảnh được thực hiện một cách chính xác và đảm bảo công bằng. Cơ quan thuế cũng cần thể hiện vai trò chủ động trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng như công an, cảnh sát kinh tế ... và thẩm quyền của cơ quan thuế trong việc điều tra, kiểm soát thu nhập, xử phạt hành chính và quyền định đoạt tài sản trong trường hợp đối tượng nộp thuế vi phạm pháp luật về thuế

3.2.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế TNCN

Với mục tiêu tinh giảm biên chế nhân sự quản lý thuế nhưng vẫn hiệu quả, chính xác, nhanh chóng ngành thuế cần từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế. Điều này khắc phục nhược điểm của phương pháp quản lý thủ công: Cồng kềnh trong bộ máy nhân sự, thời gian thực hiện lâu hơn, tính chính xác kém hơn và khâu kiểm tra quản lý trong ngành thuế cũng

phức tạp tốn nhiều thời gian và công sức hơn.

3.2.4.1. Về thể chế và thủ tục hành chính thuế

Về thể chế: Tiếp tục triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính (theo đề án 30 của Chính phủ) với phương châm đơn giản hoá thủ tục hành chính, phục vụ Người nộp thuế đến đăng ký kê khai, nộp thuế nhanh nhất, thuận tiện nhất.

Về thủ tục hành chính thuế: Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý thuế đặc biệt là công tác kê khai thuế qua mạng. Tiếp tục triển khai mở rộng dự án kê khai thuế qua mạng và nộp thuế qua NHTM, hoàn thiện, nâng cao chất lượng việc kê khai thuế qua mạng, nộp thuế qua ngân hàng thương mại, tiến tới thí nghiệm nộp thuế điện tử.

3.2.4.2. Hiện đại hóa công nghệ thông tin công tác quản lý thuế

Tiếp tục duy trì sự hoạt động ổn định của Hệ thống hạ tầng CNTT của Ngành đảm bảo Hệ thống hoạt động thông suốt 24/24 phục vụ công tác trao đổi thông tin trên mạng máy tính ngành thuế, phục vụ công tác vận hành các ứng dụng quản lý thuế kịp thời và hiệu quả.

Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị tin học, thiết bị hạ tầng CNTT theo qui trình kỹ thuật và hướng dẫn đảm bảo sự hoạt động ổn định thường xuyên, đồng bộ của các thiết bị trong hệ thống hạ tầng CNTT của ngành.

Đẩy mạnh công tác hỗ trợ các Phòng, các Chi cục Thuế trong vận hành các ứng dụng phục vụ công tác quản lý thuế. Nâng cấp kịp thời và xử lý kịp thời các lỗi phát sinh sau nâng cấp ứng dụng theo chỉ đạo.

Tiếp tục triển khai công tác nộp thuế điện tử tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh phúc. Đây là ngân hàng có hệ thống các Chi nhánh trải đều ở các Huyện, Thị xã, Thành phố rất thuận lợi cho các Chi cục Thuế triển khai nộp thuế điện tử.

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời mọi tổ chức cá nhân Người nộp thuế trong việc thực hiện Khai thuế qua mạng Internet, trong việc nộp thuế điện tử nhằm nâng cao hiệu quả công tác khai thuế và nộp thuế.

Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển CNTT ngành thuế Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 đã được Cục Trưởng Cục Thuế phê duyệt. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế của CBCC thuế, đảm bảo trang bị đầy đủ máy móc thiết bị cho CBCC thuế để đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế hiện đại.

3.3 Kiến nghị

3.3.1 Kiến nghị với Tổng cục Thuế

Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

Hoạt động quản lý thuế TNCN chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau, mỗi nhân tố có những tác động tích cực hoặc tiêu cực đối với công tác quản lý. Trong số các nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý thuế TNCN thì hệ thống văn bản pháp quy về thuế TNCN là nhân tố quan trọng. Đây là cơ sở pháp lý để hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế và là căn cứ để kiểm tra, xử phạt những trường hợp vi phạm. Thuế TNCN là sắc thuế có độ nhạy cảm cao, có tác động rất lớn đến các đối tượng nộp thuế do vậy việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về thuế TNCN càng đòi hỏi phải chặt chẽ và hoàn chỉnh.

Để góp phần nâng cao tính khả thi của Luật thuế TNCN, nhằm đạt được những mục tiêu đưa ra và thuận tiện hơn trong công tác quản lý thuế, một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện chính sách thuế TNCN:

Một là, cần xem xét vấn đề hài hoà hoá thuế suất giữa chính sách thuế TNCN với các chính sách thuế khác, đặc biệt là thuế TNDN, để đảm bảo tránh những tác động tiêu cực đến việc lựa chọn hình thức kinh doanh và nộp thuế trên cơ sở xác định một tỷ lệ động viên ngân sách hợp lý. Một chính sách thuế tốt phải đảm bảo thuế suất biên của thuế TNCN không chênh lệch nhiều so với thuế suất thuế TNDN. Trên cơ sở đó, khi thiết kế biểu thuế suất thuế TNCN, cần xác định mức thuế suất cao nhất của thuế TNCN không chênh

lệch so với mức thuế suất thuế TNDN tại cùng thời điểm.

Hai là, việc miễn thuế TNCN đối với trường hợp chuyển nhượng một nhà, đất duy nhất, trên thực tế hiện nay rất khó kiểm tra tính chính xác và trung thực, mà chỉ hoàn toàn dựa vào sự tự giác của người khai thuế, do đó tính rủi ro thất thu thuế rất cao. Vì vậy nên chuyển đối tượng này từ được miễn thuế sang được giảm 50% số thuế phải nộp là phù hợp, nhằm hạn chế thất thu thuế, đồng thời vẫn kiểm kê kiểm soát được hoạt động chuyển nhượng kinh doanh bất động sản.

Đẩy mạnh cơ chế thanh toán không dùng tiền mặt

Nhà nước cần ban hành quy định chặt chẽ để tất cả giao dịch thanh toán phải được thực hiện thông qua hệ thống ngân hàng; khi mọi thu nhập của cá nhân, tổ chức được thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng thì cơ quan thuế sẽ có điều kiện quản lý chặt chẽ và bao quát được tất cả các nguồn thu nhập làm cơ sở cho việc xác định nghĩa vụ thuế. Có như vậy mới có thể kiểm soát được thu nhập cá nhân, đạt được mục tiêu thu đúng, thu đủ thuế TNCN cho ngân sách nhà nước. Ngoài ra, việc sử dụng tài khoản ngân hàng để giao dịch còn mang lại những ưu điểm như hạn chế được lạm phát, hạn chế tiền giả, kích thích phát triển hệ thống ngân hàng hiện đại…

Nếu như các khoản thu nhập được thanh toán qua hệ thống ngân hàng dưới hình thức tài khoản cá nhân thì sẽ rất thuận tiện cho cơ quan thuế trong việc giám sát thu nhập của NNT. Bên cạnh đó nhà nước có thể áp dụng phương pháp thu thuế TNCN thông qua hệ thống ngân hàng. Điều này vừa giúp giảm bớt công việc và chi phí cho cơ quan thuế, vừa kiểm soát chặt chẽ hơn thu nhập của những cá nhân. Chính vì vậy, sự phát triển của hệ thống ngân hàng đi kèm với việc phát triển hình thức thanh toán qua tài khoản sẽ là một điều kiện tất yếu để có thể thực hiện tốt công tác quản lý thuế TNCN.

Việc sử dụng tài khoản thẻ thay cho tiền mặt đòi hỏi phải có những cơ chế qui định cụ thể từ phía Ngân hàng Nhà nước và Kho bạc Nhà nước bao gồm: phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia. Trên cơ sở đó,

tiến hành kiểm soát rủi ro pháp lý thích hợp, bảo đảm phù hợp với các chuẩn mực thông lệ quốc tế; tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, đảm bảo khả năng tiếp cận thị trường và dịch vụ của các chủ thể tham gia; hình thành cơ chế bảo vệ khách hàng hữu hiệu và bảo đảm quy trình giải quyết tranh chấp khách quan.

Phối hợp với ngành Ngân hàng, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về thanh toán không dùng tiền mặt; Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt bằng các chính sách thuế, phí trong lĩnh vực thanh toán, giá thuê đất, thuê mặt bằng cho các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.- Tổng cục Thuế cần có kế hoạch tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm của các nước, chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác như xây dựng hệ thống thông tin, xây dựng các mô hình dự báo, đào tạo cán bộ..., đồng thời nghiên cứu trình các cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi Luật thuế TNCN theo từng thời kỳ cho phù hợp.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, tin học hóa công tác quản lý thuế

Cơ quan Thuế cần phải được hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý thuế, trang bị máy tính nối mạng toàn quốc. Hệ thống quản lý thuế bằng các ứng dụng công nghệ thông tin, xét về thời điểm đầu tư thì chi phí cao, nhưng về lâu dài thì tiết kiệm thời gian và chi phí rất hiệu quả. Hệ thống không chỉ phục vụ cho công tác quản lý thuế TNCN mà còn cho tất cả các loại thuế khác. Hoàn thiện chương trình quản lý thuế TNCN qua mạng để đáp ứng yêu cầu kê khai, quyết toán thuế để công việc thực hiện được thuận lợi nhất. Hoàn chỉnh thống nhất chương trình kết nối thông tin quản lý dữ liệu trên toàn quốc để có thể theo dõi dễ dàng, thuận tiện tổng thu nhập chịu thuế của từng cá nhân trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thu nộp thuế của từng đối tượng nộp thuế.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế của CBCC thuế, đảm bảo trang bị đầy đủ máy móc thiết bị cho cán bộ công chức thuế để đáp ứng

được yêu cầu quản lý thuế hiện đại.

3.3.2 Kiến nghị với Bộ Tài chính

Đề xuất sửa đổi mức giảm trừ gia cảnh, Biểu thuế áp dụng đối thu nhập tính thuế

Về nguyên tắc mọi cá nhân có thu nhập đều có nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước. Tuy nhiên, trước mắt để phù hợp với điều kiện KT-XH, phong tục tập quán và khả năng nộp thuế của người dân, Luật thuế TNCN quy định giảm trừ một khoản thu nhập cho cá nhân trước khi tính thuế mà không áp dụng thu thuế ngay từ đồng đầu tiên.

Mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế phải cao hơn mức thu nhập trung bình của xã hội tại thời điểm Luật có hiệu lực để những người có mức thu nhập trung bình trở xuống chưa phải nộp thuế. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định trong Luật đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh.

Việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh cần tính tới chính sách và lộ trình cải cách tiền lương của nhà nước, tỷ lệ và mức tăng trưởng kinh tế, mức GDP bình quân đầu người, thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người, đồng thời tham khảo chính sách và xu thế cải cách thuế TNCN của các nước trong khu vực.

- Biểu thuế áp dụng đối thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh có mức thuế suất cao nhất 35% chưa đảm bảo tính cạnh tranh và chưa khuyến khích, thu hút chuyên gia, lao động giỏi có thu nhập cao vào Việt Nam làm việc.

Để thực hiện việc giảm tỷ lệ động viên thuế, phí trên GDP theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2025 đồng thời để có sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước đối với người nộp thuế trước bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thì việc nghiên cứu điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh là cần thiết.

Đề xuất sửa đổi, bổ sung về phạm vi, đối tượng chịu thuế

Một số quy định về phạm vi, đối tượng đánh thuế chưa phù hợp với thực tế, cụ thể như: Quy định về các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính trong thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công chưa bao quát các trường hợp mới phát sinh theo quy định của pháp luật liên quan (pháp luật về lao động, về bảo hiểm xã hội,...) mới sửa đổi, bổ sung sau này; quy định về thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản chưa bao quát được các trường hợp uỷ quyền chuyển nhượng nhà, đất mà người uỷ quyền có đầy đủ các quyền về nhà, đất, trường hợp đổi nhà, đổi đất có phát sinh thu nhập nên thiếu cơ sở để thu thuế.

Việc quy định cụ thể các khoản phụ cấp, trợ cấp như nêu trên đã tạo thuận lợi trong thực hiện, tuy nhiên trong thực té vẫn tiếp tục phát sinh các khoản phụ cấp, trợ cấp mới phát sinh theo quy định của các văn bản pháp luật về lao động, về BHXH ban hành sau này, như: trợ cấp tinh giản biên chế, tiền bồi thường tai nạn lao động, trợ cấp cán bộ về hưu trước tuổi, trợ cấp lao động dôi dư về hưu trước tuổi hoặc chấm dứt hợp đồng lao động . Các khoản trợ cấp này mang tính bù đắp những rủi ro, giải quyết khó khăn tạm thời cho người lao động nên về nguyên tắc phải được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi tính thuế phải nộp.

Để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật thì việc bổ sung các khoản phụ cấp, trợ cấp nêu trên là cần thiết. Mặc khác, để có cơ sở pháp lý trong thực hiện đối với các khoản phụ cấp, trợ cấp có thể sẽ phát sinh sau này do các Luật chuyên ngành khác có quy định, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 3 theo hướng: bổ sung các khoản phụ cấp, trợ cấp như đã nêu trên, đồng thời bổ sung vào cuối điểm này quy định *"và các khoản trợ cấp, phụ cấp không mang tính chất tiền lương, tiền công khác theo quy định của Chính phủ"* để Chính phủ có thể quy định kịp thời khi có các khoản phụ cấp, trợ cấp mới phát sinh theo quy định của pháp luật khác.

Sửa đổi quy định thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản bao gồm cả các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản dưới mọi hình thức.

Bổ sung quy định miễn thuế đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả và khoản đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện.

Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về kê khai, quyết toán thuế và các nội dung quy định về quản lý thuế

Một số quy định về kê khai, quyết toán thuế quy định tại Luật thuế TNCN còn chưa phù hợp với thực tế, nhất là đối với hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế khoán, cá nhân có thu nhập vãng lai hoặc có từ hai nguồn chi trả thu nhập trở lên.

Theo Điều 24 Luật thuế TNCN thì cá nhân có thu nhập chịu thuế có trách nhiệm kê khai, nộp thuế vào NSNN và quyết toán thuế đối với *mọi* khoản thu nhập theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Theo Điều 10 Luật thuế TNCN quy định xác định thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa tuân thủ đúng chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ mà không xác định được doanh thu, chi phí và thu nhập chịu thuế thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu, tỷ lệ thu nhập chịu thuế để xác định thu nhập chịu thuế phù hợp với từng ngành, nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thực tế quản lý thu cho thấy, quy định này nhằm mục tiêu kiểm soát thu nhập nhưng phát sinh thêm nhiều thủ tục mà không tăng thêm số thuế, nhiều trường hợp cá nhân có số thuế nộp thừa trong năm nhỏ không có yêu cầu về hoàn lại thuế hoặc bù trừ vào số thuế phải nộp kỳ sau nhưng vẫn phải thực hiện quyết toán thuế. Để thuận lợi cho người nộp thuế và giảm khối lượng phải quyết toán thuế không cần thiết, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24 Luật thuế TNCN theo hướng cá nhân có thu nhập chịu thuế có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế vào NSNN và quyết toán thuế theo quy định của

Chính phủ. Theo đó, bỏ các cụm từ *"đối với mọi khoản thu nhập"* và *"về quản lý thuế"* tại điểm b khoản 1 Điều 24, đồng thời bổ sung cụm từ *"việc quyết toán thuế đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này"* vào cuối khoản 3 Điều này.

Các quy định về quyết toán thuế, thủ tục quyết toán thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán sẽ được nghiên cứu sửa đổi tại Nghị định của Chính phủ.

3.3.3 Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Việc thực hiện công tác quản lý thu thuế tại các địa bàn rất khó khăn, phức tạp, công tác ủy nhiệm thu thuế tại các xã, phường, thị trấn tại một số địa phương còn nhiều hạn chế. Cục Thuế Vĩnh Phúc kiến nghị UBND tỉnh Vĩnh Phúc:

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Cơ quan Thuế trong công tác quản lý thu thuế tại địa bàn nhằm phát hiện, đưa vào quản lý kịp thời các nguồn thu mới phát sinh.

- Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các phường, xã, thị trấn tăng cường phối hợp với Cơ quan Thuế trong các tác quản lý thu Thuế, coi công tác quản lý thu Thuế là nhiệm vụ trọng tâm tại địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG III

Hoạt động quản lý thuế TNCN đã đạt được những kết quả to lớn, đưa chính sách thuế TNCN ngày càng trở lên gần gũi với người dân, góp phần tăng thu, đảm bảo nhu cầu chi tiêu của cả nước. Để đạt được thành tựu trên, quá trình nghiên cứu luận văn đã đưa ra được những giải pháp cụ thể bao gồm những mặt công tác cơ bản như:

- Quản lý các cá nhân thuộc diện khai, nộp thuế, tính thuế và các khoản được khấu trừ theo quy định của pháp luật về thuế;

- Tuyên truyền, phổ biến đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, quy định pháp luật về thuế TNCN, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về tác dụng của thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế. Đảm bảo các yếu tố trong công tác quản lý thuế TNCN sau:

+ Đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội.

+ Đảm bảo động viên một cách hợp lý thu nhập dân cư, khuyến khích mọi cá nhân ra sức lao động, sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập làm giàu chính đáng.

+ Ban hành và áp dụng thuế TNCN có tính đến những bước đi phù hợp với tình hình nước ta và thông lệ quốc tế; kế thừa có chọn lọc những quy định trong chính sách thuế hiện hành. và đảm bảo huy động nguồn lực để nhà nước giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội.

+ Nắm bắt thông tin về thu nhập của dân cư, từng bước quản lý tiến tới kiểm soát thu nhập, phục vụ cho công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và nhà nước trong từng thời kỳ.

+ Đảm bảo đơn giản, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, minh bạch và công khai. Phù hợp với thực tiễn và hệ thống pháp luật của Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc.

KẾT LUẬN

Việc quản lý tốt thuế thu nhập cá nhân trên từng địa bàn sẽ góp phần đảm bảo tính hợp lý, công bằng, hiệu quả của hệ thống chính sách thuế, góp phần hạn chế sự gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa các tầng lớp dân cư; đảm bảo nguồn thu quan trọng và ổn định cho Ngân sách Nhà nước; Góp phần quản lý thu nhập dân cư, làm minh bạch hóa nền kinh tế; Góp phần điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế. Đồng thời đáp ứng các yêu cầu chi tiêu của Nhà nước để giải quyết các vấn đề an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế... Thực hiện tốt công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên từng địa bàn cũng sẽ góp phần nâng cao tỷ trọng thu nội địa để ổn định số thu cho Ngân sách Nhà nước

Từ việc phân tích cơ sở lý luận quản lý thuế TNCN, vấn đề phân tích thực trạng quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã được hệ thống hoá trên các khía cạnh lý luận và liên hệ thực tiễn ở địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đề tài đã tập trung nghiên cứu và đạt được những kết quả sau:

Thứ nhất là hệ thống hóa một số vấn đề cơ sở lý luận về thuế TNCN và công tác quản lýthuế TNCN đối với Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Thứ hai phân tích thực trạng quản lý thuế TNCN trên địa bàn Vĩnh Phúc từ khi Luật thuế TNCN có hiệu lực (01/01/2009) đến nay, từ đó đưa ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế... Hoạt động quản lý thuế TNCN là một trong những mặt công tác quan trọng của quản lý tài chính Nhà nước

Thứ tư là đề ra các giải pháp để tăng cường công tác quản lý thuế TNCN tại Cục Thuế tỉnhVĩnh Phúc để phát huy tốt vai trò của Luật thuế TNCN.

Ngoài những "*Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*" trên, nhiệm vụ quan trọng mà ngành Thuế Vĩnh Phúc quyết tâm thực hiện trong thời gian tới là thắt chặt kỷ cương, kỷ luật, đổi mới phương pháp làm việc, củng cố, nâng cao chất

lượng đội ngũ công chức, nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ trong thực thi công vụ, tạo bước chuyển biến thật sự về công tác quản lý thuế theo hướng: "**Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới"**. Theo đó, những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có sáng kiến, cách làm hay mang lại hiệu quả trong cải cách hành chính, sẽ có chính sách biểu dương và khen thưởng kịp thời; Những cán bộ có hành vi vi phạm hay năng lực yếu kém sẽ có hình thức xử phạt đích đáng.

Do thời gian và trình độ nghiên cứu còn hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo và các bạn để bản luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN*, Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Bất và Vũ Huy Hào (2002), *Giáo trình quản lý thuế*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

3. Mai Văn Bưu và Phan Kim Chiến (1999), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

4. Học viện Tài chính (2009), *Giáo trình Nghiệp vụ thuế*, Nhà xuất bản Tài chính.

5. Quốc hội (2007), Luật thuế TNCN, Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 2, số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Quốc hội (2012), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 4, số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012

6. Tổng cục Thuế (2010) Quyết định số 108/QĐ-TCT ngày 14/01/2010 quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế; Quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 29/03/2010 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban thuộc Cục thuế, Hà Nội.

7. Bộ Tài chính - *Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành luật Quản lý thuế; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý thuế và nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ*

8. Bộ Tài chính - *Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 Hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi...*

9. Chính Phủ - *Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 Quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế TNCN.*

10. Chính Phủ - *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*

11. Cục thuế Vĩnh Phúc, báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2017,2018,2019.

11.Trang điện tử Tổng cục Thuế (www.gdt.gov.vn), Tạp chí Thuế (www.tapchithue.com.vn), Tạp chí Tài chính (www.tapchitaichinh.vn) và các trang điện tử khác.